

## LỜI MỞ ĐẦU

Cùng với cả nước phấn khởi kỷ niệm 36 năm ngày Nhà giáo Việt Nam (20/11/1982- 20/11/2018), tháng 11 này, Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội long trọng tổ chức Lễ kỷ niệm 15 năm Nhà trường được nâng cấp lên đại học, ghi thêm một dấu mốc mới, khẳng định uy tín, vị thế một trường đầu tiên của cả nước về đào tạo giáo viên Giáo dục thể chất.

15 năm nhìn lại, chặng đường hữu hạn với biết bao thăng trầm nhưng cũng rất đổi vinh quang và vẻ vang của các thế hệ cán bộ, nhà giáo đã miệt mài cống hiến, nó thực sự tiếp thêm nguồn sinh lực mới để thầy và trò thể hiện sự quyết tâm đưa Nhà trường tiếp tục khẳng định không chỉ là một trường đại học trọng điểm, chất lượng cao về GDTC của nước nhà và khu vực mà trở thành một trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ hàng đầu trong lĩnh vực Giáo dục thể chất, cung cấp nguồn nhân lực có trình độ cao, có năng lực phát triển tự thân và khả năng làm việc trong môi trường cạnh tranh quốc tế.

Đó cũng chính là chủ đề mà ấn phẩm Bản tin Giáo dục thể chất và Thể thao Trường học số thứ 4 mong muốn mang tới độc giả, coi đó như một sự tổng kết, đánh giá thực tiễn, đúc rút ra những bài học kinh nghiệm để tạo đà cho chặng đường xây dựng và phát triển trong những năm tiếp theo, đồng thời cũng thêm một sự khẳng định những đóng góp to lớn của tập thể cán bộ viên chức, người lao động Nhà trường trong quá trình xây dựng và phát triển, nhất là trong 15 năm từ khi Nhà trường được nâng cấp lên đại học.

Tuy nhiên, do khuôn khổ ấn phẩm giới hạn nên không thể sử dụng hết các bài viết của các nhà khoa học, nhà giáo, cán bộ, viên chức, Ban biên tập rất mong nhận được sự lượng thứ và mong muốn tiếp tục nhận được sự tham gia của các nhà khoa học, nhà giáo, cán bộ, viên chức, người học trong và ngoài trường để Bản tin thực sự trở thành cầu nối giữa Nhà trường với các trường đại học chuyên ngành về TDTT, các viện nghiên cứu, các Trung tâm huấn luyện TDTT, các trường phổ thông trong cả nước.

Nhân kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11 và 15 năm Trường nâng cấp lên đại học (2003 - 2018), Ban biên tập xin gửi lời chúc, lời cảm ơn tới các thế hệ cán bộ, nhà giáo đã miệt mài cống hiến cho sự nghiệp xây dựng và phát triển của Nhà trường. Xin gửi lời cảm ơn tới các nhà khoa học đã nhận xét, phân biện; cảm ơn các tác giả đã gửi bài và cảm ơn các độc giả, các cựu sinh viên đã luôn đồng hành cùng Nhà trường. Đặc biệt xin cảm ơn Sở Thông tin - Truyền thông Thành phố Hà Nội đã cấp phép hoạt động cho Bản tin, tạo nền tảng cho Nhà trường từng bước xây dựng tạp chí.

Xin trân trọng giới thiệu Bản tin Giáo dục thể chất và Thể thao trường học số 4 tới các đồng nghiệp trong và ngoài nước.

**TỔNG BIÊN TẬP**  
**TS. Nguyễn Duy Quyết**

## LÝ LUẬN THỰC TIỄN

■ <b>Nguyễn Duy Quyết</b> Khẳng định vị thế trường đầu ngành về đào tạo Giáo dục thể chất	3
■ <b>Nguyễn Văn Vốn, Nguyễn Minh Tiến, Nguyễn Văn Kha</b> Mô hình GDQP-AN sinh viên toàn diện, góp phần khẳng định vị thế của Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội	11
■ <b>Nguyễn Duy Quyết, Trần Mai Linh</b> Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội, nhân tố quan trọng trong sự nghiệp xây dựng con người Việt Nam đáp ứng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	15

## THÔNG TIN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

■ <b>Đỗ Mạnh Hưng</b> Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo sau đại học của Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội trong thời kỳ hội nhập quốc tế	20
■ <b>Phạm Thị Hương, Nguyễn Mạnh Toàn, Ngô Xuân Đức</b> Thành tựu đổi mới nghiên cứu khoa học công nghệ trong chặng đường 15 năm nâng cấp lên đại học	25
■ <b>Mai Thị Ngoãn</b> Lựa chọn một số bài tập nhằm phát triển sức bền tốc độ cho nữ học sinh đội tuyển cầu lông Trường THPT Đội Cấn, Vĩnh Tường-Vĩnh Phúc	31
■ <b>Phạm Thị Thanh Huyền D11CL-K46</b> Phòng chống chấn thương trong luyện tập võ thuật cho sinh viên Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội	39
■ <b>Văn Thị Nga, ĐKA - K47; Bùi Thị Minh Tiến, ĐC- K47</b> Nghiên cứu một số biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý giáo dục sinh viên thông qua mô hình tự quản của Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội	44
■ <b>Phạm Mai Vương, Nguyễn Thị Mai Thoan, Ngô Thị Thu</b> Biên soạn tổ hợp các động tác dự trên 7 bước cơ bản Thẻ dực Aerobic nâng cao khả năng phối hợp vận động cho nữ sinh chuyên sâu năm thứ nhất Trường ĐH Sư phạm TDTT Hà Nội	55

## DIỄN ĐÀN - TRAO ĐỔI

■ <b>Hương Xuân Nguyên</b> Đề xuất hướng quy hoạch Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội là trường trọng điểm nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên Giáo dục thể chất	58
■ <b>Lê Học Liêm, Trần Thị Thanh Bình, Đinh Thị Thảo</b> Văn hóa chất lượng Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội -15 năm xây dựng và phát triển.	65
■ <b>Vũ Quốc Huy</b> Thực trạng và giải pháp phát triển bóng rổ tại các trường trung học phổ thông Hà Nội	69
■ <b>Phùng Xuân Dũng</b> Các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý sinh viên Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội giai đoạn hiện nay.	73

## KHẲNG ĐỊNH VỊ THỂ TRƯỜNG ĐẦU NGÀNH VỀ ĐÀO TẠO GIÁO DỤC THỂ CHẤT

TS. Nguyễn Duy Quyết

Bí thư Đảng ủy, Hiệu trưởng

Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội

*Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội, tiền thân là trường TĐTT, thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, thành lập ngày 27/02/1961. Trải qua gần 60 năm xây dựng và phát triển, Trường được nhiều lần đổi tên, nâng cấp phù hợp với tình hình nhiệm vụ. Trong đó năm 2003 - dấu mốc Nhà trường được Thủ tướng Chính phủ quyết định nâng cấp thành trường đại học, được đánh giá là một giai đoạn cộng hưởng của cả chặng đường xây dựng và phát triển đạt đến tầm cao mới - vị thế mới và Nhà trường đang tiếp tục bước vào giai đoạn đổi mới căn bản và toàn diện theo tinh thần Nghị quyết 29 của Đảng, khẳng định vị thế mới.*

### I. KẾT QUẢ TIÊU BIỂU CHẶNG ĐƯỜNG 15 NĂM TRÊN VỊ THẾ MỚI

Chính thức được nâng cấp từ Trường Cao đẳng Sư phạm Thể dục Trung ương số 1 thành Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Tây, tại Quyết định số 83/QĐ-TTg, ngày 05/5/2003 của Thủ tướng Chính phủ. Đây là thời điểm toàn ngành Giáo dục đang tập trung thực hiện Nghị quyết TW 2 khóa VIII “củng cố, đầu tư nâng cấp các trường sư phạm” và Kết luận Hội nghị TW 6 (khóa IX) về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII, phương hướng phát triển giáo dục - đào tạo và công nghệ. Được xác định là trường giữ vị trí quan trọng, đầu tiên của cả nước về lĩnh vực đào tạo giáo viên GDTC, Trường được giao nhiệm vụ: Đào tạo giáo viên TĐTT trình độ đại học và các trình độ thấp hơn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên TĐTT, nghiên cứu và ứng dụng khoa học giáo dục thể chất.

Ngoài ra, thực hiện nhiệm vụ tại Quyết định số 2674/QĐ-GDĐT về việc thành lập Trung tâm Giáo dục quốc phòng thuộc Nhà trường có nhiệm vụ: Tổ chức giảng dạy môn học giáo dục Quốc phòng-An ninh cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề và THPT trong khu vực; thực nghiệm nghiên cứu khoa học Sư

phạm Quân sự và đào tạo ghép môn Giáo dục thể chất với quốc phòng-an ninh. Đây là một nhiệm vụ hoàn toàn mới đối với một trường đào tạo giáo viên Giáo dục thể chất đầu tiên của cả nước, vốn không có mô hình để kế thừa, nhất là với ngành TĐTT và công tác giáo dục quốc phòng-an ninh cho sinh viên, cùng với khó khăn đội ngũ cán bộ có chuyên môn cao thời kỳ đầu Nhà trường thành lập (năm 2003) trong nước chiếm tỷ lệ rất ít, vì vậy việc phát triển của Nhà trường gặp rất nhiều khó khăn. Nhưng với sự nỗ lực của tập thể cán bộ viên chức Nhà trường, trong suốt quá trình thực hiện nhiệm vụ, vừa làm vừa rút kinh nghiệm, đến nay Nhà trường không chỉ hòa nhập chung vào hệ thống các trường đại học sư phạm mà còn khẳng định vị thế của một trường đầu ngành của cả nước. Đó là:

#### 1. Kết quả về công tác đào tạo

##### 1.1. Đối với đào tạo Giáo viên giáo dục thể chất

Thực hiện nhiệm vụ của trường đại học đầu ngành trong lĩnh vực đào tạo giáo viên Giáo dục thể chất, phát huy bề dày truyền thống, giai đoạn 2003-2018, Nhà trường đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu đề ra. Trong đó công tác đào tạo đã có những bước phát triển rõ rệt cả về quy mô, loại hình và chất lượng đào tạo. Nhất là trong việc xác

định rõ nhiệm vụ của trường sư phạm TĐTT để tăng khả năng kỹ năng thực hành, Nhà trường tập trung vào đào tạo chuyên sâu các nội dung như: điền kinh, thể dục, bóng chuyền, bóng rổ, bóng ném, võ, bơi, bóng đá, bóng bàn, cầu lông, quần vợt, cờ vua, đá cầu... để cung cấp cho sinh viên những kiến thức về chuyên sâu, phục vụ cho công tác giảng dạy trong các trường phổ thông và phong trào TĐTT học đường; tăng cường thêm Luật thi đấu các môn thể thao và phương pháp tổ chức trọng tài, kỹ năng công tác đội chính khóa và rèn luyện nghiệp vụ sư phạm. Nếu như ở giai đoạn 2003-2007, Nhà trường tập trung cao vào hoàn thiện chương trình đào tạo chuẩn thì ở giai đoạn 2008-2017 bên cạnh việc tập trung đổi mới nội dung, chương trình, Nhà trường còn tập trung vào đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới công tác tuyển sinh theo Chỉ thị số 296/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về đổi mới quản lý giáo dục đại học giai đoạn 2010 -2012

Đặc biệt, gần đây, quán triệt và thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW, Nhà trường đã cụ thể hóa thành chương trình hành động sát với thực tiễn, tập trung vào rà soát lại toàn bộ chương trình đào tạo ở các trình độ, trên cơ sở tiếp cận dần các chương trình đào tạo tiên tiến, để đổi mới nội dung chương trình đào tạo sát với thực tế; từ năm 2017 đã thực hiện chuyển đổi sang đào tạo theo hệ tín chỉ đem lại kết quả rất rõ rệt.

Công tác đổi mới giáo dục, đào tạo được thực hiện với nhiều biện pháp tích theo phương pháp “phát triển năng lực nghề nghiệp và tư duy sáng tạo”, thường xuyên rà soát chương trình đào tạo, đề cương chi tiết môn học, tiếp cận dần các chương trình đào tạo tiên tiến; tiết giảm những nội dung không cần thiết, bổ sung các nội dung, môn học phù hợp với thực tế của trường phổ thông và yêu cầu của xã hội; chú trọng đào tạo toàn diện kết hợp với xây dựng các đội tuyển, các lớp nâng cao làm nòng cốt, tăng cường các hoạt động ngoại khóa; đổi mới thực tập sư

phạm... Chính vì vậy, sản phẩm đào tạo của Trường luôn được các địa phương thừa nhận, đánh giá cao. Đã có nhiều trường trong ngành và các địa phương đến trường để tham quan, trao đổi, học tập mô hình quản lý và đào tạo của Trường. Trong 15 năm (từ 2003 - 2018) đã đào tạo được gần 11.399 sinh viên có trình độ đại học, cao đẳng (gấp 2 lần giai đoạn trước).

Bên cạnh đó, thực hiện chủ trương của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong việc giúp các địa phương nhanh chóng giải quyết tình trạng thiếu giáo viên GDTC ở các trường phổ thông, Nhà trường đã ưu tiên liên kết đào tạo giáo viên GDTC trình độ đại học cho các tỉnh được hàng nghìn giáo viên, giúp các địa phương nhanh chóng giải quyết được vấn đề thiếu giáo viên thể dục hiện nay, nhất là đối với các tỉnh miền núi.

### **1.2. Đối với đào tạo sau đại học**

Từ khi trường được nâng cấp lên thành trường đại học (năm 2003), xác định tầm nhìn mang tính chiến lược, Ban Giám hiệu Nhà trường đã chỉ đạo xây dựng và thực hiện đề án đào tạo bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giảng viên có trình độ tiến sĩ, thạc sĩ ở trong nước và ngoài nước giai đoạn 2005 - 2015, đồng thời tích cực xây dựng cơ sở vật chất, xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo trình độ thạc sĩ trình Bộ Giáo dục và Đào tạo. Năm 2013, Trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép đào tạo trình độ thạc sĩ, đến nay đã tuyển sinh, đào tạo được 06 khóa với trên 200 học viên, trong đó 3 khóa đã tốt nghiệp. Đặc biệt khóa 6 - khóa học ghi nhiều dấu ấn quan trọng, đó là sau hơn 40 năm gián đoạn không tiếp nhận học viên nước ngoài, Nhà trường đã có 4 học viên nước bạn Lào theo học. Đây là sự khẳng định về sự phát triển đi lên của Nhà trường trong công tác đào tạo và công tác xây dựng đội ngũ giảng viên có đủ về số lượng, có trình độ về học hàm, học vị để thực hiện nhiệm vụ đào tạo

## **LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN**

sau đại học. Mục tiêu phấn đấu đến năm 2020, Trường được Bộ GD&ĐT cho phép đào tạo trình độ tiến sĩ.

### **1.3. Đối với đào tạo môn học Giáo dục quốc phòng - an ninh cho sinh viên**

Là đơn vị trực thuộc Trường, Trung tâm GDQP-AN có nhiệm vụ: Đào tạo chứng chỉ giáo dục quốc phòng - an ninh cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng, trung cấp khu vực Hà Nội. Đến nay đã hơn 24 năm hoạt động liên tục, Trung tâm GDQP-AN, đơn vị trực thuộc Trường đã có đủ về lực lượng giảng viên, biên soạn đầy đủ giáo trình phục vụ giảng dạy, huấn luyện, xây dựng phòng học đa năng, cải tiến nhiều mô hình, dụng cụ trực quan đổi mới phương pháp giảng dạy. Hiện nay thường xuyên có 18 trường đại học, cao đẳng khu vực Hà Nội đăng ký đưa sinh viên vào học tại Trung tâm, nhiều trường không trong phân luồng của Bộ cũng xin đưa sinh viên đến Trung tâm học chứng chỉ GDQP.

Kết quả chất lượng đào tạo từ năm 2003 tới nay, Trung tâm đã đào tạo được gần 282.000 sinh viên, lưu lượng gần 18.000 sinh viên/năm; đào tạo 07 khóa Giáo dục thể chất ghép môn với Giáo dục quốc phòng - an ninh với 487 sinh viên; đào tạo giáo viên ngắn hạn GDQP-AN được 03 khóa, tổng số 208 học viên; được Hội đồng Giáo dục quốc phòng - an ninh Trung ương và Thành phố Hà Nội về kiểm tra, đánh giá, nhận xét là một Trung tâm dẫn đầu trong các trung tâm giáo dục quốc phòng - an ninh của cả nước, được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Bảo vệ Tổ quốc hạng Ba (năm 2006), Huân chương Bảo vệ Tổ quốc hạng Nhì (năm 2011) và nhiều bằng khen của Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quân khu Thủ đô; được Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng 02 cờ thi đua và hiện tại được Hội đồng thi đua khen thưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo làm các thủ tục trình đề nghị

Nhà nước tặng thưởng Huân chương Bảo vệ Tổ quốc.

### **1.4. Công tác giáo dục, quản lý sinh viên**

Với đặc thù của môi trường hoạt động TĐTT và điều kiện cơ sở vật chất cho phép, Nhà trường đã đáp ứng được chỗ ở cho sinh viên ở KTX, hiện tại có trên 90% sinh viên ở nội trú, việc tổ chức các hoạt động quản lý, giáo dục, rèn luyện theo mô hình sinh viên tự quản đã phát huy được tính tích cực, chủ động trong sinh viên. Sinh viên không chỉ tổ chức tốt nề nếp sinh hoạt nội trú, tổ chức tốt các phong trào thi đua mà còn tham gia tích cực vào các hoạt động chung của Nhà trường, góp phần xây dựng, giữ vững môi trường sư phạm “xanh-sạch-đẹp” không tệ nạn xã hội... Công tác sơ kết, tổng kết phong trào thi đua được thực hiện đều đặn hàng tuần, hàng tháng, riêng công tác sinh viên được tổ chức sơ kết từng học kỳ và tổ chức hội nghị tổng kết năm.

Ngày càng xuất hiện nhiều sinh viên học giỏi, thi đấu đạt thành tích cao: 12 sinh viên được tặng giải thưởng “Sao tháng Giêng”; nhiều sinh viên đạt thành tích cao trong các giải thi đấu của khu vực và toàn quốc, trong đó có sinh viên đạt huy chương Vàng môn Thể dục nghệ thuật cấp quốc tế; huy chương Vàng Seagames cự ly chạy 800m và nhiều sinh viên được mời vào đội tuyển Việt Nam tham gia giải thể thao sinh viên Châu Á đạt thành tích xuất sắc.

Từ năm 2003 đến nay trung bình mỗi năm có hơn 100 sinh viên được học lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng, từ 20 - 30 sinh viên ưu tú được kết nạp vào Đảng, số sinh viên được kết nạp vào Đảng tăng nhanh qua từng năm. Trường trở thành một trong những trường có mô hình quản lý sinh viên tốt, được nhiều trường đại học, cao đẳng toàn quốc đến tham quan, học tập.

### **2. Công tác nghiên cứu khoa học**

## LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

Được đặc biệt coi trọng, vì thế hoạt động NCKH trong đội ngũ cán bộ, giảng viên ngày càng đi vào chiều sâu. Nhiều đề tài có mối quan hệ chặt chẽ giữa Nhà trường và các đơn vị, ban ngành, vừa tạo sự gắn kết, mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội to lớn, đồng thời trở thành tiền đề cho quá trình thực hiện nhiệm vụ đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đào tạo nói chung, giáo dục thể chất nói riêng. Tiêu biểu nhất là đề tài cấp Nhà nước về: “Điều tra thực trạng thể chất nhân dân” do Ủy ban TDTT chủ trì, trong đó Trường tham gia một nhánh của đề tài được đánh giá xuất sắc.

Từ 2003 đến 2018, Nhà trường đã triển khai thực hiện 32 đề tài tham gia cấp Bộ (trong đó đã hoàn thành 31 đề tài, 01 đề tài đang triển khai). Nội dung nghiên cứu tập trung vào các lĩnh vực nhằm nâng cao công tác giảng dạy GDTC và Thể thao trường học, đặc biệt có 01 đề tài nghiên cứu thuộc Chương trình Quốc gia về An toàn Vệ sinh lao động: “Biên soạn giáo trình phòng chống chấn thương trong giảng dạy, học tập TDTT ở các trường đại học, cao đẳng, TCCN khối sư phạm TDTT”; 30 bài báo khoa học quốc tế, 127 bài báo khoa học trong nước.

Ngoài ra đã biên soạn mới hơn 38 bộ giáo trình các môn học trình độ đại học; 22 bộ giáo trình dùng cho đào tạo chuyên ngành GDTC, GDQP-AN.

Nhằm mục đích công bố, giới thiệu các công trình khoa học phục vụ cho công tác đào tạo và nghiên cứu trên phạm vi cả nước về GDTC, HLTT. Nhà trường đã được Sở Thông tin - Truyền thông cấp phép xuất bản đề “Bản tin GDTC và Thể thao trường học” đi vào hoạt động.

Công tác NCKH của sinh viên đã thu được những kết quả bước đầu: hàng năm sinh viên Nhà trường tham gia các giải NCKH khối TDTT toàn quốc đều đạt nhiều giải cao. Từ năm 2008 đến nay có 31 đề tài NCKH sinh

viên được giải toàn quốc. Trong đó, năm học 2017-2018, sinh viên Nhà trường đạt 01 giải nhất, 02 giải nhì và 02 giải ba, tiếp tục giữ vững danh hiệu là một trong các đơn vị tham gia tích cực các hoạt động NCKH của sinh viên khối TDTT toàn quốc.

### 3. Công tác hợp tác quốc tế

Được coi là một trong những bước đột phá cơ bản, giai đoạn 2003-2018, Nhà trường tiếp tục đẩy mạnh công tác hợp tác quốc tế. Bên cạnh thường xuyên giữ mối quan hệ hợp tác quốc tế trong việc đào tạo CB, GV trình độ tiến sĩ, thạc sĩ chuyên ngành TDTT với: Học viện thể thao Vũ Hán, Thượng Hải, Hồ Nam và ĐH TDTT Bắc Kinh; đào tạo chuyên sâu y học TDTT, trao đổi GV với Cao đẳng TDTT Nam Ninh; liên kết bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn cho CB, GV với ĐHSP Quảng Tây (Trung Quốc); hợp tác trao đổi với Hội Thể thao Hensen (CHLB Đức). Đặc biệt, nếu như ở các giai đoạn trước, việc hợp tác quốc tế dừng lại ở một số hoạt động thì từ năm 2017 đến nay các hoạt động hợp tác được đẩy mạnh đi vào chiều sâu như: bên cạnh tăng cường ký kết hợp tác đào tạo với các trường có mối quan hệ truyền thống, thời điểm này Nhà trường đã đàm thoại mở rộng thêm nhiều đối tác như ký kết thỏa thuận hợp tác về đào tạo trong lĩnh vực TDTT với Học viện Thể thao Vũ Hán - Trung Quốc; ký kết bản ghi nhớ hợp tác với Trường Đại học TDTT Gdansk (Ba Lan); ký kết hợp tác với Trường Cao Đẳng TDTT Quảng Tây (Trung Quốc) về lĩnh vực đẩy mạnh y học vận động, bước đầu thỏa thuận hợp tác với Trường Đại học Kỹ thuật Ngô Phụng - Đài Loan; tiếp tục ký kết thỏa thuận với Trường Đại học Sư phạm Quảng Tây - Trung Quốc. Ngoài ra, Trường còn tổ chức buổi giao lưu học tập chuyên môn giữa sinh viên Nhà trường với sinh viên Trường Khoa học Thể thao và Dinh dưỡng - Đại học Công nghệ Bang Queensland (QUT)

## LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

- Australia, cử đội bóng đá nam tham dự Tuần lễ giao lưu thể thao, văn hóa các trường đại học Đông Nam Á và Nam Á tổ chức tại Trường ĐH Bách khoa Côn Minh (Trung Quốc). Đặc biệt là đàm phán với Trường Cao đẳng GDTC Quốc gia Lào sang trao đổi về nội dung liên kết đào tạo song phương cử sinh viên, học viên sang học tập dài hạn với kết quả đã tiếp nhận 08 lưu học sinh viên Lào sang học ở trình độ cao học và đại học.

### **4. Công tác đảm bảo chất lượng đào tạo**

Các hoạt động đảm bảo chất lượng được Đảng ủy lãnh đạo từng bước đưa hoạt động đi vào chiều sâu, trong đó một bước tiến rất lớn đó là đã tập trung hoàn thiện Báo cáo Tự đánh giá Trường trình Bộ GD&ĐT xin ý kiến đánh giá ngoài. Hiện tại bên cạnh triển khai nhiệm vụ chuyên môn, các đơn vị cá nhân được giao nhiệm vụ tiến hành thu thập minh chứng, hoàn thiện báo cáo để dự kiến đánh giá ngoài vào năm 2019.

### **5. Về công tác cán bộ**

Xác định công tác cán bộ là gốc của mọi công việc, Nhà trường đã tập trung cao nhất việc đầu tư, tăng cường nguồn lực về công tác cán bộ. Đến nay Trường đã có trên 75% CB, GV có trình độ sau ĐH. Đội ngũ CB, GV của Trường đều có phẩm chất tư cách đạo đức tốt, yêu ngành, yêu nghề, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, có bề dày kinh nghiệm trong công tác giảng dạy, huấn luyện; là trọng tài cấp quốc gia, quốc tế, chuyên gia về y học TDTT, về thể dục đồng diễn, tham gia đạo diễn khai, bế mạc các đại hội TDTT toàn quốc và Seagames. Trong tổng số 155 GV có 22 GV đạt trình độ TS, 01 GS, 01 PGS; 09 CB, GV có trình độ Cao cấp lý luận chính trị, 11 viên chức có trình độ Trung cấp lý luận chính trị, 100% viên chức đã học chương trình bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ quản lý hành chính Nhà nước, tất cả các viên chức thuộc đối tượng 2 và đối tượng 3 đều hoàn thành chương trình bồi

dưỡng kiến thức GDQP-AN theo quy định. Hiện Trường cử 15 GV đi đào tạo trình độ TS, NCS trong và ngoài nước. Bình quân mỗi năm tiếp theo có từ 4 - 5 GV bảo vệ xong luận án TS.

### **6. Công tác đầu tư cơ sở vật chất**

Là trường sư phạm không có nguồn thu học phí, nguồn kinh phí chủ yếu do Nhà nước cấp vì thế bên cạnh việc quản lý chặt chẽ nguồn thu chi đúng mục đích, hiệu quả, tiết kiệm, Nhà trường đã tích cực chủ động khai thác các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định để tăng thêm nguồn quỹ tự có để đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị. Trong vòng 15 năm, Nhà trường đã thực hiện quy hoạch tổng thể, xây dựng phát triển bền vững xây dựng mới hoàn thiện và nâng cấp với hàng loạt công trình như: Nhà điều hành 9 tầng, nhà thi đấu đa năng, nhà thí nghiệm thể chất, hội trường cùng với hệ thống sân bãi, tập luyện có tính liên hoàn như: Sân điền kinh phủ chất dẻo tổng hợp, sân bóng đá trải thảm cỏ nhân tạo, sân quần vợt, sân bóng rổ, bóng ném, bể bơi; củng cố, hoàn thiện hệ thống các tòa nhà ký túc xá đảm bảo chỗ ở cho lưu lượng trên 3000 sinh viên, đặc biệt là ở thời điểm hiện tại khi nguồn kinh phí của Nhà nước đầu tư cho cơ sở vật chất rất hạn hẹp. Mặc dù vậy với tư duy và tầm nhìn mới, Đảng ủy - BGH xác định đây là điều kiện cơ bản để nâng cao chất lượng đào tạo, vì thế bên cạnh việc tập trung đầu tư nhiều công trình lớn như: Xây mới cổng trường khang trang; mở đường đi đôi với chiều rộng lòng đường 9m, 2 bên hành lang dành cho người đi bộ từ cổng trường vào trung tâm Trường; hoàn thành mặt đường bê tông đường đi nội bộ khu tập thể; cải tạo phòng 106 giảng đường thành hội trường khang trang, đủ chỗ tổ chức hội nghị toàn trường và các hội nghị có quy mô trên 300 người; cải tạo KTX C4 thành khu ở chất lượng cao (có điều hoà, bình nóng lạnh) cho các đối tượng có nhu

cầu; cải tạo nhà khách công vụ phục vụ sỹ quan, lưu học sinh Lào và các lớp bồi dưỡng cán bộ, giáo viên; đầu tư hạng mục đài phun nước tại sân nhà 9 tầng bằng nguồn tài trợ các đơn vị dịch vụ, các đối tác và cá nhân, đơn vị trong trường. Ngoài ra, thực hiện chủ trương việc xây dựng môi trường thân thiện, thời gian này Nhà trường đã tiến hành quy hoạch lại toàn bộ hệ thống cây xanh, cây cảnh, không chỉ tạo cảnh quan về ngôi trường thân thiện, xanh - sạch - đẹp mà còn mang dáng vóc của ngôi trường hiện đại.

### **7. Phong trào thi đua và các hoạt động xã hội**

Phong trào thi đua được Nhà trường đặc biệt quan tâm đẩy mạnh, gắn với các cuộc vận động của ngành, chính vì thế đã tạo ra sức lan tỏa lớn. Nhất là phong trào dạy tốt, học tốt diễn ra liên tục, trung bình mỗi năm có trên 50 giảng viên đăng ký giờ dạy giỏi và dự giờ góp ý chuyên môn cho giảng viên trẻ. Đặc biệt vào các tháng mang sự kiện của đất nước có 100% số lớp đăng ký giờ học tốt. Hoạt động đổi mới phương pháp dạy học được giảng viên đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin đã giúp cho người học có nhiều chuyển biến tích cực, tỷ lệ sinh viên giỏi các năm đều tăng. Năm 2017, Nhà trường là 1 trong 10 đơn vị trong cả nước được Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng Bằng khen về đổi mới sáng tạo trong dạy và học.

Các hoạt động xã hội của Nhà trường không chỉ bó hẹp trong phạm vi nội bộ mà vươn ra rộng khắp trên nhiều lĩnh vực. Nổi bật là đã huy động nguồn lực của cán bộ, viên chức và sinh viên chung vai, góp sức thực hiện phong trào thi đua “Xây dựng nông thôn mới” cho xã Phụng Châu, Chương Mỹ, Hà Nội với tổng số tiền đã ủng hộ trên 1,6 tỷ đồng. Số tiền tuy không lớn, nhưng là tình cảm, trách nhiệm của tập thể Nhà trường chung tay góp sức vào phong trào xây dựng nông thôn mới của xã Phụng Châu từ chỗ chỉ

đạt 6 tiêu chí, đến nay đã đạt 11 tiêu chí Nông thôn mới. Nhất là trong việc thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động quyên góp ủng hộ, giúp đỡ đồng bào vùng sâu, vùng xa, vùng bị thiên tai bão lụt của Tổng liên đoàn lao động Việt Nam, của CĐGD Việt Nam tại các địa phương. Hằng năm Công đoàn tổ chức quyên góp được hàng trăm triệu đồng ủng hộ các địa phương được phân công. Đoàn thanh niên được tổ chức thực hiện sôi nổi, hiệu quả, xuyên suốt với nhiều phong trào như: Phong trào xây dựng nông thôn mới; phong trào SV xung kích tình nguyện vì cộng đồng, hiến máu nhân đạo; xây dựng quỹ khuyến học giúp đỡ những SV nghèo; nhận chăm sóc, phụng dưỡng 01 bà mẹ Việt Nam anh hùng và thường xuyên thăm hỏi tặng quà cho các gia đình chính sách, người có công trên địa bàn xã Phụng Châu - Chương Mỹ; phong trào SV tình nguyện tiếp sức mùa thi, dạy bơi miễn phí cho trẻ em Hà Nội. Nổi bật nhất là các hoạt động trong dịp kỷ niệm các sự kiện chính trị của đất nước, của TP. Hà Nội như dịp Kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội; Chào mừng Đại Hội Đảng Thành phố, ĐH Đảng toàn Quốc; tham gia các khối điều hành (khối rước trượng cờ, khối điều hành đại diện cho tuổi trẻ cả nước trong lễ mít tinh kỷ niệm 70 năm Cách mạng tháng 8 và Quốc khánh 2 - 9.

Với những đóng góp vào sự nghiệp phát triển GD&ĐT cho đất nước, từ năm 2003 đến nay, Trường đã được Đảng, Nhà nước ghi nhận, tặng thưởng: 01 Huân chương Độc lập hạng Ba; 01 Cờ thi đua của Chính phủ; 02 Bằng khen của Chính phủ; 01 cờ thi đua của Bộ; 23 Bằng khen của các Bộ, ban, ngành, tỉnh thành. Ngoài ra, Trung tâm GDQP-AN được tặng Huân chương bảo vệ Tổ quốc hạng nhì. Cũng trong giai đoạn này, tổ chức Công đoàn Trường được tặng Huân chương Lao động hạng Nhì cùng nhiều cờ



## LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

thưởng, bằng khen của Tổng liên đoàn lao động Việt Nam, của Công đoàn Giáo dục Việt Nam. Đoàn Thanh niên Trường được tặng nhiều cờ thưởng, bằng khen của Trung ương Đoàn, của Thành đoàn Hà Nội và Trung ương Hội sinh viên Việt Nam. Đó chính là minh chứng khẳng định những mốc son lịch sử của Nhà trường, không chỉ gọi bao điều suy nghĩ về cuộc hành trình đầy gian lao nhưng vô cùng vĩ đại của một trường đại học đầu ngành của cả nước đã và đang đồng hành cùng toàn ngành Giáo dục và đào tạo dệt nên những mùa xuân bất tận cho đất nước, mà còn đưa uy tín của Nhà trường bay cao, vang xa xứng với tầm vóc - vị thế mới của trường đại học đầu ngành trong lĩnh vực đào tạo giáo viên GDTC của cả nước và đang vươn tầm ra thế giới.

## II. MỤC TIÊU ĐỊNH HƯỚNG

### 1. Định hướng

Định hướng chung của Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội là tiếp tục xây dựng, phát triển thành trường đại học trọng điểm trong khu vực, tiến tới đào tạo đa cấp, đa ngành, đa lĩnh vực, trong đó có một số ngành đạt chuẩn quốc tế; cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao và thích ứng nhanh với thế giới việc làm; là trung tâm NCKH, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế, xã hội, phong trào thể thao của cả nước.

Quan điểm chỉ đạo trong quy hoạch phát triển đến năm 2030 là bám sát mục tiêu phát triển kinh tế xã hội, định hướng của Đảng về đề án phát triển TĐTT; quy hoạch các trường sư phạm và nhiệm vụ của ngành, xu thế phát triển của khoa học kỹ thuật, nhất là về ngành nghề TĐTT.

Sự phát triển của Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội được kế thừa từ chặng đường ngót 60 năm xây dựng và phát triển, nhanh chóng hội nhập và tiếp cận thành tựu tiên tiến của giáo dục, đào tạo thế giới, tiếp thu tinh

hoa của nhân loại và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc; đảm bảo tính bền vững, hiệu quả và đồng bộ, có lựa chọn lĩnh vực ưu tiên và khâu đột phá. Mở rộng quy mô đi đôi với nâng cao chất lượng và hiệu quả, đảm bảo tính thống nhất đồng bộ giữa mục tiêu, quy trình, nội dung và phương pháp đào tạo, phương thức đánh giá, liên thông, liên kết các ngành, các hình thức, các trình độ đào tạo; đổi mới tư duy và cơ chế quản lý, tăng cường tính tự chủ, thực hiện phương châm xã hội hóa.

### 2. Mục tiêu chung

Mục tiêu tổng quát phát triển Nhà trường đến năm 2030 là: Xây dựng Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội trở thành trường đại học đào tạo giáo viên giáo dục thể chất, cán bộ TĐTT, giáo viên giáo dục quốc phòng - an ninh đa cấp, có năng lực học tập vươn lên, tận tụy với nhiệm vụ được giao, đáp ứng tốt nhất nhu cầu tập luyện TĐTT chăm sóc sức khỏe ở mọi nơi, mọi lúc. Đặc biệt chú trọng đào tạo nhân tài, làm chủ các lĩnh vực chuyên sâu về giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng - an ninh và thể thao trường học; kết hợp chặt chẽ đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và chăm sóc sức khỏe, phát triển TĐTT; phấn đấu đủ năng lực hợp tác ngang tầm với các trường đại học danh tiếng trong khu vực, cung cấp đội ngũ giáo viên giáo dục thể chất đạt chuẩn quốc tế.

Nhà trường phát triển theo hướng đại học nghiên cứu và ứng dụng với quy mô trên 10.000 học viên; phát triển một số hướng nghiên cứu khoa học mũi nhọn mang đặc thù ngành nghề và theo chương trình tiên tiến; mở rộng và nâng cao hợp tác quốc tế; tăng cường nguồn thu hợp pháp để chủ động về tài chính nhằm đảm bảo các hoạt động của trường trọng điểm quốc gia và một số ngành đạt chuẩn quốc tế.

Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội sẽ là một trung tâm đào tạo đại học và sau đại học chuẩn mực, chất lượng cao, đáp ứng nhu

## LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

cầu xã hội, nguồn nhân lực cho sự nghiệp phát triển của cả nước. Hoàn thiện theo 2 hướng:

- Hướng đào tạo, nghiên cứu khoa học về TĐTT hàng đầu của quốc gia;

- Hướng ứng dụng, mở trường phổ thông kết hợp với thực hành năng khiếu TĐTT; hình thành trung tâm y học vận động phục vụ cộng đồng; Trung tâm tổ chức các hoạt động TĐTT phục vụ sự phát triển của ngành TĐTT và nhu cầu hưởng thụ văn hóa TĐTT của nhân dân.

### 3. Mục tiêu cụ thể

3.1. Tiếp tục phát huy truyền thống, thành tích của Nhà trường, kiên quyết khắc phục những hạn chế thiếu sót, tìm các giải pháp để tổ chức triển khai nhiệm vụ có chất lượng hiệu quả nhất.

3.2. Xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy, biên chế tinh gọn, hiệu quả. Nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ CB, VC. Giáo dục bồi dưỡng đội ngũ CB có lập trường tư tưởng, chính trị vững vàng, có tư cách phẩm chất đạo đức tốt, năng lực trình độ chuyên môn vững, giỏi.

3.3. Công tác tuyển sinh đào tạo: Duy trì nâng cao số lượng đầu vào các khóa đào tạo chính quy, liên kết, tăng dần số lượng đào tạo học viên trình độ trên đại học (cao học),

chuẩn bị tốt các điều kiện để tiến tới đào tạo tiến sĩ vào năm 2020, mở trường phổ thông năng khiếu vào năm 2022.

3.4. Đổi mới, cải tiến nội dung chương trình đào tạo sát với nhu cầu xã hội, đồng thời nâng cao chất lượng, kết quả đào tạo.

3.5. Đẩy mạnh phong trào, công tác nghiên cứu khoa học để ứng dụng mang lại hiệu quả trong công tác, giảng dạy, học tập.

3.6. Tiếp tục duy trì công tác hợp tác quốc tế với các trường ở nước ngoài và mở rộng thêm với một số nước khác trong khu vực.

3.7. Đầu tư kinh phí để mua sắm, cải tạo, xây dựng một số hạng mục công trình, sân bãi, trang thiết bị dụng cụ phương tiện giảng dạy, học tập ngang tầm khu vực và thế giới.

3.8. Đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước thiết thực, hiệu quả, mục tiêu phấn đấu tất cả các tổ chức chính trị, đoàn thể luôn đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh. Nhà trường luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, luôn đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến, xuất sắc, được Đảng, Nhà nước, các bộ ngành, địa phương ghi nhận biểu dương khen thưởng.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nghị định số 141/2013/NĐ-CP ngày 24/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giáo dục đại học;
2. Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg, ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ Trường Đại học;
3. Đề án phát triển tổng thể Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội giai đoạn 2008 - 2020.
4. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ trường nhiệm kỳ 2015 - 2020.

## MÔ HÌNH GDQP & AN SINH VIÊN TOÀN DIỆN, GÓP PHẦN KHẲNG ĐỊNH VỊ THẾ CỦA TRƯỜNG ĐH SƯ PHẠM TĐTT HÀ NỘI

Thượng tá Nguyễn Văn Vốn  
Đại tá Nguyễn Minh Tiến; Đại tá Nguyễn Văn Kha  
Trung tâm Giáo dục quốc phòng-an ninh  
Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội

*Được thành lập năm 1994 tại Quyết định số 2674/GĐĐT ngày 14/9/1994 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, mang tên gọi ban đầu là Trung tâm Giáo dục quốc phòng Hà Nội, đơn vị trực thuộc Trường Cao đẳng Sư phạm Thể dục Trung ương số 1 (nay là Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội), năm 1999 được đổi tên thành Trung tâm Giáo dục quốc phòng Hà Nội I. Quyết định số 1770/GĐĐT ngày 19/5/2017 được đổi tên thành Trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội (Trung tâm GDQP&AN Trường ĐHSPTĐTT Hà Nội). Là một trung tâm đầu tiên của cả nước có nhiệm vụ giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh, sinh viên các trường đại học, cao đẳng, TCCN, THPT trong khu vực Hà Nội, có chức năng, nhiệm vụ: Đào tạo Giáo dục quốc phòng và an ninh cho các trường THPT và TCCN, thực nghiệm nghiên cứu khoa học sư phạm quân sự, đào tạo sĩ quan dự bị. Trải qua 24 năm từ một mô hình đầu tiên, Trung tâm đã nhanh chóng khẳng định là một trung tâm hàng đầu của cả nước.*

### I. MÔ HÌNH GDQP & AN TOÀN DIỆN

Với nhận thức đội ngũ cán bộ giảng dạy là nhân tố quyết định chất lượng đào tạo, ngay từ những ngày đầu thành lập, Trung tâm GDQP&AN đã đặc biệt quan tâm xây dựng đội ngũ cả về số lượng và chất lượng. Từ chỗ ban đầu chỉ có 04 sĩ quan biệt phái của các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn Hà Nội được điều về, cùng với đó là khó khăn về nội dung, mô hình Giáo dục quốc phòng cho sinh viên rất mới, chưa có tài liệu chính thống, cơ sở vật chất cùng chung trong điều kiện của Nhà trường vô cùng thiếu thốn. Cơ sở vật chất đảm bảo cho công tác giáo dục quốc phòng và an ninh tại Trung tâm mới ngày đầu chỉ là một số dãy nhà cấp 4, phòng học giảng đường đơn giản chỉ có chiếc bảng phấn, thậm chí thiếu giảng đường phải dạy ngoài sân..., tất cả dường như đều chỉ là con số không. Nhưng bằng ý chí, nghị lực và quyết tâm của sĩ quan Quân đội “nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua”, phát huy phẩm chất “Anh bộ đội Cụ Hồ”, đặc biệt là dưới sự chỉ

đạo thường xuyên, sát sao kịp thời của Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường, Trung tâm đã khẩn trương xây dựng nhiều đề án, gồm nhiều hạng mục, kiện toàn về cơ cấu tổ chức, bộ máy và đầu tư cho chiến lược đào tạo, nghiên cứu khoa học, xây dựng đội ngũ. Chính vì thế sau 24 năm hoạt động, từ chỗ cơ cấu tổ chức bộ máy ban đầu chỉ có Ban Giám đốc và các giảng viên, đến nay bộ máy đã tương đối hoàn chỉnh, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Năm đầu tiên chỉ có 01 ban và 3 bộ môn đó là Ban Giám đốc do Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Nhà giáo ưu tú Phạm Khắc Học - Hiệu trưởng kiêm Giám đốc, Đại tá Nguyễn Ngọc Hiệp giữ chức vụ Phó giám đốc, ban chức năng có Ban Kế hoạch - Tổng hợp và các bộ môn Đường lối quân sự, Khoa mục chung, Kỹ - Chiến thuật. Năm 1999, Ban Kế hoạch - Tổng hợp được tách thành 03 ban: Ban Hành chính - Tổng hợp - Công tác Chính trị, Ban Đào tạo và Quản lý học viên, Ban Hậu Cần - Kỹ thuật. Năm 2006, các Ban được nâng cấp lên thành các phòng chức năng gồm Phòng Hành chính - Tổng

## LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

hợp - Công tác Chính trị (nay đổi tên thành Phòng Hành chính, Tổ chức), Phòng Đào tạo và Quản lý sinh viên và Phòng Hậu cần - Kỹ thuật (nay đổi tên thành Phòng Hậu cần, Tài chính, Kỹ thuật), đến năm 2010, các Bộ môn được nâng cấp lên thành các khoa, gồm Khoa Quân sự có 03 bộ môn: Quân sự chung, Kỹ thuật bộ binh và Chiến thuật bộ binh; Khoa Chính trị có 02 bộ môn: Đường lối quân sự và Công tác quốc phòng và an ninh.

Đặc biệt là sự lớn mạnh của đội ngũ sĩ quan, đến nay Trung tâm đã có 25 sĩ quan, trong đó Đại tá: 03 đồng chí, Thượng tá: 11 đồng chí, Trung tá: 06 đồng chí, Thiếu tá: 04 đồng chí, Đại úy: 01 đồng chí và 03 đồng chí giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh có văn bằng 2. Đồng thời Trung tâm xây dựng mạng lưới giảng viên thỉnh giảng thuộc Học viện Chính trị, Trường Sĩ quan Chính trị và những giảng viên của Trung tâm đã nghỉ hưu thường xuyên tham gia giảng dạy cùng Trung tâm.

Bên cạnh đó xác định nhiệm vụ quan trọng để thúc đẩy sự phát triển của Trung tâm đó là đầu tư cơ sở vật chất. Do có sự thuận lợi cơ bản là được đặt trong Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội, trường đầu ngành về giáo dục thể chất nên Đảng ủy luôn tạo điều kiện quan tâm. Cùng với các đề xuất với Bộ Giáo dục và Đào tạo tăng cường kinh phí, bằng nguồn kinh phí tự có, Đảng ủy - BGH đã lãnh đạo Trung tâm đầu tư được nhiều hạng mục. Đến nay đã có 01 khu giảng đường 5 tầng, các phòng học 100% được trang bị máy chiếu, hệ thống âm thanh, ánh sáng, quạt mát... và những trang thiết bị hiện đại. Trung tâm đã đầu tư mua sắm đầy đủ giáo trình cho sinh viên trong quá trình học tập tại Trung tâm, các vũ khí, trang thiết bị dạy học, mô hình học cụ phục vụ cho giảng dạy đã được Trung tâm đầu tư đổi mới, cải tiến như: Súng tiểu liên AK cấp 5

được hoán cải, cắt bỏ, máy bắn tập MBT-03 hiện đại... Thao trường Chiến thuật, Nhà bắn được đầu tư xây dựng hoàn thiện liên tục.

Khu vực ký túc xá sinh viên được xây dựng cơ bản hiện đại gồm các dãy nhà 3 tầng C3, C4, nhà 5 tầng mới C7, C8, C9, các phòng ở ký túc xá được xây dựng từng phòng khép kín, 02 nhà ăn được xã hội hóa, đảm bảo phục vụ hơn 2.000 sinh viên/khóa, có lúc 2.700 sinh viên/khóa.

Cũng chính từ cách làm đó mà uy tín vị thế của Trung tâm ngày càng được khẳng định rõ không chỉ bằng quy mô, mà bằng chính chất lượng đào tạo. Qua các khóa đào tạo Trung tâm luôn được lãnh đạo các nhà trường liên kết đánh giá rất cao chất lượng giảng dạy môn học giáo dục quốc phòng và an ninh, được thể hiện rất rõ đó là sau gần một tháng học tập và rèn luyện tại Trung tâm, sinh viên trưởng thành lên rất nhiều từ tư thế tác phong chững chạc tự tin hơn, nhất là nhận thức, ý thức về học tập được nâng lên, gắn bó với tập thể, kỹ năng sống... Qua thời gian được đào tạo giáo dục quốc phòng và an ninh tại Trung tâm chỉ gần một tháng nhưng để lại những ấn tượng rất sâu sắc cho sinh viên, hình ảnh “Thầy giáo áo xanh - Bộ đội Cụ Hồ” luôn được tỏa sáng, qua các bài cảm tưởng, trang nhật ký và tâm sự của sinh viên sau khi học xong chia tay Trung tâm đều chia sẻ các thầy Sĩ quan Quân đội rất nghiêm khắc trong duy trì kỷ luật, nhưng rất nhiệt tình trong giảng dạy, gần gũi trong cuộc sống hàng ngày và sôi nổi vui tươi cùng tham gia các hoạt động ngoại khóa với sinh viên.

Cũng chính từ điều đó, uy tín vị thế của Trung tâm ngày càng được nâng lên. Hiện nay Trung tâm đang liên kết với 18 trường đại học, cao đẳng trong khu vực Hà Nội theo phân luồng của Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh Trung ương, dự kiến sắp tới sẽ có 25 trường liên kết. Chỉ tính từ năm

## LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

2003 tới nay Trung tâm đã đào tạo giáo dục quốc phòng và an ninh được gần 282.000 sinh viên, lưu lượng gần 18.000 sinh viên/năm. Từ năm 2005 Trung tâm được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao nhiệm vụ đào tạo giáo viên ghép môn Giáo dục Thể chất với Giáo dục quốc phòng và an ninh cho các trường THPT và TCCN. Đến nay Trung tâm đã đào tạo tốt nghiệp được 07 khoá với 487 sinh viên. Về đào tạo giáo viên ngắn hạn Giáo dục quốc phòng và an ninh, Trung tâm đã đào tạo được 03 khóa, tổng số 208 học viên, giúp Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội tuyển chọn được 60 học viên đào tạo đủ tiêu chuẩn đào tạo Sĩ quan dự bị theo Nghị định số 26/2002/NĐ-CP ngày 21/3/2002 về Sĩ quan dự bị Quân đội nhân dân Việt Nam.

24 năm xây dựng và phát triển, Trung tâm đã chứng minh một phương thức, một mô hình quản lý đào tạo theo cơ chế gọn nhẹ, hiệu quả, mặc dù số lượng không nhiều nhưng Trung tâm luôn biết phát huy đội ngũ để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao khẳng định bằng chính sự ghi nhận của Đảng, Nhà nước đó là nhận được nhiều Bằng khen của Thủ tướng chính phủ, nhiều bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Quốc phòng, Quân khu Thủ đô, UBND thành phố Hà Nội, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội. Đặc biệt Trung tâm đã được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tặng hai Huân chương bảo vệ Tổ quốc hạng Nhì và hạng Ba, đang đề nghị tặng Huân chương bảo vệ Tổ quốc hạng Nhất. Trung tâm luôn là địa chỉ tin cậy, uy tín được nhiều nhà trường và các đơn vị đến tham quan, học hỏi kinh nghiệm.

### **II. MỘT SỐ GIẢI PHÁP TIẾP TỤC NÂNG CAO VỊ THẾ CỦA TRUNG TÂM**

Quán triệt sâu sắc các chỉ thị, nghị quyết của Đảng và Nhà nước về giáo dục quốc phòng, kịp thời đề ra các chủ trương, biện

pháp cụ thể để nâng cao chất lượng, hiệu quả GDQP cho học sinh, sinh viên, nhân kỷ niệm 15 năm Trường được nâng cấp lên thành Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội (2003 - 2018), tiến tới kỷ niệm 25 năm ngày thành lập Trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh (10/1994 - 10/2019), chúng tôi đề xuất một số các giải pháp tiếp tục nâng cao vị thế của Trung tâm nói riêng, của Nhà trường nói riêng như sau :

#### **1. Công tác chính trị, tư tưởng**

Phát huy giá trị cốt lõi, giá trị truyền thống, tính chủ động, sáng tạo của đơn vị; tạo động lực và cơ hội phấn đấu cho mỗi giảng viên, cán bộ quản lý và sinh viên, qua đó tôn vinh những tập thể và cá nhân có nhiều đóng góp cho sự phát triển bền vững của Trung tâm. Xây dựng văn minh công sở, thể hiện đậm đà văn hóa quân sự trong môi trường đại học để mỗi cán bộ, viên chức có cơ hội phấn đấu tự hoàn thiện mình tốt nhất.

Đổi mới, cải tiến công tác thi đua, khen thưởng, có chính sách đãi ngộ thỏa đáng cho những tập thể và cá nhân có nhiều đóng góp cho Trung tâm, đặc biệt khuyến khích xứng đáng đối với cán bộ có thành tích hoạt động khoa học, công nghệ xuất sắc, tránh thực hiện chế độ, chính sách theo kiểu cào bằng.

Đẩy mạnh thực hiện việc “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, “Nói không với bệnh thành tích” và “Mỗi thầy giáo, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo”.

#### **2. Công tác tổ chức cán bộ**

Xây dựng kế hoạch tổng thể phát triển đội ngũ cán bộ trong Trung tâm và cụ thể đến từng đơn vị với các tiêu chí rõ ràng, công khai minh bạch.

Xây dựng đề án danh mục vị trí việc làm theo nhiệm vụ và giai đoạn. Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các phòng chức năng, các khoa đào tạo đảm bảo cho bộ máy hoạt động hiệu quả cao nhất.

## **LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN**

Thực hiện nguyên tắc thống nhất chỉ huy theo hệ thống dọc, mỗi cấp dưới chịu sự chỉ huy của một cấp trên trực tiếp, đảm bảo phát huy tối đa vai trò quản lý điều hành và trách nhiệm của các cấp trong Trung tâm.

Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị chức năng của Nhà trường; Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội tổ chức bồi dưỡng kiến thức QP&AN cho các đối tượng 3 và 4 trong Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội; tham mưu cho lãnh đạo Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội về công tác GDQP&AN và công tác quốc phòng, quân sự địa phương.

### **3. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học**

Đổi mới căn bản phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá, kết hợp chặt chẽ giữa trang bị kiến thức với rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, tầm nhìn, năng lực và kỹ năng sống cho người học. Hằng năm tổ chức điều tra xã hội học để tiếp nhận ý kiến phản hồi từ sinh viên.

Đổi mới công tác quản lý đào tạo, áp dụng công nghệ hiện đại vào giảng dạy, luôn cập nhật thông tin kịp thời, đảm bảo đủ đề cương môn học, giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ cho dạy học và nghiên cứu.

Mở rộng quan hệ hợp tác với các trung tâm đào tạo, các học viện, nhà trường quân đội để trao đổi và học tập kinh nghiệm, đáp ứng yêu cầu phát triển.

Xác định nhiệm vụ NCKH là một trong những tiêu chí quan trọng đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ của mỗi cán bộ và đơn vị, đặc biệt là các khoa đào tạo. Có chính sách khuyến khích thỏa đáng với những đề tài, những sản phẩm nghiên cứu có giá trị ứng dụng cao.

### **4. Thúc đẩy tiến độ đào tạo giáo viên Giáo dục quốc phòng và an ninh**

Chủ động chuẩn bị mọi điều kiện cần thiết như: chương trình đào tạo, cơ sở vật chất, học liệu và các nguồn lực cho nhiệm vụ đào tạo giáo viên ghép môn Giáo dục Thể chất - Giáo dục quốc phòng và an ninh vào năm 2020; mở mã ngành đào tạo giáo viên giáo dục Thể chất - Giáo dục quốc phòng và an ninh, đề nghị Bộ GD&ĐT giao chỉ tiêu tuyển sinh theo đúng kế hoạch và tiến độ thời gian.

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- 1. Nghị định số 116/2007/NĐ-CP ngày 10/7/2007 của Chính phủ về GDQP-AN và Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm GDQP-AN sinh viên;*
- 2. Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh năm 2013, Nghị định số 13/2014/NĐ-CP ngày 25/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh;*
- 3. Kế hoạch số 02/KH-HĐGDQPAN TW ngày 06/01/2015 của Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh Trung ương về Kế hoạch công tác giáo dục quốc phòng và an ninh (GDQPAN) giai đoạn 2016 - 2020;*
- 4. Chỉ thị số 12- CT/TW ngày 03/5/2007 của Bộ Chính trị (khóa X) về Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác Giáo dục quốc phòng, an ninh trong tình hình mới; Luật GDQPAN;*
- 5. Nghị định số 13/NĐ-CP ngày 25/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh; các văn bản của Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh Trung ương và các Bộ, ngành Trung ương về giáo dục quốc phòng và an ninh.*

# TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TĐTT HÀ NỘI - NHÂN TỐ QUAN TRỌNG TRONG SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG THỂ CHẤT CON NGƯỜI VIỆT NAM ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC

TS. Nguyễn Duy Quyết - Bí thư Đảng ủy, Hiệu trưởng  
TS. Trần Mai Linh - GV. Khoa Lý luận  
Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội

**Tóm tắt:** Trước yêu cầu ngày càng cao về thể chất con người của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta hiện nay, Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội đã và đang trở thành một nhân tố vô cùng quan trọng trong việc thực hiện mục tiêu xây dựng con người Việt Nam cường tráng về thể chất đáp ứng những yêu cầu khắt khe của sự nghiệp này.

**Từ khóa:** Thể chất, công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

**Abstract:** *With the increasing demand for human physique in the industrialization and modernization of our country, Hanoi University of Physical Education and Sports has become a very important factor in the implementation. The goal is to build up the Vietnamese people physically to meet the strict requirements of this career.*

**Keywords:** *Physical, industrial, modernization.*

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thể chất đóng vai trò hết sức quan trọng đối với sự phát triển của chính bản thân con người và với sự phát triển của xã hội. Vì thế, nâng cao thể chất trở thành một yêu cầu quan trọng, mang tính tiền đề để thực hiện các nhiệm vụ khác trong xây dựng con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Mục tiêu đặt ra là làm cho người lao động nước ta đáp ứng được cường độ làm việc trong điều kiện sản xuất công nghiệp hiện đại. Đó là quá trình hình thành, biến đổi tuần tự theo quy luật trong cuộc đời mỗi người về cả hình thái, chức năng, năng lực thể chất và cả những tố chất thể lực. Trong quá trình đó, hoạt động TĐTT, đặc biệt là thể thao trường học giữ vai trò nền tảng.

Trong những năm qua, thể chất con người Việt Nam đã không ngừng được cải thiện cả về tầm vóc, tố chất thể lực và thẩm mỹ. Tuy nhiên, có thể thấy, dù cải thiện nhưng thể chất người dân nước ta vẫn còn rất xa mới đạt tới các chỉ số cụ thể theo yêu cầu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Vì vậy, cùng với các nhiệm

vụ nâng cao chất lượng cuộc sống, hoàn thiện, hiện đại hóa hệ thống y tế, bảo đảm bền vững về môi trường, phát triển TĐTT mà trước hết là thể thao trong trường học, đã trở thành yêu cầu cấp bách hiện nay. Do đó, với vị thế là một trường hàng đầu về đào tạo giáo viên giáo dục thể chất, Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội giữ một vai trò đặc biệt quan trọng trong sự nghiệp xây dựng thể chất con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa

## 2. NHIỆM VỤ XÂY DỰNG THỂ CHẤT CON NGƯỜI VIỆT NAM ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC

Nhiệm vụ nâng cao thể chất cho nhân dân đã luôn được Đảng quan tâm thực hiện với quan điểm “Sức khỏe của nhân dân, tương lai của giống nòi là mối quan tâm thường xuyên của Đảng và Nhà nước ta, là trách nhiệm của tất cả các ngành, các đoàn thể, là trách nhiệm và lợi ích thiết thân của mỗi công dân” [2, tr.93]. Với những kết quả tích cực mà chúng ta đạt được trong cải thiện đời sống, phát triển y

## LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

tế, TĐTT, các chỉ số cụ thể về chiều cao, cân nặng, tuổi thọ, sức bền, sức nhanh, sức mạnh... của con người Việt Nam được cải thiện đáng kể và tiến gần hơn tới yêu cầu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Điều này được biểu hiện qua những con số cụ thể sau:

- Về tầm vóc: Năm 2009, chiều cao trung bình của người trưởng thành Việt Nam đạt 158,9 cm (nam 164,4 cm; nữ 153,4 cm); cân nặng là 50kg (nam 54 kg; nữ 46 kg) [4, tr.4]. Đến năm 2014, tầm vóc của thanh niên Việt Nam (lứa tuổi 17) tiếp tục được cải thiện đáng kể với chiều cao, cân nặng đều vượt mức năm 2009 và tiến gần tới tiêu chí của con người công nghiệp. Trong đó, chiều cao trung bình của nam đạt 166,5 cm và nữ là 156,62 cm; cân nặng trung bình của nam 56,83kg, nữ 47,12 kg [1, tr.274]. Chiều cao, cân nặng này đã giúp tầm vóc thanh niên Việt Nam đáp ứng tốt hơn cả yêu cầu về tính thẩm mỹ lẫn yêu cầu về lao động trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Các tố chất thể lực của thanh niên Việt Nam cũng đã cải thiện đáng kể, nhất là về sức bền, giúp giảm tải những căng thẳng, mệt mỏi và nâng cao hiệu quả lao động; đồng thời, góp phần hình thành tác phong công nghiệp cho một bộ phận nhân dân bằng sự khỏe khoắn, năng động, nhanh nhẹn. Nó được biểu hiện thông qua các chỉ tiêu mà thanh niên Việt Nam (lứa tuổi 17) đạt được khá tốt so với tiêu chuẩn của công nghiệp hóa. Trong đó chỉ tiêu về sức bền là chạy tủy sức 5 phút đạt 757,71m đối với nam và 736,34m đối với nữ. Tiêu chí về sức mạnh (lực bóp thuận) của nam trung bình đạt 39,06kg và nữ 26,22kg. Tiêu chí về sức nhanh (chạy 30m xuất phát cao) giá trị đạt được ở nam trung bình 5,16s và nữ trung bình 6,08s [1, tr.275-276].

- Với các thành quả trên, các năng lực chức năng trong cơ thể con người Việt Nam cũng được cải thiện đáng kể và nó quay trở lại thúc đẩy sự vươn lên của tầm vóc, thể lực. Điều này được biểu hiện bằng sự gia tăng của tuổi thọ

người dân nước ta: Từ 65,6 tuổi (năm 1990) lên 73,1 tuổi (năm 2013) và 73,3 tuổi (năm 2015) (Nguồn Tổng cục Thống kê, <http://www.gso.gov.vn/>). Tuổi thọ trung bình này đã cao hơn mức 69,3 tuổi của nhóm nước có HDI trung bình và hơn cả mức 72,6 tuổi của nhóm có HDI cao (trong năm 2013) (Nguồn UNDP, <http://www.vn.undp.org/>).

Tuy nhiên, cùng với yếu tố bẩm sinh di truyền thì những hạn chế trong việc thực hiện các nhiệm vụ về cải thiện đời sống, chăm sóc sức khỏe, phát triển hoạt động TĐTT, bảo vệ môi trường đã làm cho thể chất con người Việt Nam dù có cải thiện nhưng vẫn thấp hơn so với nhiều nước trong khu vực, trên thế giới và chưa đáp ứng được yêu cầu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Cụ thể:

- Đời sống, môi trường lao động văn minh, hiện đại cần con người có một hình thể đẹp, cân đối để tạo nên những lợi thế và sự phù hợp nhất định theo chuẩn quốc tế. Tuy nhiên, chiều cao, cân nặng của thanh niên, người trưởng thành Việt Nam vẫn rất hạn chế, đều thấp hơn so với hầu hết các nước trong khu vực Châu Á và so với chuẩn quốc tế. Kết quả điều tra của Viện Dinh dưỡng cho thấy, năm 2009, nam thanh niên Việt Nam cao trung bình 164,4cm (thấp hơn 13cm so với chuẩn) và nữ là 153,4cm (thấp hơn 10,7cm so với chuẩn). Chiều cao trung bình này là thấp nhất so với 13 quốc gia có số liệu thống kê (trong khu vực Đông Nam Á và một số nước Châu Âu), đó là chưa kể đến việc các nghiên cứu của Việt Nam tiến hành muộn hơn các nước này từ 5 - 6 năm.

- Tố chất thể lực của thanh niên Việt Nam dù đã cải thiện nhưng mới chỉ là tiếp cận gần hơn tới các tiêu chí chứ chưa đáp ứng được yêu cầu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa và bị xếp vào loại kém (thậm chí rất kém nếu so với chuẩn quốc tế), đặc biệt là về sức bền và sức mạnh.

Nhìn chung, tầm vóc, thể lực con người Việt Nam đã được cải thiện đáng kể so với thế hệ



cha ông. Như báo cáo của Học viện Phát triển Nước ngoài (ODI) năm 2010 đã khẳng định: “Việt Nam là một trong hai nước đi đầu trong việc giảm nghèo và cải thiện sức khỏe theo các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ” [3, tr.129]. Nhưng dù vậy, so với thế giới, thể chất con người Việt Nam vẫn còn rất khiêm tốn và chưa đáp ứng được cường độ làm việc cũng như những yêu cầu trong việc sử dụng máy móc thiết bị theo tiêu chuẩn quốc tế.

### **3. TRƯỜNG ĐHSPTDĐT HÀ NỘI VỚI VIỆC THỰC HIỆN MỤC TIÊU XÂY DỰNG THỂ CHẤT CON NGƯỜI VIỆT NAM ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC**

Những phân tích trên cho thấy, yêu cầu cải thiện, nâng cao thể chất con người Việt Nam đang được đặt ra một cách cấp thiết. Để thực hiện nhiệm vụ này, chúng ta phải thực hiện một hệ giải pháp gồm: Nâng cao nhận thức của toàn dân về sự phát triển thể chất con người trong điều kiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa; nâng cao chất lượng cuộc sống; hoàn thiện, hiện đại hóa hệ thống y tế; bảo đảm bền vững về môi trường. Trong đó, đẩy mạnh phát triển các hoạt động TDĐT trong nhân dân được coi là một giải pháp then chốt nhằm phát huy vai trò chủ động của nhân dân trong rèn luyện, chăm sóc cải thiện thể chất.

Thể chất của con người hình thành, phát triển không chỉ do yếu tố bẩm sinh di truyền mà còn do điều kiện sống, đặc biệt là nó có thể được cải thiện đáng kể thông qua quá trình giáo dục và rèn luyện. Cho nên để thực sự có được một thể chất đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa thì mỗi người phải biết biến ý thức, mong muốn của bản thân thành hành động thực tiễn trong rèn luyện thân thể. Quá trình hình thành và phát triển của thể chất con người đến khi đáp ứng được các yêu cầu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa là một quá trình lâu dài, liên tục thông qua hàng loạt các tác động

nhằm bảo vệ và phát triển thể chất. Cũng vì vậy, nó đòi hỏi các hoạt động rèn luyện thân thể phải được thực hiện thường xuyên và liên tục. Do đó, việc đẩy mạnh hoạt động luyện tập TDĐT trong nhân dân phải thực hiện được đồng bộ với các mục tiêu về phát triển thể thao học đường, thể thao trong các trường cao đẳng, đại học và phát triển phong trào TDĐT quần chúng.

Trước hết, sự hoàn thiện về thể chất, trí tuệ, tâm hồn đáp ứng các điều kiện lao động khi con người trưởng thành chỉ có thể đạt được trên nền tảng một cơ thể mạnh khỏe ngay từ lúc còn nhỏ. Vì vậy, cùng với các hoạt động chăm sóc khác, từ những ngày còn ngồi trên ghế nhà trường, mỗi người đã cần phải tích cực rèn luyện thân thể. Việc đẩy mạnh thể thao học đường, thể thao trong các trường cao đẳng, đại học chính là nhằm thực hiện mục tiêu này. Tham gia luyện tập, thi đấu thể thao ngoại khóa sẽ giúp cho các em học sinh, sinh viên phát triển hoàn thiện chiều cao, hệ cơ, xương khớp; giúp tinh thần sảng khoái sau những giờ học căng thẳng. Hoạt động thể thao còn trang bị cho các em những bài học kỹ năng sống đầy sinh động về sự kiên trì, tính kỷ luật, cách đối diện thắng - thua tích cực, cách xử lý tình huống linh hoạt, cách làm việc đội nhóm... Ngoài ra, thể thao trong trường học còn là nơi để các huấn luyện viên có thể tìm kiếm và phát hiện những nhân tài cho đội tuyển của địa phương, của quốc gia. Vì những lợi ích đó, có thể khẳng định, đầu tư cho thể thao học đường luôn được xem là sự đầu tư nhằm tạo ra một thể hệ lao động tương lai phát triển toàn diện đáp ứng các yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong giai đoạn mới.

Muốn phát triển thể thao học đường, thể thao trong các trường cao đẳng, đại học, điều kiện tiên quyết là phải có một đội ngũ giáo viên giáo dục thể chất có chuyên môn vững vàng, có đạo đức nghề nghiệp trong sáng. Bởi thế, là

## LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

một trường đầu ngành về đào tạo giáo viên giáo dục thể chất, Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội đã trở thành một nhân tố quan trọng trong sự nghiệp xây dựng thể chất con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Hiện nay, cả nước có 2 trường Đại học Sư phạm TDTT là Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội và Đại học Sư phạm TDTT Thành phố Hồ Chí Minh. Trong đó, đại học Sư phạm TDTT Hà Nội là trường công lập trọng điểm phía bắc mang trong mình sứ mệnh cao cả đào tạo nguồn nhân lực giáo viên giáo dục thể chất chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài TDTT cho hệ thống giáo dục quốc dân và toàn xã hội; nghiên cứu khoa học cơ bản, khoa học ứng dụng thuộc các lĩnh vực khoa học TDTT, giáo dục thể chất đạt trình độ tiên tiến; cung cấp dịch vụ giáo dục và khoa học công nghệ TDTT. Tiền thân là trường TDTT, thuộc Bộ Giáo dục, thành lập ngày 27/02/1961, Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội đã trải qua lịch sử 57 năm và 15 năm nâng cấp lên thành trường Đại học. Với hơn nửa thế kỷ xây dựng và phát triển, Trường đã trở thành trụ cột của ngành sư phạm trong đào tạo giáo viên chuyên trách TDTT. Những thế hệ sinh viên, học viên của Trường giờ đây đã và đang vươn tới mọi miền của tổ quốc, từ miền núi cho tới miền xuôi, từ nông thôn cho tới thành thị, tham gia tích cực vào quá trình giảng dạy, rèn luyện TDTT học đường.

Xác định được tầm quan trọng đặc biệt của người cán bộ, giáo viên TDTT đối với sức khỏe nhân dân và bằng lòng yêu trường, yêu nghề, toàn thể cán bộ, giảng viên của Nhà trường đã không ngừng nỗ lực hoàn thiện về chuyên môn, nghiệp vụ nâng cao chất lượng dạy học. Số lượng giảng viên là thạc sỹ, tiến sỹ ngày càng đông đảo. Bên cạnh hợp tác trong nước, mối quan hệ quốc tế ngày càng mở rộng với nhiều nước như Trung Quốc, Đức, Hungary, Đài Loan, Ấn Độ, Nga, Lào, Thái

Lan đã tạo điều kiện thuận lợi cho giảng viên, sinh viên Nhà trường trao đổi và tiếp nhận tri thức tiên tiến; đồng thời tạo ra sân chơi để sinh viên tham gia các giải thi đấu TDTT, trau dồi thêm kỹ năng trong hoạt động phong trào TDTT.

Bên cạnh đó, Nhà trường cũng rất chú trọng đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất phục vụ việc học tập, nghiên cứu. “Với diện tích trên 14ha, Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội sở hữu khuôn viên rộng lớn cùng cơ sở vật chất hiện đại, được thiết kế trẻ trung, hướng tới sự tiện nghi và thoải mái cho sinh viên, đảm bảo nhu cầu tối đa cho người học. Đặc biệt là hình ảnh hệ thống sân bãi tập luyện, đủ tiêu chuẩn thi đấu ở các giải quốc gia, quốc tế như: Bể bơi hiện đại có mái che với thiết kế 10 đường bơi cùng với hệ thống xử lý nước thông minh; hệ thống sân bóng rổ, sân quần vợt, sân bóng ném, sân bóng chuyền...; sân điền kinh được phủ chất dẻo tổng hợp với 6 đường chạy 2, cùng với sự thiết kế kết hợp tính đa dụng có thể thực hiện học tập, thi đấu nhiều nội dung điền kinh như: Hồ nhảy cao, đẩy tạ, khu ném lao, ném đĩa, nhảy xa...; sân bóng đá trải thảm cỏ nhân tạo được đưa vào sử dụng từ năm 2009 với công nghệ Châu Âu đủ tiêu chuẩn thi đấu các giải quốc gia, quốc tế...; nhà thi đấu đa năng được thiết kế với một không gian mở có sức chứa hơn 3000 người và có thể thi đấu ở nhiều nội dung như: Bóng bàn, cầu lông, võ thuật, thể dục... tạo sự liên hoàn về TDTT.” (Nguồn, <http://thethaovietnam.vn>).

Để đáp ứng yêu cầu của xã hội, công tác đổi mới căn bản, toàn diện việc dạy và học được Nhà trường đẩy mạnh thực hiện và coi đây là nhiệm vụ trung tâm trong quá trình phát triển. Nội dung đào tạo được đổi mới theo phương châm “giỏi một môn, biết nhiều môn”. Bên cạnh đó, nội dung còn phải hướng vào thực hiện nhân văn hóa giáo dục và đào tạo, tức là hướng tới phát triển nhân cách người học một cách toàn diện, mang lại cho người học không

chỉ trình độ học vấn mà còn cả những năng lực và phẩm chất đạo đức cần thiết. Cùng với nội dung, phương pháp dạy học cũng cần được đổi mới theo hướng chuyển từ tiếp cận nội dung (học sinh học được gì) sang tiếp cận năng lực của người học (học sinh làm được gì thông qua việc học). Trong đó, việc dạy học cần tăng cường các hoạt động độc lập của chính người học, hoạt động tích hợp các kiến thức, kỹ năng, thái độ, giá trị vốn là cơ sở để hình thành năng lực. Nghĩa là, biến quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo. Theo đó, sinh viên được tiếp cận và thực hành các kỹ năng hoạt động trong lĩnh vực TDTT đa dạng theo xu thế phát triển của xã hội hiện nay.

Nhờ những thành quả này, chất lượng đào tạo của Nhà trường được nâng lên. Chất lượng giáo viên giáo dục thể chất qua đào tạo cử nhân, thạc sỹ đều được đánh giá cao. Điều đó được cả xã hội ghi nhận, đặc biệt là những cơ sở tuyển dụng nhân lực tốt nghiệp từ Trường. Nhà trường được Toplist (toplist.vn) đánh giá xếp hạng là 1 trong 5 trường đại học đào tạo sư phạm tốt nhất Việt Nam; là một trong 10 trường trên toàn quốc được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng bằng khen về phong trào “Đổi mới, sáng tạo trong dạy và học”. Bởi thế, các thế hệ sinh viên, học viên của Nhà trường giờ đây đã và đang là những người thầy, người cô tâm huyết với sự nghiệp TDTT nước nhà với việc rèn luyện nâng cao thể chất cho thế hệ trẻ Việt Nam.

Ngoài việc có những đóng góp rất lớn cho phát triển thể thao học đường, thể thao trong các trường cao đẳng, đại học, các thế hệ cán bộ, giảng viên và sinh viên Nhà trường còn

đang tham gia rất tích cực vào phát triển phong trào TDTT quần chúng. Trên khắp cả nước, kể cả là vùng nông thôn, miền núi, hệ thống các lớp học, các câu lạc bộ thể thao được mở rộng nhờ công sức của các thầy, cô và các em sinh viên. Những địa điểm này luôn thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia tập luyện, thi đấu, với sự phong phú về bộ môn như: Bơi lội, bóng đá, aerobic, cầu lông, bóng chuyền, khiêu vũ, võ thuật.

Đặc biệt là sự phát triển các phòng tập gym, yoga, fitness với nhân sự đông đảo từ lực lượng sinh viên của Trường đã và sẽ tiếp tục góp phần rèn luyện, nâng cao thể chất cho mọi tầng lớp nhân dân Việt Nam, không phân biệt giàu nghèo hay vùng miền.

#### 4. KẾT LUẬN

Sự phát triển thể chất con người cho thấy, hoạt động TDTT cộng đồng chính là một phần của quá trình giáo dục xã hội nhằm hoàn thiện con người theo yêu cầu của xã hội mới. Trong đó, thể thao học đường, thể thao trong các trường đại học, cao đẳng đóng vai trò là tiền đề, là nền tảng. Sự phát triển của thể thao trong trường học phải được bắt đầu từ việc nâng cao chất lượng chuyên môn và đạo đức cho đội ngũ giáo viên giáo dục thể chất.

Bởi thế, bằng việc đào tạo ra những thế hệ sinh viên, học viên chuyên trách TDTT có chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng, có đạo đức và tâm huyết với nghề, Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội đã và đang trở thành một trong những nhân tố quan trọng góp phần xây dựng thể chất con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta hiện nay.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thành Duy (2001), *Tư tưởng Hồ Chí Minh với sự nghiệp xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Đinh Xuân Lý (2011), *Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo thực hiện chính sách xã hội trong 25 năm đổi mới (1986-2011)*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
3. Viện Dinh dưỡng (2012), *Báo cáo tóm tắt Tổng điều tra dinh dưỡng 2009 – 2010*, Nxb Y học, Hà Nội.

# THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TDTT HÀ NỘI TRONG THỜI KỲ HỘI NHẬP QUỐC TẾ

TS. Đỗ Mạnh Hưng - Trưởng khoa Đào tạo sau ĐH  
Trường ĐH Sư phạm TDTT Hà Nội

**Tóm tắt:** Bài viết trình bày thực trạng công tác đào tạo sau đại học (SĐH) của Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội (ĐHSP TDTT Hà Nội), gồm những nội dung: Thực trạng công tác đào tạo SĐH; công tác tổ chức giảng dạy, quản lý hoạt động đào tạo Sau đại học; ưu điểm và những vấn đề cần khắc phục trong đào tạo SĐH; các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo SĐH.

**Abstract:** This paper presents the current situation of postgraduate training of Hanoi University of Physical Education and Sport, including the following contents: Current status of postgraduate training; the organization of teaching, management of postgraduate training; Strengths and problems to overcome in the training of the university; Solutions to improve the quality of training.

**Từ khóa:** Đào tạo sau đại học, chương trình đào tạo, đội ngũ giảng dạy, giải pháp.

**Keywords:** postgraduate training, training programs, teaching staff, solutions.

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sứ mạng của Trường ĐHSP TDTT Hà Nội là đào tạo nguồn nhân lực giáo viên Giáo dục thể chất chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài TDTT cho hệ thống giáo dục quốc dân và toàn xã hội; nghiên cứu khoa học cơ bản, khoa học ứng dụng thuộc các lĩnh vực khoa học TDTT, giáo dục thể chất đạt trình độ tiên tiến; cung cấp dịch vụ giáo dục và khoa học công nghệ TDTT; giáo dục quốc phòng, an ninh phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

Chính vì vậy, Nhà trường đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép mở mã ngành đào tạo trình độ thạc sĩ từ năm 2013 (theo Quyết định số 585/QĐ-BGDĐT ngày 07/02/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo). Sau 5 năm đào tạo SĐH, Trường ĐHSP TDTT Hà Nội đã đào tạo 6 khóa cao học với tổng số 285 học viên, trong đó có 111 học viên đã tốt nghiệp và được cấp bằng thạc sĩ khoa học giáo dục, chuyên ngành Giáo dục thể chất). Đây là một trong những thành tích quan trọng, khẳng định vị trí của Nhà trường trong công tác đào tạo nguồn nhân lực GDTC chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát

triển sự nghiệp giáo dục và góp phần tích cực phục vụ nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

Bên cạnh những thành tích đã đạt được vẫn còn tồn tại một số bất cập cần khắc phục. Để nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu học tập ngày càng cao của người học và yêu cầu nhân lực chất lượng cao của đất nước trong thời kỳ hội nhập quốc tế, Nhà trường cần phải nâng cao năng lực đào tạo, mở rộng quy mô đào tạo, xây dựng, đổi mới, hoàn chỉnh các chương trình đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ, đổi mới công tác tổ chức tuyển sinh, đào tạo, đánh giá kết quả đào tạo.

## 2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC ĐÀO TẠO SĐH CỦA TRƯỜNG ĐHSPTDTT HÀ NỘI

### 2.1. Quy mô đào tạo

Từ năm 2013 tới nay, Nhà trường đã và đang đào tạo 6 khóa cao học (03 khóa đã tốt nghiệp và được cấp bằng thạc sĩ), hiện đang đào tạo 3 khóa. Cụ thể về quy mô đào tạo cao học được trình bày tại bảng 1.

## THÔNG TIN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

**Bảng 1. Thực trạng quy mô đào tạo SDH của Trường ĐHSP TDTT Hà Nội (tính đến tháng 10/2018)**

Năm	Chỉ tiêu được giao	Số HV trúng tuyển	Số HV nhập học	Tổng số HV đang theo học	Số HV tốt nghiệp trong thời hạn 2 năm	Số HV tốt nghiệp quá thời hạn 2 năm
2013	30	30	30	0	28	2
2014	42	40	40	0	42	0
2015	42	42	41	0	41	0
2016	65	65	65	62	0	0
2017	50	50	49	48	0	0
2018	56	55	54	54	0	0
<b>Tổng</b>	<b>285</b>	<b>282</b>	<b>279</b>	<b>164</b>	<b>111</b>	<b>2</b>

Qua kết quả thống kê cho thấy: Tỷ lệ tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ của Nhà trường là 282/284 đạt 98,94% so với chỉ tiêu được Bộ giao, tỷ lệ học viên nhập học so với số học viên trúng tuyển là 279/282 đạt 98,93%. Về tỷ lệ tốt nghiệp (không tính số học viên chưa tới hạn tốt nghiệp): Tỷ lệ tốt nghiệp ở học viên cao học đạt 100% (riêng khóa 1 có 02 học viên tốt nghiệp quá thời hạn 2 năm là do 01 HV bảo lưu kết quả học và 01 HV thiếu chứng chỉ ngoại ngữ).

Đối với công tác tuyển sinh thực hiện đúng quy chế từ khâu thông báo tuyển sinh đến khâu tổ chức thi tuyển và tổ chức đào tạo. Số lượng tuyển sinh đảm bảo đầy đủ theo đúng chỉ tiêu hằng năm đã được Bộ giao cho.

Quá trình đào tạo đã đảm bảo tốt công tác đánh giá kết quả đào tạo theo quy chế đào tạo thạc sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tỷ lệ tốt nghiệp đạt 100%.

### **2.2. Thực trạng hình thức đào tạo và chương trình đào tạo**

Hình thức đào tạo trình độ thạc sĩ là hình thức chính quy tập trung 2 năm và được tập trung theo 4 học kỳ. Việc tổ chức các hình thức đào tạo này đảm bảo cho học viên cao học vừa có thể tham gia học tập, vừa có thể công tác, lại đảm bảo đủ thời gian để học viên hoàn thành luận văn tốt nghiệp.

Chương trình đào tạo SDH của Nhà trường đã được cập nhật bổ sung chỉnh sửa theo thực tế đào tạo 02 lần đó là vào năm 2014 và 2018.

**Bảng 2: Chương trình đào tạo SDH của Trường ĐHSP TDTT Hà Nội**

Năm ban hành chương trình	Khóa học	Khối lượng chương trình			
		Tổng số môn học	Tổng số tín chỉ trong chương trình đào tạo	Số giờ giảng dạy (tín chỉ)	Số giờ Luận văn (tín chỉ)
2012	K1	13	46	36	10
2014	K2 đến K5	13	60	46	14
2018	K 6	61	61	49	12

Năm 2012, chương trình đào tạo được xây dựng áp dụng trong công tác đào tạo cho cao học khóa 1 với khối lượng chương trình là 630 tiết.

Năm 2014, thực hiện theo Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế

tuyển sinh trình độ thạc sĩ, chương trình đào tạo đã được chỉnh sửa với khối lượng kiến thức là 60 tín chỉ (900 tiết).

Năm 2018, chương trình đào tạo đã được cập nhật, chỉnh sửa bổ sung để phù hợp với yêu cầu thực tế, với tổng khối lượng chương

## THÔNG TIN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

trình là 61 tín chỉ. Chương trình đào tạo đáp ứng theo đúng quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

Tuy nhiên, để nâng cao chất lượng đào tạo trong thời kỳ hội nhập quốc tế, đòi hỏi phải thường xuyên cập nhật và điều chỉnh chương trình đào tạo cho phù hợp với yêu cầu mới.

**Bảng 3. Thực trạng đội ngũ giảng viên tham gia công tác đào tạo SDH tại Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội**

Năm	Giảng viên giảng dạy, hướng dẫn luận văn			Học hàm, học vị			
	Cơ hữu	Ngoài trường	Tổng số	GS	PGS	TS	Th.S
2013	7	15	22	3	5	12	2
2014	9	18	27	3	5	17	2
2015	12	20	32	3	6	21	2
2016	15	21	36	3	10	22	3
2017	16	18	34	3	10	19	3
2018	19	15	34	3	12	17	2

Qua thống kê cho thấy: Lực lượng giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng có học hàm, học vị tham gia giảng dạy và hướng dẫn luận văn tăng lên hàng năm. Đặc biệt là đội ngũ giảng viên cơ hữu tăng khá nhanh, từ chỗ có 7 giảng viên cơ hữu năm 2013, đến nay, đội ngũ giảng viên cơ hữu của Nhà trường là 19 giảng viên. Sự gia tăng mạnh số lượng cán bộ cơ hữu thể hiện sự chú trọng bồi dưỡng đội ngũ cán bộ khoa học đáp ứng các nhiệm vụ của Nhà trường trong giai đoạn mới.

Từ khi mở mã ngành đào tạo năm 2013, chương trình đào tạo phần lớn do các giảng viên thỉnh giảng đảm nhận, đến nay Nhà trường đã chủ động được phần lớn chương trình đào tạo, điều này cho thấy sự lớn mạnh đội ngũ giảng viên của Nhà trường. Tuy nhiên, ở một số môn như: Tâm lý thể thao, sinh lý thể thao, y học thể thao... chưa có cán bộ giảng dạy cơ hữu, Nhà trường phải mời thỉnh giảng

### 3. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC TỔ CHỨC GIẢNG DẠY, QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO SDH CỦA TRƯỜNG ĐHSPTĐTT HÀ NỘI

#### 3.1. Về lực lượng cán bộ giảng dạy và hướng dẫn khoa học

Kết quả thống kê thực trạng đội ngũ giảng viên tham gia công tác đào tạo SDH tại Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội, được trình bày tại bảng 3.

là các giảng viên tại các cơ sở ngoài trường tham gia giảng dạy. Điều này hiện vẫn là khó khăn trong công tác đào tạo SDH của Nhà trường.

#### 3.2. Về tổ chức quản lý đào tạo

Khoa Đào tạo SDH chịu trách nhiệm quản lý chung về kế hoạch học tập, tổ chức lớp học, thời khóa biểu, tổ chức thi kiểm tra giữa kỳ và kết thúc học phần, điểm học phần, việc bảo lưu kéo dài thời gian học của các học viên, tổ chức bảo vệ luận văn tốt nghiệp, xét tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp cho học viên cũng như những vấn đề khác liên quan đến học viên trong quá trình học tập tại Trường.

Ngoài việc bảo đảm các môn học quy định theo chương trình đào tạo, việc lựa chọn đề tài và tiến hành nghiên cứu luận văn tốt nghiệp đã được đổi mới nhằm tạo điều kiện thuận lợi, đúng tiến độ nghiên cứu cho học viên. Từ việc phân công giảng viên hướng dẫn, tư vấn chọn

## THÔNG TIN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

hướng nghiên cứu sát với công việc của học viên, xây dựng đề cương nghiên cứu, đến việc đánh giá đề cương nghiên cứu, định hướng nghiên cứu chi tiết của đề tài. Quy trình bảo vệ luận văn tốt nghiệp được tiến hành theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tuy nhiên, trong quá trình nghiên cứu, Nhà trường chưa tiến hành kiểm tra tiến độ nghiên cứu hằng năm đối với học viên, điều này phần nào ảnh hưởng tới kết quả nghiên cứu của học viên.

### 4. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC ĐÀO TẠO

#### 4.1. Ưu điểm

- Hằng năm công tác tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sỹ đều thực hiện đúng theo quy chế, tuyển đúng, đủ theo chỉ tiêu của Bộ giao.

- Hiện tại Nhà trường đã tiếp nhận và đào tạo trình độ thạc sỹ cho lưu học sinh của nước CHDC Nhân dân Lào.

- Công tác quản lý đào tạo SDH thực hiện đúng Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định đào tạo trình độ thạc sỹ của Nhà trường đã ban hành.

- Nội dung chương trình đào tạo đã được chỉnh sửa, bổ sung đáp ứng nhu cầu của người học và phù hợp xu thế hiện nay.

- Đội ngũ giảng viên tham gia công tác đào tạo trong và ngoài trường là những nhà khoa học có đủ phẩm chất, nhiệt tình, có trình độ chuyên môn cao, có tâm huyết, có kinh nghiệm tham gia công tác đào tạo sau đại học.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác đào tạo nghiên cứu hằng năm đều được bổ sung về cơ bản đáp ứng được công tác đào tạo.

#### 4.2. Những vấn đề cần khắc phục

- Chương trình, nội dung các môn học còn chưa được cập nhật thường xuyên, chưa thông và tính kế thừa giữa các bậc học từ đại học đến cao học.

- Cách thức quản lý học viên trong quá trình học tập nghiên cứu chưa đạt hiệu quả cao.

- Đội ngũ giảng viên cơ hữu có học hàm học vị cao còn hạn chế, do đó làm hạn chế chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo của Nhà trường

- Một số giảng viên tham gia đào tạo sau đại học chưa thực sự tâm huyết trong giảng dạy, hướng dẫn làm luận văn và chấm luận văn thạc sỹ.

- Học viên chưa chủ động, sáng tạo trong quá trình học tập, nghiên cứu, thường dựa vào ý kiến hay lời khuyên của cán bộ hướng dẫn khoa học.

- Việc kết hợp với các đơn vị đào tạo trong và ngoài nước nhằm nâng cao hiệu quả đào tạo, mở rộng quy mô đào tạo, đáp ứng nhu cầu học tập nghiên cứu của học viên còn hạn chế.

- Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, tài liệu, học liệu phục vụ đào tạo SDH còn hạn chế.

### 5. GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO SDH CỦA TRƯỜNG ĐHSP TDTT HÀ NỘI

#### 5.1. Cải tiến chương trình đào tạo và đổi mới phương pháp giảng dạy SDH cho phù hợp với thực tế và nhu cầu xã hội

- Thường xuyên cập nhật, bổ sung, đổi mới nội dung, chương trình đào tạo theo tinh thần của Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo hướng cập nhật, liên thông, hiện đại và sát với thực tiễn, đồng thời phân hóa được khối lượng kiến thức giữa các trình độ đào tạo.

- Tổ chức hội thảo, lấy ý kiến người học và người sử dụng cán bộ về yêu cầu đối với chương trình đào tạo. Thu thập thông tin, tiến hành khảo sát và bổ sung, chỉnh sửa nội dung kiến thức trong chương trình đào tạo SDH.

- Tăng cường đổi mới phương pháp giảng dạy và nghiên cứu, đặc biệt là cập nhật các chương trình tiên tiến, các phương pháp nghiên cứu hiện đại; gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo với công tác nghiên cứu khoa học trên cơ sở định hướng nghiên cứu của Ngành.

## THÔNG TIN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

- Tổ chức biên soạn giáo trình, tài liệu, học liệu phục vụ giảng dạy SDH.

- Đổi mới phương thức đào tạo theo hướng thuận tiện nhất cho người học nhưng vẫn đảm bảo trang bị toàn diện các kiến thức trong chương trình học. Đồng thời, khi xây dựng các phương thức đào tạo phải hướng tới người học, tạo điều kiện để người học chủ động, tích cực trong học tập.

### **5.2. Nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên giảng dạy**

- Xây dựng đội ngũ nhà giáo, nhà khoa học có trình độ chuyên môn giỏi, có tâm huyết, có tinh thần trách nhiệm cao trong đào tạo SDH.

- Cần có lộ trình từng bước nâng cao đội ngũ giảng viên cơ hữu hiện có để đạt chuẩn chức danh Phó Giáo sư, Giáo sư.

- Xây dựng quy hoạch tổng thể cử giảng viên đi học nâng cao trình độ để bổ sung cho đội ngũ giảng viên giảng dạy SDH của Nhà trường.

- Có cơ chế, chính sách phù hợp nhằm động viên, thu hút và tạo động lực cống hiến cho đội ngũ cán bộ có trình độ, học vị, học hàm cao (tiến sĩ, phó giáo sư, giáo sư) để đội ngũ này thực sự là nguồn nhân lực có chất lượng cao trong thực hiện nhiệm vụ và nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường.

### **5.3. Đa dạng hóa các hình thức đào tạo, phát huy các hình thức liên kết đào tạo để thực hiện tốt chiến lược hội nhập và nâng cao chất lượng đào tạo**

- Đẩy mạnh liên kết đào tạo SDH với các cơ

sở đào tạo SDH trong và ngoài nước thông qua ký kết hợp tác đào tạo, chuyển giao công nghệ đào tạo tiên tiến, mời giảng viên, trao đổi giảng viên và học viên.

- Cập nhật chương trình đào tạo SDH của các nước tiên tiến để có những điều chỉnh phù hợp cho chương trình đào tạo của Nhà trường.

### **5.4. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị giảng dạy, học tập và nghiên cứu**

- Khai thác hiệu quả các cơ sở vật chất, thiết bị sẵn có của Nhà trường như: Thư viện, học liệu; các trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy, nghiên cứu, học tập... để nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập, nghiên cứu.

- Xây dựng thư viện điện tử, hệ thống học liệu để cho học viên có thể dễ dàng tìm kiếm và tra cứu phục vụ công tác học tập, nghiên cứu.

- Tăng cường xã hội hóa và huy động các nguồn lực tài chính để trang bị cơ sở vật chất, trang thiết bị giảng dạy, học tập và nghiên cứu.

### **5.5. Tích cực đổi mới công tác quản lý trong đào tạo SDH**

- Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp quy, các quy định đào tạo SDH của Nhà trường trên cơ sở các quy định ban hành của các Bộ, ngành có liên quan.

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, nghiệp vụ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý đào tạo.

- Tăng cường áp dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và tổ chức đào tạo SDH, đảm bảo nhanh, hiệu quả, chính xác.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban chấp hành trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), Nghị quyết 08 NQ/TW về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về TDTT đến năm 2020.
2. Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2013), Nghị quyết 29 NQ/TW về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế.
3. Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ thạc sĩ.



## THÀNH TỰU ĐỔI MỚI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ TRONG CHẶNG ĐƯỜNG 15 NĂM NÂNG CẤP LÊN ĐẠI HỌC

TS. Phạm Thị Hương - Phòng Quản lý khoa học

TS. Nguyễn Mạnh Toàn - Giám đốc TT KHCN-TT&TV

ThS. Ngô Xuân Đức - Phó Giám đốc TT KHCN-TT&TV

Trường ĐH Sư phạm TDTT Hà Nội

**Tóm tắt:** Nghiên cứu khoa học, công nghệ được xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, quan trọng bên cạnh hoạt động giảng dạy của mỗi giảng viên của Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao (ĐHSP TDTT) Hà Nội. Cần nghiêm túc đánh giá thực trạng công tác nghiên cứu khoa học (NCKH) của Nhà trường trong 15 năm qua, để làm cách nào đẩy mạnh hoạt động NCKH nhằm phục vụ tốt, có hiệu quả cho hoạt động đào tạo và cho nhu cầu xã hội; đồng thời làm cho công tác NCKH phải thực sự trở thành nhu cầu tự nguyện của bản thân mỗi giảng viên. Qua đó nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, chất lượng giảng dạy và nhu cầu ứng dụng trong thực tế.

**Từ khóa:** Nghiên cứu khoa học, giảng dạy, chất lượng, giảng viên, giải pháp.

**Abstract:** *Scientific research, technology has been identified as one of the most important and important tasks in addition to teaching activities of Hanoi University of Sports and Physical Education. It is important to seriously evaluate the current state of scientific research in the past 15 years, in order to promote scientific research in order to serve well and effectively for training activities and social needs; At the same time, making the scientific research work must truly become a volunteer demand of the teacher itself. Thereby improving the professional capacity to improve the quality of teaching and the application in practice.*

**Keywords:** Scientific research, teaching, quality, lecturer, solutions

### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Khoa học và công nghệ được xác định là một trong những nhiệm vụ trọng yếu bên cạnh hoạt động đào tạo của nhà trường. Bên cạnh hoạt động giảng dạy của mỗi giảng viên trong Nhà trường hoạt động khoa học và công nghệ góp phần đổi mới phương pháp, nâng cao chất lượng đào tạo, tạo ra sản phẩm mới, phương pháp mới để củng cố và hoàn thiện công tác đào tạo của Nhà trường. Như vậy, vấn đề mà chúng ta cần quan tâm là đánh giá thực trạng công tác NCKH của Nhà trường trong giai đoạn 15 năm qua, để từ đó tìm ra biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ trong Nhà trường nhằm phục vụ tốt, có hiệu quả cho hoạt động đào tạo và cho nhu cầu xã hội; đồng thời làm cho hoạt động khoa học và công nghệ phải thực sự trở thành nhu cầu tự nguyện của bản thân mỗi giảng viên để qua đó nâng cao năng lực chuyên môn, chất lượng giảng dạy và nhu cầu ứng dụng trong thực tế.

Bên cạnh đó, phải làm sao để từng giảng viên nhận thấy rằng NCKH, công nghệ là nhiệm vụ quan trọng nhưng nhiệm vụ đó là nhiệm vụ được thực hiện trên tinh thần tự giác với niềm say mê không mệt mỏi để không ngừng phát triển nội lực chứ không phải là nhiệm vụ có tính chất áp đặt để làm cho có hoặc chạy theo thành tích hoặc làm theo phong trào một cách hình thức, vô bổ, lãng phí thời gian và công sức.

### II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Các phương pháp được sử dụng bao gồm: Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu, phương pháp phỏng vấn, phương pháp logic, phương pháp toán học thống kê.

### III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

**1. Thực trạng hoạt động khoa học và công nghệ trong chặng đường 15 năm (2003 -2018)**

## THÔNG TIN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1.1 Khoa học và công nghệ đã góp phần nâng cao hiệu quả công tác đào tạo của Nhà trường

Hoạt động công nghệ tại Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội đã và đang phục vụ cho nhu cầu nâng cao chất lượng đào tạo toàn diện, đáp ứng yêu cầu xã hội, thực hiện theo hướng kết hợp giảng dạy, học tập với ứng dụng những tri thức khoa học vào thực tiễn và nghiên cứu, bao gồm: Nghiên cứu và điều tra những vấn đề cơ bản tổng hợp thuộc các lĩnh vực công nghệ, máy tính, phương pháp dạy-học các môn chuyên ngành Giáo dục thể chất (GDTC), huấn luyện thể thao (HLTT), ngoại ngữ, những vấn đề văn hoá, giáo dục, tâm sinh lý ...; Nghiên cứu những vấn đề về phương pháp luận khoa học nhằm cải tiến công tác đào tạo, bao gồm: nội dung chương trình, giáo trình, sách giáo khoa, tài liệu tham khảo thường xuyên bổ sung vào nội dung giảng dạy những thành tựu và kiến thức mới nhất, hướng dẫn sinh viên thực hiện NCKH.

Bên cạnh đó, Nhà trường còn triển khai các công trình NCKH cấp cơ sở, cấp Bộ, cấp Nhà nước bằng nguồn kinh phí của Vụ Khoa học Công nghệ (nghiên cứu và biên soạn giáo trình phòng chống chấn thương trong giảng dạy, học tập thể dục thể thao ở các trường đại học, cao đẳng, TCCN khối sư phạm thể dục thể thao). Ngoài ra, đã biên soạn mới hơn 38 bộ giáo trình các môn học trình độ đại học; 22 bộ giáo trình dùng cho đào tạo chuyên ngành GDTC, GDQP-AN.

Trải qua gần 60 năm xây dựng và phát triển và đặc biệt dấu mốc 15 năm Trường được nâng cấp lên Đại học. Nhà trường đã từng bước khẳng định vị thế trong hoạt động khoa học và công nghệ về lĩnh vực GDTC và HLTT. Cán bộ, giảng viên, sinh viên Nhà trường đã thực hiện nhiều công trình nghiên cứu có giá trị, ứng dụng vào giảng dạy và học tập, được giới chuyên môn đánh giá cao. Những năm gần đây, hoạt động khoa học và

công nghệ của Nhà trường phát triển mạnh mẽ hơn cả về chất lượng và số lượng. Nhằm mục đích công bố, giới thiệu các công trình khoa học phục vụ cho công tác đào tạo và nghiên cứu trên phạm vi cả nước về GDTC và HLTT. Đặc biệt, trong năm 2018 Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội đã được Sở Thông tin và truyền thông cấp phép xuất bản “Bản tin GDTC và Thể thao trường học”.

Phòng Quản lý khoa học đã tổ chức nghiệm thu các công trình nghiên cứu khoa học của cán bộ giảng viên về ứng dụng công nghệ thông tin xây dựng giáo án điện tử, các môn chuyên ngành đã sử dụng băng hình thường xuyên kết hợp với sử dụng nhiều dụng cụ hỗ trợ góp phần nâng cao hiệu quả giờ dạy, sinh viên hứng thú học tập, tiếp thu bài học tốt hơn, chất lượng đào tạo ngày càng được nâng lên. 100% bộ môn đã cải tiến nội dung chuyên môn, phương pháp giảng dạy, cập nhật các thông tin mới, xây dựng giáo án điện tử; trao đổi kinh nghiệm, bồi dưỡng kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ giảng viên trẻ... góp phần nâng cao và đổi mới phương pháp giảng dạy, xây dựng kế hoạch biên soạn, chỉnh sửa giáo trình tài liệu theo tiêu chuẩn về chuẩn đầu ra của môn học và của chương trình đào tạo, bám sát nhu cầu xã hội và thực tế tại phổ thông.

### *1.2. Thực trạng hoạt động khoa học và công nghệ và tiềm lực khoa học*

Thực trạng hoạt động khoa học và công nghệ Từ năm 2003, kể từ khi trường được nâng cấp lên đại học, hoạt động khoa học và công nghệ của trường đã được trú trọng, công tác nghiên cứu khoa học của cán bộ giảng viên đã đi vào nề nếp, chất lượng các đề tài nghiên cứu khoa học đã từng bước được nâng cao. Nhà trường đã triển khai các đề tài NCKH các cấp: Cấp Bộ, cấp cơ sở, NCKH sinh viên, công bố các kết quả nghiên cứu khoa học trên các tạp chí chuyên ngành trong nước quốc tế. Kết quả được trình bày tại bảng 1 và 2.

## THÔNG TIN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

*Bảng 1: Bảng tổng hợp đề tài khoa học và công nghệ các cấp từ năm 2003 đến 2018.*

TT	GIAI ĐOẠN	ĐỀ TÀI CẤP BỘ	ĐỀ TÀI CẤP CƠ SỞ	ĐỀ TÀI SINH VIÊN	
				HỘI NGHỊ SINH VIÊN NCKH TOÀN QUỐC LĨNH VỰC TDTT	HỘI NGHỊ SINH VIÊN CẤP TRƯỜNG LẦN I
1	2003 - 2008	17	73	0	0
2	2009 - 2013	11	92	25	0
3	2014 - 2018	4	144	26	17
<b>Tổng</b>		<b>32</b>	<b>309</b>	<b>51</b>	<b>17</b>

Tại bảng 1 cho thấy: Nhà trường đã triển khai thực hiện 32 đề tài tham gia cấp Bộ (trong đó đã hoàn thành 30 đề tài, 02 đề tài đang triển khai). Nội dung nghiên cứu tập trung vào các lĩnh vực nhằm nâng cao công tác giảng dạy GDTC và Thể thao trường học, đặc biệt có 01 đề tài nghiên cứu thuộc Chương trình Quốc gia về An toàn Vệ sinh lao động: “Biên soạn giáo trình phòng chống chấn thương trong giảng dạy, học tập thể dục thể thao ở các trường đại học, cao đẳng, TCCN khối sư phạm thể dục

thể thao”. Hàng năm có từ 30 - 35 đề tài cấp cơ sở các nội dung nghiên cứu tập trung vào lĩnh vực GDTC, Thể thao trường học và HLTT nhằm nâng cao chất lượng công tác giảng dạy và huấn luyện chuyên môn cho các môn thể thao. Ngoài ra thường niên sinh viên tham gia dự thi các Hội nghị NCKH toàn quốc khối các trường Thể dục thể thao đạt nhiều giải cao trong các năm học đạt 03 giải nhất, 02 giải nhì, 02 giải ba và 14 giải khuyến khích.

*Bảng 2: Bài báo đăng tạp chí quốc tế, trong nước và bản tin tại Nhà trường từ năm 2003 đến 2018*

TT	GIAI ĐOẠN	BÀI ĐĂNG TẠP CHÍ		BÀI ĐĂNG BẢN TIN TRƯỜNG
		QUỐC TẾ	TRONG NƯỚC	
1	2003 - 2008	0	15	0
2	2009 - 2013	7	36	0
3	2014 - 2018	21	73	44
<b>Tổng</b>		<b>28</b>	<b>124</b>	<b>44</b>

## THÔNG TIN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Tại bảng 2 cho thấy: Hàng năm các cán bộ, giảng viên của Nhà trường viết bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước và quốc tế với tổng số trên 152 bài báo khoa học (trong đó: Bài báo khoa học quốc tế: 28, bài báo khoa học trong nước: 124). Các bài báo tập trung vào công bố các kết quả nghiên cứu về các lĩnh vực nghiên cứu phát triển khoa học GDTC, nâng cao chất lượng giảng dạy và huấn luyện TDTT, kiến thức về y sinh học.

*Bảng 3: Nguồn nhân lực phục vụ cho công tác NCKH, công nghệ từ năm 2003 đến 2018*

TT	GIAI ĐOẠN	HỌC HÀM, HỌC VỊ			
		GIÁO SƯ	PHÓ GIÁO SƯ	TIẾN SĨ	THẠC SĨ
1	2003 - 2008	0	0	3	26
2	2009 - 2013	0	01	5	37
3	2014 - 2018	01	0	14	63
<b>Tổng</b>		<b>01</b>	<b>01</b>	<b>22</b>	<b>113</b>

Tại bảng 3 cho thấy: Hiện nay Nhà trường có: 01 giáo sư, 01 phó giáo sư, 22 tiến sĩ, 113 thạc sĩ. Bên cạnh đó đang cử 05 giảng viên đào tạo nghiên cứu sinh ở ngoài nước, 02 nghiên cứu sinh ở trong nước, 04 thạc sĩ ở ngoài nước, 16 thạc sĩ trong nước. Đây là nguồn nhân lực quan trọng chất lượng cao trong công tác nghiên cứu khoa học của Nhà trường.

**Vật lực:** Nhà trường đã quan tâm, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động nghiên cứu khoa học như: 01 nhà thí nghiệm giáo dục thể chất với hệ thống máy, trang thiết bị phục vụ cho nghiên cứu đã được đầu tư như: xe đạp lực kế, máy phân tích chức năng hô hấp, máy đo tâm hoạt động khớp, kính hiển vi phóng 10 - 1500 lần, máy sinh hóa bán tự động, thiết bị nghiên cứu thể lực khi vận động...

**Tài lực:** Kinh phí phục vụ cho hoạt động nghiên cứu khoa học bước đầu đã được quan tâm, chú trọng, đặc biệt nhà trường hỗ trợ kinh

phí cho tổ chức các Hội nghị, Hội thảo khoa học của cán bộ, giảng viên, sinh viên, kinh phí cho các Hội đồng đánh giá ... Tuy nhiên, kinh phí chi cho NCKH của cán bộ, giảng viên cần được quan tâm hơn.

### *Thực trạng về tiềm lực khoa học*

Nguồn nhân lực phục vụ NCKH, công nghệ đã có bước phát triển nhất định trong 15 năm qua được trình bày tại bảng 3:

phí cho tổ chức các Hội nghị, Hội thảo khoa học của cán bộ, giảng viên, sinh viên, kinh phí cho các Hội đồng đánh giá ... Tuy nhiên, kinh phí chi cho NCKH của cán bộ, giảng viên cần được quan tâm hơn.

### **2. Những tồn tại và nguyên nhân**

Hoạt động NCKH, công nghệ của Nhà trường trong 15 năm qua có sự phát triển, đóng góp nhất định trong quá trình phát triển đào tạo, tuy nhiên còn một số tồn tại sau:

- Quản lý khoa học, công nghệ cơ chế vận hành trong phạm vi toàn trường còn thấp, chất lượng NCKH trong Nhà trường chưa có chuyên biến mạnh. Tiến độ triển khai nghiên cứu các đề tài còn tình trạng bị động, đối phó, chậm tiến độ, công việc dồn vào cuối năm nên ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng các công trình nghiên cứu.

- Sự phối hợp giữa các khoa chuyên môn với Trung tâm KHCN-Truyền thông và thư viện; ý thức, trách nhiệm của một số cán bộ, giảng viên với công tác NCKH, tổng kết thực

## **THÔNG TIN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC**

tiền chưa cao nên đã ảnh hưởng đến kế hoạch và chất lượng công tác NCKH.

- Khoa học, công nghệ và quá trình đào tạo chưa kết hợp chặt chẽ với nhu cầu thực tiễn của xã hội hiện nay, chưa có sự gắn kết giữa giảng viên, sinh viên với NCKH, công nghệ. Những kết quả nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ còn ít được đưa vào giảng dạy, đào tạo.

- Cơ sở vật chất, nguồn kinh phí cho khoa học, công nghệ còn thiếu thốn.

- Chưa có công trình NCKH nào mang tầm vóc quốc tế, tính hiệu quả của các công trình trong nước được đánh giá ở mức thấp, còn là một mảng mờ nhạt, thiếu sinh khí, chưa tương xứng với tên gọi cũng như các hoạt động khác của Nhà trường.

- Có nhiều giảng viên có trình độ tiến sĩ, thạc sĩ, giảng viên chính hoặc tham gia giảng dạy lâu năm tại Nhà trường, nhưng hầu như không có được công trình nghiên cứu nào tương xứng hoặc chưa thực hiện được một công trình, bài báo nào.

- Trình độ của cán bộ, giảng viên không đồng đều phần nào ảnh hưởng tới hoạt động nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên.

Những tồn tại trên do các nguyên nhân chính sau:

- Nhận thức của cán bộ, giảng viên về vị trí, vai trò của hoạt động nghiên cứu khoa học trong nhà trường còn hạn chế.

- Chưa có định hướng chương trình, kế hoạch dài hạn phát triển khoa học, công nghệ.

- Chưa có cơ chế chính sách NCKH, công nghệ thích hợp để thu hút cán bộ, giảng viên.

- Rất nhiều giảng viên trong Nhà trường chỉ biết thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, còn nhiệm vụ NCKH là một cái gì đó xa lạ, ngoài tầm với và vượt quá khả năng của họ.

### **3. Đề xuất các giải pháp**

Với các thành tựu đạt được nhất định nêu trên trong 15 năm qua, tuy nhiên những kết quả NCKH, công nghệ vẫn chưa đáp ứng được yêu

cầu ngày càng cao của sự nghiệp đổi mới công tác đào tạo tại Nhà trường trong giai đoạn hiện nay. Tại sao lại có những hạn chế như vậy? Đây là vấn đề mà Ban Giám hiệu, các nhà quản lý, những người tâm huyết với chuyên môn luôn trăn trở và quan tâm. Để nâng cao chất lượng NCKH, công nghệ của Nhà trường, chúng tôi xin đề xuất một số giải pháp cụ thể như sau:

3.1. Nâng cao nhận thức cho cán bộ, giảng viên về vai trò, tầm quan trọng của công tác NCKH, công nghệ đối với việc nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường để mỗi cán bộ, giảng viên thấy được giảng dạy và NCKH là hai nhiệm vụ có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Từ đó từng cá nhân, tự giác, tích cực thực hiện tốt nhiệm vụ NCKH, phát huy được tính sáng tạo và tiềm năng của từng người.

3.2. Hoàn thiện và ban hành các văn bản quy định cụ thể về công tác NCKH, công nghệ để nâng cao hiệu quả công tác quản lý như: xây dựng kế hoạch NCKH chi tiết theo từng năm; quy định về việc đăng ký, tổ chức nghiệm thu và triển khai thực hiện, công tác tổng hợp báo cáo; các biểu mẫu có liên quan... theo thực tế các đơn vị phòng, khoa, trung tâm.

3.3. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ, giảng viên kiến thức về lý luận NCKH, về phân biện khoa học; đồng thời có hướng dẫn cụ thể về nội dung nghiên cứu theo các hướng: nghiên cứu ứng dụng trong công tác quản lý và phục vụ cho quá trình giảng dạy; nghiên cứu ứng dụng trực tiếp của quá trình đào tạo: mục tiêu, chương trình, nội dung và phương pháp dạy học... nghiên cứu ứng dụng - triển khai trong các hoạt động thực tế của đơn vị.

3.4. Phát huy vai trò của các khoa, bộ môn, phòng, trung tâm trong Nhà trường việc thúc đẩy công tác NCKH, công nghệ. Các phân học, tin chỉ môn học cần xây dựng kế hoạch NCKH tiến hành đôn đốc, theo dõi, đánh giá, các công trình, giải pháp, sáng kiến của các cá nhân. Đưa nội dung về công tác NCKH là một

## THÔNG TIN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

nội dung bắt buộc trong các buổi sinh hoạt định kỳ của các đơn vị.

3.5. Có chế độ khuyến khích, đãi ngộ hợp lý; đầu tư kinh phí thích đáng cho hoạt động NCKH cấp cơ sở hàng năm để khuyến khích, động viên tích cực của cán bộ, giảng viên. Kết quả NCKH được đánh giá là một trong các tiêu chuẩn bắt buộc để xếp loại thi đua năm học.

3.6. Từng bước cải tiến chương trình đào tạo theo hướng gắn với thực tiễn, phục vụ thực tiễn, nâng cao năng lực triển khai, thực hành cho người học. Đổi mới quản lý hoạt động NCKH, công nghệ, đổi mới trong việc đánh giá, nghiệm thu các đề tài khoa học hàng năm.

3.7. Tạo điều kiện cho cán bộ, giảng viên, sinh viên và học viên đi tham quan học tập thực tế để cập nhật kiến thức, nâng cao hiệu quả việc tìm kiếm tham khảo tài liệu, tích lũy kinh nghiệm và kiến thức thực tế vận dụng vào công tác NCKH một cách hiệu quả.

3.8. Tổ chức Hội nghị khoa học quốc tế vào năm 2020 kỷ niệm 60 năm thành lập Trường.

3.9. Tiếp tục đổi mới, không ngừng nâng cao chất lượng NCKH, công nghệ theo hướng đổi mới mạnh mẽ tư duy, tăng cường tổng kết thực tiễn; NCKH phải xuất phát từ yêu cầu đòi hỏi thực tiễn, tăng cường dân chủ, sáng tạo, phát huy sáng kiến, kinh nghiệm, khuyến khích các đề tài đi vào nghiên cứu các vấn đề mới, xây dựng và ban hành quy chế dân chủ trong công tác NCKH, nâng cao phẩm chất và năng lực chuyên môn của đội ngũ cán bộ, giảng viên, sinh viên và học viên.

3.10. Tăng cường mối quan hệ hợp tác phát triển, bằng việc nâng cao hiệu quả hợp tác, mở rộng mạng lưới đối tác trong nước (viện Khoa học TDTT, các trường đại học); gắn hợp tác đào tạo với công tác NCKH về việc triển khai các chương trình, dự án nghiên cứu quốc tế, đặc biệt với các nước Trung Quốc (Học viện TDTT Bắc Kinh, Học viện TDTT Thượng Hải, Học viện TDTT Vũ Hán, Đại học TDTT Vân Nam, Cao đẳng TDTT Nam Ninh); Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào (Bộ Giáo dục Lào, trường Cao đẳng Thể chất Lào) ...

### IV. KẾT LUẬN

Kết quả NCKH đã đánh giá thực trạng về khoa học, công nghệ trong 15 năm qua, những ưu điểm như: NCKH, công nghệ đã góp phần hoạch định kế hoạch, thể chế trong quá trình phát triển và nâng cao chất lượng giảng dạy ngành GDTC, Thể thao trường học cơ bản hướng tới mục đích gắn với các trường phổ thông đáp ứng nhu cầu xã hội hiện nay.

Tuy nhiên còn có những tồn tại như: Những kết quả nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ còn ít được đưa vào giảng dạy và đào tạo giáo viên GDTC. Đặc biệt nguồn nhân lực khoa học, công nghệ chất lượng cao còn rất thiếu; cơ sở vật chất, nguồn tài chính cho khoa học, công nghệ còn rất thiếu thốn; hệ thống quản lý tổ chức các đơn vị chuyên môn về khoa học, công nghệ chưa đủ mạnh; một bộ phận cán bộ giảng viên chưa nêu cao ý thức trách nhiệm cũng như nhận thức đúng nhiệm vụ của NCKH, công nghệ.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Văn Chân (2006), *Tìm hiểu Luật Khoa học và Công nghệ*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Nguyễn Sinh Hùng (2013), *Luật Khoa học và Công nghệ, Quốc hội, Việt Nam*.
3. *Thông tư 11 (2016), Thông tư 09(2018), Bộ Giáo dục và Đào tạo*.
4. *Văn bản pháp quy liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội*.
5. *Lịch sử Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội (lần 1- 2018)*.

## LỰA CHỌN MỘT SỐ BÀI TẬP NHẪM PHÁT TRIỂN SỨC BỀN TỐC ĐỘ CHO NỮ HỌC SINH ĐỘI TUYỂN CẦU LÔNG TRƯỜNG THPT ĐỘI CÁN, VINH TUỜNG, VINH PHÚC

ThS. Mai Thị Ngoãn - Trưởng khoa CL-ĐC-BB-QV

Trường ĐH Sư phạm TDTT Hà Nội

**Tóm tắt:** Trong thi đấu cầu lông, huấn luyện nâng cao sức bền tốc độ cho VĐV có ảnh hưởng đặc biệt tới thành tích thi đấu. Do vậy việc lựa chọn và ứng dụng có hiệu quả các bài tập phát triển SBTĐ cho cho nữ học sinh (HS) đội tuyển cầu lông Trường THPT Đội Cán, Vinh Tường, tỉnh Vinh Phúc sẽ góp phần nâng cao thành tích thi đấu.

**Từ khóa:** Lựa chọn một số bài tập phát triển SBTĐ cho cho nữ học sinh đội tuyển cầu lông Trường THPT Đội Cán, Vinh Tường, tỉnh Vinh Phúc.

**Abstract:** In badminton, training to improve the strength of the athlete has a special effect on the performance. Therefore, the choice and effective application of speed development exercises for female students badminton team Doi Can High School in Vinh Tuong, Vinh Phuc Province will contribute to improve competitions.

**Keywords:** Select some speed development exercises for female badminton team students Doi Can High School, Vinh Tuong, Vinh Phuc Province

### 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sức bền tốc độ là một yếu tố riêng biệt mang tính chất đặc thù của môn thể thao cầu lông, nó là cơ sở để tiếp thu và nắm vững kỹ thuật cầu lông một cách linh hoạt và sáng tạo trong thi đấu. Tuy nhiên trong công tác giảng dạy và huấn luyện thể lực cho nữ HS đội tuyển cầu lông Trường THPT Đội Cán, Vinh Tường, tỉnh Vinh Phúc hiện nay việc phát triển sức bền tốc độ còn bị xem nhẹ, chưa được sử dụng thường xuyên... Do đó để nâng cao thể lực và thành tích thi đấu cho nữ HS đội tuyển cầu lông Trường THPT Đội Cán thì việc phát triển sức bền tốc độ cho các em là hết sức cần thiết.

\* Mục đích nghiên cứu: Trên cơ sở nghiên cứu thực trạng công tác huấn luyện phát triển SBTĐ của nữ HS đội tuyển Cầu lông Trường THPT Đội Cán, đề tài tiến hành lựa chọn bài tập phát triển SBTĐ cho nữ HS đội tuyển Cầu lông

Trường THPT Đội Cán nhằm góp phần nâng cao hiệu quả công tác GDTC trong nhà trường.

### 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đề tài sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau: Phân tích và tổng hợp tài liệu, phỏng vấn, quan sát sư phạm, kiểm tra sư phạm, thực nghiệm sư phạm, toán học thống kê.

### 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

**3.1. Thực trạng công tác huấn luyện sức bền tốc độ cho nữ HS đội tuyển Cầu lông Trường THPT Đội Cán, Vinh Tường, Vinh Phúc**

**3.1.1. Thực trạng chương trình huấn luyện cho nữ HS đội tuyển Cầu lông Trường THPT Đội Cán, Vinh Tường, Vinh Phúc.**

Đề tài tiến hành điều tra thực trạng công việc phân phối thời gian huấn luyện qua 1 năm tập luyện của nữ HS đội tuyển cầu lông Trường THPT Đội Cán. Kết quả được trình bày tại bảng 3.1.

## THÔNG TIN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

*Bảng 3.1. Thời gian huấn luyện cho nữ học sinh đội tuyển cầu lông trường THPT Đội Cấn, Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc trong 1 năm*

TT	Nội dung huấn luyện	Thời gian huấn luyện	
		Số giáo án	Tỷ lệ (%)
1	Kỹ thuật	14	25%
2	Chiến thuật	13	23.22%
3	Thể lực chung và chuyên môn	17	30.35%
4	Thi đấu tập luyện	12	21.43%
<b>Tổng</b>		<b>56</b>	<b>100%</b>

Qua bảng 3.1 cho thấy, tổng số giờ huấn luyện trong 1 năm là 56 giáo án, nội dung huấn luyện là đầy đủ, thời gian huấn luyện dành cho các nội dung được sắp xếp phân bổ tương đối đồng đều về các mặt: Kỹ thuật, chiến thuật, thể lực chung và chuyên môn và thi đấu tập luyện.

Để đánh giá thực trạng phân phối thời gian huấn luyện SBTĐ cho đối tượng nghiên cứu, trên cơ sở phân tích chương trình huấn luyện và phỏng vấn trực tiếp các giáo viên, đề tài tổng hợp kết quả tại bảng 3.2.

*Bảng 3.2. Thời gian huấn luyện thể lực cho nữ HS đội tuyển cầu lông Trường THPT Đội Cấn, Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc*

TT	Nội dung huấn luyện	Thời gian huấn luyện	
		Số giáo án	Tỷ lệ (%)
1	Sức nhanh	4	23.53
2	Sức mạnh	3	17.64
3	Sức bền chung	2	11,76
4	Sức bền tốc độ	5	29.43
5	Khả năng phối hợp vận động	3	17.64
<b>Tổng</b>		<b>17</b>	<b>100%</b>

Qua bảng 3.2 cho thấy: Thời gian huấn luyện phân bổ cho các tố chất sức nhanh, sức mạnh, sức bền, khéo léo và khả năng phối hợp vận động có tỷ lệ tương đối đồng đều và hợp lý. Vấn đề ở đây là trong quá trình huấn luyện các tố chất thể lực, trong đó đặc biệt là sức bền tốc độ thì phương pháp huấn luyện, thời gian cũng như các bài tập huấn luyện được sử dụng như thế nào?

*3.1.2. Thực trạng việc sử dụng các bài tập phát triển SBTĐ của nữ HS đội tuyển Cầu lông trường THPT Đội Cấn, Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc.*

Để thấy rõ về thực trạng sử dụng các bài tập phát triển SBTĐ của đối tượng nghiên cứu, đề tài tiến hành quan sát một số buổi tập, tham khảo kế hoạch, giáo án huấn luyện của các

giáo viên, kết quả cho thấy: tổng số các bài tập sử dụng phát triển thể lực là 58 bài, trong đó có

14 bài tập phát triển SBTĐ chiếm tỷ lệ 24,1%. Các bài tập sử dụng phát triển SBTĐ thuộc 3 nhóm bài tập: Bài tập không cầu; bài tập có cầu; bài tập thi đấu. Kết quả được trình bày ở bảng 3.3

Qua bảng 3.3 nhận thấy, trong công tác huấn luyện cho đối tượng nghiên cứu còn thiếu quan tâm sử dụng các bài tập huấn luyện phát triển SBTĐ, tỷ lệ bài tập phát triển SBTĐ trên tổng số các bài tập phát triển thể lực chuyên môn còn ít chiếm 24,1%, các bài tập phát triển SBTĐ được sử dụng trong huấn luyện chưa nhiều, bài tập chưa phong phú và đa dạng, các bài tập được sử dụng phân bổ không đều ở các nhóm. Qua đó có thể thấy, đa số các bài tập



## THÔNG TIN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

không cầu và có cầu thì được sử dụng, việc sử dụng các bài tập thi đấu ít được sử dụng trong huấn luyện SBTĐ cho đối tượng nghiên cứu.

*Bảng 3.3. Thực trạng sử dụng các bài tập phát triển SBTĐ cho nữ HS đội tuyển cầu lông Trường THPT Đội Cấn, Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc*

TT	Bài tập phát triển sức bền tốc độ	Số lượng bài tập sử dụng	Tỷ lệ %
1	Nhóm bài tập phát triển SBTĐ không cầu	5	35.7
2	Nhóm bài tập phát triển SBTĐ có cầu	7	50
3	Nhóm bài tập thi đấu phát triển SBTĐ	2	14.3
<b>Tổng</b>		<b>14</b>	<b>100</b>

3.1.3. *Thực trạng tổ chức sức bền tốc độ của nữ học sinh đội tuyển cầu lông Trường THPT Đội Cấn, Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc.*

3.1.3.1. *Lựa chọn Test đánh giá sức bền tốc độ cho nữ HS tuyển cầu lông Trường THPT Đội Cấn, Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc*

Trên cơ sở tham khảo các tài liệu chuyên môn, đề tài đã thu thập được 6 test đánh giá SBTĐ cho VĐV Cầu lông. Để đảm bảo tính khách quan và phù hợp với đối tượng nghiên cứu, đề tài tiến hành phỏng vấn chuyên gia để lựa chọn Test. Kết quả phỏng vấn được trình bày ở bảng 3.4

*Bảng 3.4. Kết quả phỏng vấn lựa chọn Test đánh giá SBTĐ cho nữ HS đội tuyển cầu lông trường THPT Đội Cấn (n=20)*

TT	Test	Tán thành		Không tán thành	
		n	%	n	%
1	Di chuyển tiến lùi 14 lần (s)	19	95	1	5
2	Di chuyển ngang sân đơn 40 lần (s)	18	90	2	10
3	Di chuyển đánh cầu tại 4 vị trí trên sân 6 lần (s)	20	100	0	0
4	Di chuyển nhật đôi cầu 6 điểm trên sân 5 lần (s)	18	90	2	10
5	Bật nhảy tại chỗ đập cầu liên tục 40 lần (s)	13	65	7	35
6	Di chuyển lùi 3 bước bật nhảy đập cầu 20 lần (s)	20	100	0	0

Từ kết quả ở bảng 3.4, chúng tôi lựa chọn được 5 test đánh giá sức bền tốc độ cho nữ học sinh đội tuyển cầu lông Trường THPT Đội Cấn, có ý kiến tán thành từ 90% trở lên. Để đảm bảo tính khoa học khi đưa các Test vào ứng dụng, đề tài tiến hành tính thông báo của test thông qua hệ số tương quan cặp giữa kết quả kiểm tra của các test với thành tích thi đấu

của học sinh. Kết quả được trình bày tại bảng 3.5.

Kết quả bảng 3.5 cho thấy: Cả 5 test đánh giá đều có mối tương quan mạnh với thành tích thi đấu. Kết quả thể hiện ở r đạt từ 0,81 tới 0,86 ở ngưỡng xác suất  $P < 0.05$ . Như vậy, cả 5 test trên đều đảm bảo tính thông báo sử dụng cho nữ học sinh đội tuyển cầu lông THPT Đội Cấn.

*Bảng 3.5. Mối tương quan giữa kết quả kiểm tra các Test với thành tích thi đấu của nữ học sinh đội tuyển cầu lông THPT Đội Cấn (n=12)*

TT	Nội dung Test	Hệ số tương quan	
		r	P
1	Di chuyển tiến lùi 14 lần (s)	<b>0,86</b>	<0,05
2	Di chuyển ngang sân đơn 40 lần (s)	<b>0,81</b>	<0,05
3	Di chuyển đánh cầu tại 4 vị trí trên sân 6 lần (s)	<b>0,83</b>	<0,05
4	Di chuyển nhật đôi cầu 6 điểm trên sân 5 lần (s)	<b>0,81</b>	<0,05
5	Di chuyển lùi 3 bước bật nhảy đập cầu 20 lần (s)	<b>0,82</b>	<0,05

Sau khi xác định được tính thông báo, đề tài tiếp tục xác định độ tin cậy của chúng bằng phương pháp test lặp lại. Độ tin cậy được xác định bằng hệ số tương quan cặp giữa 2 lần kiểm tra của 5 test. Kết quả tại bảng 3.6.

*Bảng 3.6. Mối tương quan giữa 2 lần kiểm tra các Test của nữ học sinh đội tuyển cầu lông THPT Đội Cấn (n=12)*

TT	Nội dung Test	Kết quả kiểm tra		r
		Lần 1 ( $\bar{x} \pm \delta$ )	Lần 2 ( $\bar{x} \pm \delta$ )	
1	Di chuyển tiến lùi 14 lần (s)	79.26±4.62	79.21±4.58	0.81
2	Di chuyển ngang sân đơn 40 lần (s)	80.02±5.12	80.06±5.10	0.87
3	Di chuyển đánh cầu tại 4 vị trí trên sân 6 lần (s)	64.98±2.58	64.96±2.60	0.82
4	Di chuyển nhặt đôi cầu 6 điểm trên sân 5 lần (s)	88.12±4.68	88.14±4.70	0.83
5	Di chuyển lùi 3 bước bật nhảy đập cầu 20 lần (s)	91.83±4.18	91.82±4.20	0.86

Qua bảng 3.6 cho thấy: Ở cả 5 test đánh giá đã lựa chọn và xác định tính thông báo, kết quả kiểm tra đều có mối tương quan mạnh giữa 2 lần kiểm tra với  $r_{tính} = 0.81$  đến  $0.87 > 0.80$  ở ngưỡng xác suất  $P < 0.05$ . Vậy chúng đảm bảo độ tin cậy và cho phép sử dụng cho nữ học sinh đội tuyển cầu lông THPT Đội Cấn.

*3.1.3.2. Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá SBTĐ cho nữ học sinh đội tuyển Cầu lông Trường THPT Đội Cấn.*

Phân loại tiêu chuẩn đánh giá SBTĐ

Thông qua kết quả kiểm tra sự phạm, đề tài tiến hành phân loại từng chỉ tiêu đánh giá SBTĐ thành năm mức theo quy tắc 2 xích ma: tốt, khá, trung bình, yếu, kém. Kết quả tính toán được trình bày thành bảng tiêu chuẩn đánh giá tổng hợp tổ chất SBTĐ cho nữ học sinh đội tuyển cầu lông Trường THPT Đội

Cấn từng tiêu chuẩn kiểm tra được thể hiện ở bảng 3.7.

Xác định chuẩn điểm đánh giá SBTĐ nữ học sinh đội tuyển cầu lông trường THPT Đội Cấn. Phân loại các chỉ tiêu đánh giá cho phép đánh giá từng chỉ tiêu cụ thể, tuy nhiên mỗi chỉ tiêu lại có đơn vị đo lường khác nhau

Do đó, để đánh giá tổng hợp năng lực SBTĐ thì chưa đảm bảo chính xác. Vì vậy đề tài sử dụng công thức tính điểm theo thang độ C nhằm quy tất cả các đơn vị đo lường khác nhau ra điểm. Kết quả tính toán được trình bày ở bảng 3.8

Sau khi đã quy được các chỉ tiêu ra điểm, đề tài rút ra kết quả phân loại điểm tổng hợp đánh giá SBTĐ cho đối tượng nghiên cứu như bảng 3.9

*Bảng 3.7. Phân loại tiêu chuẩn đánh giá sức mạnh tốc độ cho nữ HS đội tuyển cầu lông THPT Đội Cấn*

TT	Test	Phân loại				
		Tốt	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
1	Di chuyển tiến lùi 14 lần (s)	<70.02	70.02-74.65	74.64-83.88	83.89-88.50	>88.50
2	Di chuyển ngang sân đơn 40 lần (s)	<69.78	69.78-74.9	74.91-85.14	85.15-90.26	>90.26
3	Di chuyển đánh cầu tại 4 vị trí trên sân 6 lần (s)	<59.82	59.82-62.40	62.41-67.56	67.57-70.14	>70.14
4	Di chuyển nhặt đôi cầu 6 điểm trên sân 5 lần (s)	<78.76	78.76-83.43	83.44-92.8	92.81-97.48	>97.48
5	Di chuyển lùi 3 bước bật nhảy đập cầu 20 lần (s)	<83.47	83.47-87.64	87.65-96.0	96.01-100.69	>100.69

**8. Bảng điểm đánh giá sức mạnh tốc độ cho nữ HS đội tuyển cầu lông THPT Đội Cán**

TT	Test	Điểm									
		10	9	8	7	6	5	4	3	2	1
1	Di chuyển tiến lùi 14 lần (s)	67.71	70.02	72.33	74.64	76.95	79.26	81.57	83.88	86.19	88.5
2	Di chuyển ngang sân đơn 40 lần (s)	67.22	69.78	72.34	74.9	77.46	80.02	82.58	85.14	87.7	90.26
3	Di chuyển đánh cầu tại 4 vị trí trên sân 6 lần (s)	58.53	59.82	61.11	62.4	63.69	64.98	66.27	67.56	68.85	70.14
4	Di chuyển nhặt đôi cầu 6 điểm trên sân 5 lần (s)	76.42	78.76	81.1	83.44	85.78	88.12	90.46	92.8	95.14	97.48
5	Di chuyển lùi 3 bước bật nhảy đập cầu 20 lần (s)	81.38	83.47	85.56	87.65	89.74	91.83	93.92	96.01	98.1	110.19

**Bảng 3.9. Tiêu chuẩn đánh giá xếp loại tổng hợp sức bền tốc độ cho nữ HS đội tuyển cầu lông trường THPT Đội Cán, Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc**

T	Xếp loại	Tổng điểm (Tổng số điểm tối đa = 50)
1	Tốt	>
2	Khá	35 - 45
3	Trung bình	25 - 34
4	Yếu	24 - 15
5	Kém	< 15

**3.1.3.3. Thực trạng sức bền tốc độ của đối tượng nghiên cứu**

Đề tài tiến hành kiểm tra SBTĐ trên 12 nữ học sinh đội tuyển Cầu lông Trường THPT Đội Cán. Sau đó, đối chiếu với tiêu chuẩn đánh giá tổng hợp để xác định thực trạng SBTĐ của đối tượng nghiên cứu, kết quả trình bày tại bảng 3.10.

Qua kết quả ở bảng 3.10 cho thấy, tỷ lệ xếp loại SBTĐ của nữ học sinh đội tuyển Cầu lông THPT Đội Cán ở mức khá và tốt là không cao: Loại tốt chiếm 8,33%; loại khá chiếm 33,33%; loại trung bình chiếm 33,33%; loại yếu chiếm 16,68%; loại kém chiếm 8,33%. Như vậy có thể nói SBTĐ của nữ học sinh đội tuyển Cầu lông THPT Đội Cán còn thấp chưa đáp ứng được mục tiêu đặt ra.

**3.2. Lựa chọn, ứng dụng và đánh giá hiệu quả bài tập nhằm phát triển SBTĐ cho nữ học sinh đội tuyển cầu lông THPT Đội Cán, Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc**

**3.2.1. Lựa chọn bài tập**

\* Các nguyên tắc lựa chọn bài tập : Để đảm bảo tính khách quan trong quá trình nghiên cứu và lựa chọn được các bài tập phù hợp với đối

**Bảng 3.10. Thực trạng kết quả xếp loại sức bền tốc độ cho nữ học sinh đội tuyển cầu lông trường THPT Đội Cán, Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc (n=12)**

TT	Xếp loại	Kết quả	
		n	Tỷ lệ %
1	Tốt	1	8,33
	Khá	4	33,33
3	Trung bình	4	33,33
4	Yếu	2	16,68
5	Kém	1	8,33

tượng nghiên cứu. Qua tham khảo các tài liệu chuyên môn, đề tài xây dựng 5 nguyên tắc lựa chọn bài tập như sau:

Nguyên tắc 1: Các bài tập được lựa chọn phải có tính định hướng phát triển sức bền tốc độ cho nữ học sinh đội tuyển cầu lông THPT Đội Cán.

Nguyên tắc 2: Các bài tập phải phù hợp với đối tượng tập luyện (về tâm sinh lý, trình độ, điều kiện tập luyện).

Nguyên tắc 3: Các bài tập lựa chọn phải đảm bảo độ tin cậy và mang tính thông báo cần thiết với đối tượng nghiên cứu.

Nguyên tắc 4: Các bài tập phải có tính đa dạng, tạo hứng thú tập luyện cho học sinh.

Nguyên tắc 5: Các bài tập phải có tính tiếp cận với xu hướng sử dụng các biện pháp và phương pháp huấn luyện SBTĐ trong huấn luyện cầu lông hiện đại

\* Lựa chọn bài tập : Qua tham khảo các tài liệu có liên quan, đề tài đã tổng hợp được 25 bài tập phát triển SBTĐ cho đối tượng nghiên cứu. Đề tài tiến hành phỏng vấn các chuyên gia để lựa chọn bài. Kết quả được trình bày tại bảng 3.11

*Bảng 3.11. Kết quả phỏng vấn lựa chọn bài tập phát triển sức bền tốc độ cho nữ học sinh đội tuyển cầu lông Trường THPT Đội Cấn (n=20)*

TT	Bài tập	Tán thành		Không tán thành	
		n	%	n	%
<b>Nhóm bài tập không cầu</b>					
1	<b>Di chuyển tiến lùi dọc sân</b>	18	90	2	10
2	<b>Di chuyển ngang sân đơn</b>	20	100	0	0
3	Bật nhảy tại chỗ thực hiện đập cầu liên tục	12	60	8	40
4	<b>Di chuyển lên lưới bỏ nhỏ và lùi về cuối sân bật nhảy đập cầu</b>	17	85	3	15
5	<b>Di chuyển nhật đối cầu 6 điểm trên sân</b>	20	100	0	0
6	<b>Di chuyển lùi về 2 góc cuối sân thực hiện động tác đập cầu</b>	17	85	3	15
7	Di chuyển tam giác thực hiện động tác đánh cầu trên lưới	14	70	6	30
8	Di chuyển lùi 3 bước bật nhảy đập cầu	13	65	7	35
<b>Nhóm bài tập có cầu</b>					
9	Phông cầu liên tục	18	60	12	40
10	<b>Di chuyển 4 góc bỏ nhỏ và đập cầu</b>	20	100	0	0
11	<b>Di chuyển đánh cầu trên lưới, lùi về cuối sân bật nhảy đập cầu</b>	19	95	1	5
12	<b>Di chuyển bật nhảy 2 góc lưới đánh cầu trên lưới</b>	20	100	0	0
13	<b>Di chuyển bật nhảy ngang sân bắt cầu thuận tay và trái tay</b>	18	90	2	10
14	Bạt cầu vào trái tay đối phương và di chuyển lên lưới đánh cầu	12	60	8	40
15	Treo cầu sát lưới và di chuyển lên lưới đánh cầu trên lưới	13	65	7	35
16	<b>Di chuyển lùi 2 góc cuối sân bật nhảy đập cầu</b>	18	90	2	10
17	Nhảy đập cầu liên tục trong 1 phút	13	65	7	35
18	<b>Di chuyển lùi đánh cầu cao sâu, lên lưới đặt cầu</b>	18	90	2	10
19	Di chuyển lùi chém cầu thẳng và chéo trên lưới kết hợp đánh cầu cao sâu	11	55	9	45
<b>Nhóm bài tập trò chơi và thi đấu</b>					
20	<b>Trò chơi phản xạ</b>	20	100	0	0
21	Thi đấu trong vạch phát cầu	12	60	8	40
22	<b>Thi đấu đơn trong sân đôi</b>	18	90	2	10
23	<b>Thi đấu đôi</b>	20	100	0	0
24	<b>Thi đấu đơn</b>	20	100	0	0
25	Thi đấu 30 điểm	13	65	7	35

Từ kết quả phỏng vấn, chúng tôi lựa chọn được 15 bài tập có sự đồng ý cao với tỷ lệ từ 75% trở lên để phát triển sức bền tốc độ cho nữ học sinh đội tuyển cầu lông Trường THPT Đội Cấn, bao gồm: Nhóm các bài tập không cầu: 5 bài tập; Nhóm các bài tập với cầu: 6 bài tập; Nhóm bài tập trò chơi và thi đấu: 4 bài tập

*3.2.2. Ứng dụng và đánh giá hiệu quả một số bài tập phát triển SBTĐ cho nữ học sinh đội tuyển cầu lông THPT Đội Cấn, Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc*

Đề tài tiến hành thực nghiệm đánh giá hiệu

quả của các bài tập đã lựa chọn trên đối tượng nghiên cứu. Trước thực nghiệm, chúng tôi tiến hành kiểm tra ban đầu bằng 5 test đánh giá đã được lựa chọn ở trên, để so sánh giữa 2 nhóm đối chứng và thực nghiệm. Kết quả được trình bày ở bảng 3.12

Qua kết quả bảng 3.12 cho thấy: Kết quả kiểm tra ban đầu trước thực nghiệm của cả 2 nhóm, với 5 test đánh giá đều có  $t_{\text{tính}} < t_{\text{bảng}}$  ở ngưỡng xác suất  $P > 0.05$ . Như vậy trình độ của 2 nhóm là tương đương nhau.

## THÔNG TIN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

*Bảng 3.12. Kết quả ban đầu của 2 nhóm đối chứng và thực nghiệm*

TT	Test	TN (n=6)	ĐC (n=6)	t	p
		$\bar{x} \pm \delta$	$\bar{x} \pm \delta$		
1	Di chuyển tiến lùi 14 lần (s)	79.18±4.43	78.69±4.31	0.598	>0,05
2	Di chuyển ngang sân đơn 40 lần (s)	80.34±5.21	79.74±5.22	1.108	>0,05
3	Di chuyển đánh cầu tại 4 vị trí trên sân 6 lần(s)	64.61±2.54	64.83±2.61	0.512	>0,05
4	Di chuyển nhật đối cầu 6 điểm trên sân 5 lần(s)	88.35±4.42	87.91±4.73	0.769	>0,05
5	Di chuyển lùi 3 bước bật nhảy đập cầu 20 lần(s)	91.44±4.37	91.33±4.19	0.84	>0,05

Sau 6 tuần tập luyện chúng tôi đã tiến hành kiểm tra trên cả 2 nhóm, từ đó chúng tôi xem xét đánh giá hiệu quả tác động của các bài tập đã lựa chọn trong quá trình thực nghiệm. Kết quả kiểm tra được trình bày ở bảng 3.13.

*Bảng 3.13. Kết quả kiểm tra của 2 nhóm sau 6 tuần thực nghiệm*

TT	Test	TN (n=6)	ĐC (n=6)	t	p
		$\bar{x} \pm \delta$	$\bar{x} \pm \delta$		
1	Di chuyển tiến lùi 14 lần (s)	73.92±3.18	76.42±3.27	3.246	<0.05
2	Di chuyển ngang sân đơn 40 lần (s)	74.83±4.11	77.86±4.36	3.193	<0.05
3	Di chuyển đánh cầu tại 4 vị trí trên sân 6 lần(s)	60.57±2.47	63.28±2.63	3.644	<0.05
4	Di chuyển nhật đối cầu 6 điểm trên sân 5 lần(s)	81.28±3.24	85.71±3.37	3.348	<0.05
5	Di chuyển lùi 3 bước bật nhảy đập cầu 20 lần(s)	83.26±3.31	86.37±3.23	3.206	<0.05

Từ kết quả bảng 3.13 cho thấy: Sau thực nghiệm với cả 5 Test đánh giá đều có  $t_{\text{tính}} > t_{\text{bảng}}$  ở ngưỡng xác suất  $P < 0,05$ . Điều này cho thấy rằng sự khác biệt của hai nhóm đã có ý nghĩa về mặt toán học thống kê. Để khẳng định rõ hơn hiệu quả của các bài tập đã lựa chọn cho đối tượng nghiên cứu, chúng tôi tiến hành đánh giá nhịp độ tăng trưởng của 2 nhóm sau 6 tuần thực nghiệm. Kết quả trình bày ở bảng 3.14.

*Bảng 3.14. Nhịp độ tăng trưởng của 2 nhóm sau 6 tuần thực nghiệm*

TT	Các test kiểm tra	Nhóm TN (n=6)			Nhóm ĐC (n=6)		
		Ban đầu	Sau TN	W	Ban đầu	Sau TN	W
1	Di chuyển tiến lùi 14 lần (s)	79.18 ±4.43	73.92 ±3.18	<b>6,87%</b>	78.69 ±4.31	76.42 ±3.27	<b>2,92%</b>
2	Di chuyển ngang sân đơn 40 lần (s)	80.34 ±5.21	74.83 ±4.11	<b>10,84%</b>	79.74 ±5.22	77.86 ±4.36	<b>4,52%</b>
3	Di chuyển đánh cầu tại 4 vị trí trên sân 6 lần(s)	64.61 ±2.54	60.57 ±2.47	<b>6,45%</b>	64.83 ±2.61	63.28 ±2.63	<b>2,42%</b>
4	Di chuyển nhật đối cầu 6 điểm trên sân 5 lần(s)	88.35 ±4.42	81.28 ±3.24	<b>8,33%</b>	87.91 ±4.73	85.71 ±3.37	<b>2,53%</b>
5	Di chuyển lùi 3 bước bật nhảy đập cầu 20 lần(s)	91.44 ±4.37	83.26 ±3.31	<b>9,36%</b>	91.33 ±4.19	86.37 ±3.23	<b>5,58%</b>

Qua bảng 3.14, cho thấy: Sau 6 tuần tập luyện thành tích ở các Test đánh giá SBTĐ của cả 2 nhóm đều có sự tăng trưởng, tuy nhiên sự tăng trưởng ở các Test đánh giá của nhóm thực nghiệm tốt hơn hẳn so với nhóm đối chứng.

Sau khi kết thúc quá trình thực nghiệm, đề tài tiến hành so sánh kết quả xếp loại tổng hợp SBTĐ giữa nhóm ĐC và TN. Kết quả được trình bày ở bảng 3.15.

*Bảng 3.15. So sánh kết quả xếp loại tổng hợp sức bền tốc độ của 2 nhóm thực nghiệm và đối chứng sau 6 tuần thực nghiệm*

Xếp loại	Nhóm đối tượng nghiên cứu		Tổng
	Nhóm TN (n=6)	Nhóm ĐC (n=6)	
Tốt	4 (2.5)	1 (2.5)	<b>5</b>
Khá	2 (2.0)	2 (2.0)	<b>4</b>
Trung bình	0 (1.5)	3 (1.5)	<b>3</b>
<b>Tổng</b>	<b>6</b>	<b>6</b>	<b>12</b>
So sánh	$\chi^2_{\text{tính}} = 7.071 > \chi^2_{0.05} = 5.991$ với $P < 0.05$		

## THÔNG TIN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Từ kết quả ở bảng 3.15 cho thấy, khi so sánh kết quả kiểm tra đánh giá SBTĐ giữa nhóm ĐC và nhóm TN có sự khác biệt rõ rệt với  $\chi^2_{\text{tính}} = 7.995 > \chi^2_{\text{bảng}} = 5.991$  với  $P < 0.05$ . Điều đó một lần nữa lại khẳng định rõ hiệu quả của bài tập đã lựa chọn môn ứng dụng huấn luyện phát triển SBTĐ cho nữ học sinh đội tuyển Cầu lông Trường THPT Đội Cấn, Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc.

### IV. KẾT LUẬN

Đề tài đã lựa chọn được 5 test và đã xây dựng bảng điểm tổng hợp đánh giá trình độ SBTĐ cho đối tượng nghiên cứu, đảm bảo độ

tin cậy và tính thông báo. Qua kiểm tra đánh giá thực trạng SBTĐ của nữ học sinh đội tuyển cầu lông trường THPT Đội Cấn còn thấp.

Quá trình nghiên cứu, đề tài đã lựa chọn được 15 bài tập phát triển SBTĐ cho nữ học sinh đội tuyển cầu lông Trường THPT Đội Cấn. Qua thời gian 6 tuần thực nghiệm, đề tài đã xác định được hiệu quả rõ rệt của các bài tập đã lựa chọn ứng dụng huấn luyện phát triển SBTĐ cho đối tượng nghiên cứu ( $t_{\text{tính}} > t_{\text{bảng}}$  ở ngưỡng xác suất  $P < 0.05$ ).

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Harre D (1996), *Học thuyết huấn luyện*, (Trương Anh Tuấn, Nguyễn Thế Hiển dịch), NXB TDTT Hà Nội
2. Lưu Quang Hiệp, Phạm Thị Uyên (1995), *Sinh lý học TDTT*, NXBTDTT HN
3. Hương Xuân Nguyễn - Mai Thị Ngoãn (2010), *Giáo trình cầu lông trường ĐH Sư phạm TDTT Hà Nội*, NXB TDTT, Hà Nội
4. Nguyễn Xuân Sinh (1999), *Phương pháp NCKH TDTT*. NXB TDTT Hà Nội
5. Nguyễn Hạc Thúy - Nguyễn Quý Bình (2000), *Huấn luyện thể lực cho VĐV cầu lông*, NXB TDTT, Hà Nội.
6. Nguyễn Toán, Phạm Danh Tồn (2000) - "Lý luận và phương pháp TDTT" - NXB TDTT Hà Nội
7. Nguyễn Đức Văn (1987), *Phương pháp thống kê trong TDTT*, NXB TDTT, Hà Nội.

**PHÒNG CHỐNG CHẤN THƯƠNG TRONG TẬP LUYỆN  
VÕ THUẬT CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC  
SƯ PHẠM THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI**

(Đề tài đoạt giải nhất tại Hội nghị sinh viên NCKH toàn quốc khối TĐTT, lần thứ IX  
năm 2017, do TS. Nguyễn Duy Quyết hướng dẫn)

**Phạm Thị Thanh Huyền D11CL-K46**

Trường ĐH Sư phạm TĐTT Hà Nội

**Tóm tắt:** Chấn thương trong tập luyện và thi đấu thể dục thể thao là vấn đề nhức nhối được sự quan tâm của các nhà quản lý, huấn luyện viên và giảng viên thể thao. Kết quả nghiên cứu đánh giá thực trạng, tìm hiểu nguyên nhân và đề xuất một số biện pháp phòng ngừa chấn thương trong tập luyện và thi đấu võ thuật của sinh viên Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội

**Từ khóa:** Chấn thương, võ thuật, sinh viên, Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội

**Abstract:** Injuries in physical training and sports are a painful problem is of great interest to managers, coaches and athletic trainers. The Results of the study to assess the status quo, find out causes and propose some measures to prevent injuries in training and martial arts competition of Hanoi University of Physical Education and Sport's Students.

**Keywords:** injury, martial arts, students, Hanoi University of Physical Education and Sport

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tập luyện thể dục thể thao mang lại lợi ích to lớn trong việc nâng cao sức khỏe, phòng chống bệnh tật cho mọi người. Tuy nhiên cùng với tập luyện là nguy cơ chấn thương trong tập luyện và thi đấu

Võ thuật là môn thể thao vừa để rèn luyện thân thể, sức khỏe, vừa để tự vệ, hay dùng trong huấn luyện quân sự. Có nhiều môn võ khác nhau nhưng Taekwondo là môn võ của người Triều Tiên và nay đã trở thành một môn thể thao quốc tế. Nét đặc trưng chính của môn Taekwondo là thi đấu đối kháng với việc tự do sử dụng tay không và chân để loại trừ đối phương.

Taekwondo được coi như một môn võ thuật thể thao vì nó không chỉ có tính nghệ thuật để tự vệ mà còn có sự hấp dẫn cho những người tập bởi tính hoa mỹ trong các động tác tay hoặc chân. Thi đấu đối kháng là sự tiếp xúc mạnh về thể chất, mỗi đòn tấn công của đối phương đều có thể gây cho vận động viên những chấn thương không ngừng tới.

Qua thực tiễn học tập và nghiên cứu tại Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội cho thấy, trong tập luyện và thi đấu Taekwondo của sinh viên thường xảy ra các chấn thương ảnh hưởng cả về thể chất lẫn tinh thần cho các bạn sinh viên. Chính vì vậy, chúng em lựa chọn nghiên cứu đề tài: Phòng chống chấn thương trong tập luyện võ thuật cho sinh viên trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội (dẫn chứng môn Taekwondo)

### Mục đích nghiên cứu

Luận giải những vấn đề lý luận và thực tiễn vấn đề nghiên cứu đồng thời tìm hiểu nguyên nhân đề tài đề xuất một số biện pháp khả thi, phù hợp để phòng chống chấn thương trong tập luyện và thi đấu môn Taekwondo cho sinh viên Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội

### Nhiệm vụ nghiên cứu:

Để giải quyết mục đích nghiên cứu nêu trên, đề tài xác định 3 nhiệm vụ:

Một là, đánh giá thực trạng chấn thương thường gặp trong tập luyện và thi đấu võ thuật

## THÔNG TIN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

của sinh viên Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội (dẫn chứng môn Taekwondo).

Hai là, đề xuất biện pháp phòng ngừa chấn thương trong tập luyện võ thuật của sinh viên Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội.

Ba là, ứng dụng và đánh giá hiệu quả các biện pháp phòng chống chấn thương trong tập luyện võ thuật cho sinh viên Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội

### II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đề tài sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học sau đây: phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu, phương pháp phỏng vấn,

phương pháp quan sát sư phạm, phương pháp thực nghiệm sư phạm, phương pháp toán học thống kê.

### III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Đánh giá thực trạng chấn thương thường gặp trong tập luyện và thi đấu võ thuật của sinh viên Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội.

Để đánh giá thực trạng chấn thương thường gặp trong tập luyện và thi đấu võ thuật của sinh viên Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội, đề tài tiến hành phỏng vấn các giảng viên, huấn luyện viên. Kết quả được trình bày tại bảng 3.1

**Bảng 1. Kết quả phỏng vấn về các bộ phận cơ thể thường hay bị chấn thương trong tập luyện và thi đấu võ thuật**

TT	Các bộ phận cơ thể	Số người đồng ý	Tỷ lệ chấn thương
1	Khớp gối	23	76,7
2	Khớp cổ chân	2	73,3
3	Khớp vai	21	70,0
4	Khớp khuỷu	5	16,7
5	Khớp cổ tay	13	43,3
6	Khớp ngón tay	3	10,0
7	Các chấn thương khác	10	33,3

Kết quả tại bảng 3.1 cho thấy trong tập luyện và thi đấu võ thuật (dẫn chứng môn võ Taekwondo) có nhiều bộ phận cơ thể thường xảy ra chấn thương trong đó có 7 bộ phận thường xảy ra các chấn thương nhất đó là chấn thương khớp gối (76,7%), Chấn thương khớp cổ chân (73,3%), chấn thương khớp vai

(70%)... Như vậy có thể thấy rằng trong tập luyện và thi đấu Taekwondo thường xảy ra các chấn thương.

Để thấy rõ hơn thực trạng chấn thương của sinh viên Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội. Kết quả được trình bày tại bảng 2.

**Bảng 2. Kết quả điều tra thực trạng chấn thương thường gặp trong tập luyện và thi đấu võ thuật của sinh viên Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội**

Mức độ	Chấn thương nhẹ	Chấn thương trung bình	Chấn thương nặng	Tổng số
Thông tin				
Số lượng	56	24	6	86
Tỷ lệ %	65,12	27,90	6,9	100

Kết quả khảo sát số sinh viên bị chấn thương trong tập luyện và thi đấu võ thuật cho thấy trong quá trình tập luyện và thi đấu võ thuật của sinh viên Trường Đại học Sư phạm TĐTT

Hà Nội có 86 lượt sinh viên bị chấn thương theo các mức từ nặng đến nhẹ. Đặc biệt tỷ lệ sinh viên bị chấn thương nặng khá cao (6.9%), số sinh viên bị chấn thương nhẹ (65.12%) còn



## THÔNG TIN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

lại chấn thương ở mức trung bình. Như vậy, có thể thấy rằng tỷ lệ sinh viên bị chấn thương trong tập luyện và thi đấu võ thuật với 1 năm học khá cao.

### 2. Nguyên nhân chấn thương trong tập luyện võ thuật của sinh viên Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội

Từ kết quả đánh giá thực trạng, đề tài tiến hành tìm hiểu nguyên nhân dẫn đến chấn

thương trong tập luyện và thi đấu võ thuật của sinh viên trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội.

Để tìm hiểu nguyên nhân dẫn đến chấn thương trong tập luyện võ thuật, đề tài tiến hành khảo sát chuyên gia, giảng viên, huấn luyện viên giảng dạy võ thuật. Kết quả được trình bày tại bảng 3

Bảng 3. Nguyên nhân dẫn đến chấn thương trong tập luyện võ thuật của sinh viên Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội

TT	Nguyên nhân	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Sai sót trong thực hiện kỹ thuật động tác	30	18,07
2	Do trạng thái mệt mỏi quá sức ảnh hưởng đến thực hiện động tác	25	15,06
3	Chuẩn bị vận động chưa đầy đủ	40	24,10
4	Trang thiết bị hỗ trợ không đảm bảo	14	8,43
5	Chấn thương chưa hồi phục đã tham gia tập luyện	22	13,25
6	Do trạng thái thần kinh quá căng thẳng	20	12,05
7	Do thể chất kém	3	1,81
8	Do ảnh hưởng thời tiết	1	0,60
9	Chưa nắm vững khái niệm động tác	5	3,01
10	Dùng lực không phù hợp	6	3,61
	<b>Tổng hợp</b>	166	100

Từ kết quả tại bảng cho thấy có chấn thương trong tập luyện và thi đấu võ thuật của sinh viên trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội có các nguyên nhân thuộc về chủ quan như: chuẩn bị vận động chưa đầy đủ, do thể chất kém, chưa nắm vững kỹ thuật động tác, dùng lực không phù hợp, do trạng thái mệt mỏi quá sức ảnh hưởng đến thực hiện động tác và do sai sót trong kỹ thuật động tác và có nguyên nhân khách quan như: trang thiết bị hỗ trợ không đảm bảo, do ảnh hưởng thời tiết... trong đó các nguyên nhân chủ quan chiếm tỷ lệ cao như: Sai sót trong thực hiện kỹ thuật động tác (18,07%), do trạng thái mệt mỏi (15,06%), chấn thương chưa hồi phục đã tham gia tập luyện (13,25%)...

### 3. Ứng dụng và đánh giá hiệu quả các biện pháp phòng chống chấn thương trong tập luyện võ thuật cho sinh viên Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội

#### 3.1. Đề xuất biện pháp

Từ cơ sở lý luận, thực tiễn và nguyên nhân dẫn đến chấn thương trong tập luyện võ thuật của sinh viên Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội, đề tài đề xuất một số biện pháp phòng chống chấn thương, gồm các biện pháp sau:

- Chuẩn bị tốt sân bãi, dụng cụ trong tập luyện
- Đảm bảo khởi động đúng quy trình về thời gian, khối lượng
- Tập luyện nâng cao thể lực chuyên môn

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong tập luyện
- Thực hiện tốt giai đoạn xoa bóp, hồi phục sau vận động
- Tăng cường trang bị trang thiết bị bảo hộ

Để đảm bảo tính khách quan và độ tin cậy của các biện pháp đề xuất, đề tài tiến hành phỏng vấn 30 chuyên gia, giảng viên, huấn luyện viên võ thuật để lựa chọn biện pháp. Kết quả được trình bày tại bảng 4.

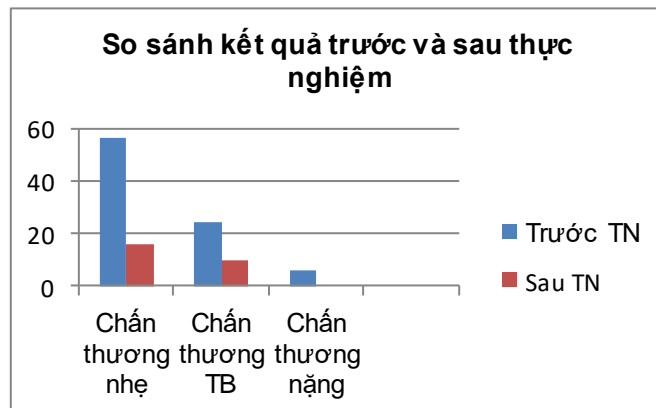
**Bảng 4. Kết quả phỏng vấn các biện pháp phòng ngừa chấn thương trong tập luyện và thi đấu võ thuật cho sinh viên trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội (n = 30)**

TT	Nguyên nhân	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Chuẩn bị tốt sân bãi, dụng cụ trong tập luyện	28	93.33
2	Đảm bảo khởi động đúng quy trình về thời gian, khối lượng	25	83.33
3	Tập luyện nâng cao thể lực chuyên môn	26	86.67
4	Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong tập luyện	26	86.67
5	Thực hiện tốt giai đoạn xoa bóp, hồi phục sau vận động	28	93.33
6	Tăng cường trang bị trang thiết bị bảo hộ	25	83.33

Kết quả tại bảng cho thấy cả 6 biện pháp mà đề tài đề xuất được các chuyên gia, giảng viên đánh giá cần thiết và phù hợp áp dụng trong tập luyện và thi đấu võ thuật cho sinh viên.

### 3.2 Ứng dụng và đánh giá hiệu quả các biện pháp phòng ngừa chấn thương trong tập luyện võ thuật cho sinh viên Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội

Sau khi đề xuất được các biện pháp dựa trên các nguyên nhân dẫn đến chấn thương trong tập luyện võ thuật của sinh viên Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội, đề tài tiến hành áp dụng các biện pháp trên đối tượng sinh viên tập luyện võ thuật Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội. Kết quả được trình bày tại sơ đồ 1.



Sơ đồ 1. So sánh tỷ lệ chấn thương trước và sau thực nghiệm

Kết quả tại sơ đồ 1 cho thấy tỷ lệ chấn thương của sinh viên trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội trong tập luyện và thi đấu võ thuật đã giảm đáng kể với tính > bảng ở ngưỡng xác suất  $p < 0,05$ . Điều đó chứng tỏ

các biện pháp mà đề tài nghiên cứu đề xuất đã có tác dụng làm giảm chấn thương trong tập luyện võ thuật cho sinh viên trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội.

### IV. KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu về thực trạng chấn thương trong tập luyện và thi đấu của sinh viên tập luyện môn Võ thuật (dẫn chứng môn Taekwondo) của sinh viên Trường ĐHSP TĐTT Hà Nội chúng tôi đi đến một số kết luận sau: Trong tập luyện và thi đấu môn võ thuật của sinh viên trường ĐHSP TĐTT Hà Nội, thực trạng chấn thương cho thấy: chấn thương thường gặp nhiều nhất là ở khớp gối và khớp cổ chân và đặc biệt chấn thương khớp gối là mắc nhiều nhất.

Đề tài đã xác định được các nguyên nhân chính gây ra chấn thương trong tập luyện và thi đấu môn Võ thuật cụ thể là:

- + Do khởi động không đúng quy định
- + Do sân bãi dụng cụ chưa đảm bảo
- + Do thể lực còn kém, mệt mỏi qua tải trong tập luyện và thi đấu
- + Do hành vi không đúng quy định của người tập...

Từ các nguyên nhân chủ quan và khách quan, đề tài đã tìm ra được một số biện pháp phòng chống chấn thương thường xảy ra trong tập luyện Võ thuật cho sinh viên Trường ĐHSP TĐTT Hà Nội đó là:

- + Khởi động đúng quy định (chú ý ép dẻo các cơ và khớp)
- + Chuẩn bị tốt sân bãi dụng cụ
- + Tăng cường giáo dục ý thức tổ chức trong tập luyện cho sinh viên
- + Tăng cường luyện tập các tố chất thể thao
- + Thực hiện tốt giai đoạn xoa bóp hồi phục sau tập luyện

Kết quả thực nghiệm các biện pháp mà đề tài nghiên cứu đề xuất cho thấy: sau thực nghiệm tỷ lệ chấn thương của sinh viên trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội trong tập luyện và thi đấu võ thuật đã giảm đáng kể với tính  $\chi^2_{\text{tính}} > \chi^2_{\text{bảng}}$  ở ngưỡng xác suất  $p < 0,05$ . Hay nói cách khác, các biện pháp mà đề tài nghiên cứu đề xuất đã có tác dụng làm giảm chấn thương trong tập luyện võ thuật cho sinh viên trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Quý Phương (1998) *chấn thương và các trạng thái bệnh lý trong tập luyện TĐTT*, Nxb Thể dục thể thao
2. Trần Quốc Diệu (2004) *Phòng chống chấn thương trong thể thao*, Nxb TĐTT Trung Quốc
3. Lương Trụ Bình (2005), *Nguyên nhân và phòng chống chấn thương trong Điền kinh*, Nxb Trường ĐHSP Quảng Tây Trung Quốc.
4. Vũ Thị Thanh Bình, Phạm Thị Thiệu (2001) *Sinh lý học thể dục thể thao*, Nxb TĐTT.
5. Nông Thị Hồng (2004), *Giáo trình Y học thể dục thể thao*, Nxb Thể dục thể thao
6. Mai Tú Nam (2004) *Giáo trình võ thuật*, Nxb Thể dục thể thao
7. Lê thanh (2004) *Giáo trình phương pháp toán thống kê trong thể dục thể thao*, Nxb Thể dục thể thao.

## NGHIÊN CỨU MỘT SỐ BIỆN PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ GIÁO DỤC SINH VIÊN THÔNG QUA MÔ HÌNH TỰ QUẢN CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TDTT HÀ NỘI

(Đề tài đoạt giải nhất tại Hội nghị sinh viên NCKH toàn quốc khối TDTT lần thứ X năm 2018, do TS. Nguyễn Duy Quyết hướng dẫn)

Văn Thị Nga, ĐKA - K47; Bùi Thị Minh Tiên, ĐC- K47

Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội

**Tóm tắt:** Mô hình tự quản là mô hình quản lý giáo dục sinh viên thông qua hoạt động của các đội nội vụ - an ninh của sinh viên trong nhà trường. Bài viết tập trung đánh giá thực trạng công tác quản lý giáo dục sinh viên, từ đó lựa chọn một số biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý giáo dục sinh viên thông qua mô hình tự quản của trường Đại học Sư phạm thể dục thể thao Hà Nội.

**Từ khóa:** Biện pháp, mô hình tự quản, kết quả rèn luyện, sinh viên, đại học Sư phạm thể dục thể thao.

**Abstract:** *Self-management model is the model of student education management through the activities of the internal teams - the security of students in the university. The paper focuses on assessing the status of student education management, thus selecting a number of solutions to improve the effectiveness of the self-management model for Hanoi University of Physical Education and Sport.*

**Keywords:** *Solution, Self-managed model, Student, University of Physical Education and Sport.*

### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Công tác quản lý giáo dục sinh viên là một mặt quan trọng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ giáo dục và đào tạo của các nhà trường. Quản lý, giáo dục tốt sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình trang bị kiến thức, kỹ năng chuyên môn, đồng thời còn tạo ra môi trường tốt cho việc rèn luyện phẩm chất đạo đức, nhân cách, tác phong và lối sống sư phạm cho sinh viên. Công tác quản lý giáo dục sinh viên trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội luôn được các cấp lãnh đạo nhà trường quan tâm với sự phối hợp của các đơn vị chức năng và các tổ chức đoàn thể trong nhà trường. Trong những năm qua, hoạt động quản lý giáo dục sinh viên được nhà trường triển khai theo mô hình tự quản với sự chỉ đạo của các đơn vị chức năng gồm phòng Công tác sinh viên, Ban chủ nhiệm sinh viên và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Mô hình này bước đầu đã đem lại những hiệu quả nhất định trong

công tác quản lý giáo dục sinh viên. Tuy nhiên, trong thực tiễn triển khai, công tác phối hợp, tổ chức thực hiện giữa các đơn vị và bộ phận liên quan trong mô hình tự quản đã bộc lộ một số hạn chế nhất định, cơ chế hoạt động của mô hình chưa thể hiện rõ ưu việt, dẫn đến hiệu quả quản lý giáo dục sinh viên chưa cao (thể hiện qua hiệu quả học tập và rèn luyện của sinh viên). Chính vì vậy, việc tìm ra các biện pháp phù hợp nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả của các mô hình tự quản góp phần nâng cao chất lượng công tác quản lý, giáo dục sinh viên Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội là vấn đề thiết, cần được quan tâm.

Xuất phát từ những lý do nêu trên, chúng tôi nghiên cứu đề tài: “Nghiên cứu một số biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý giáo dục sinh viên thông qua mô hình tự quản của Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội”.

**II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

Đề tài sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau: phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu, phương pháp phỏng vấn, phương pháp quan sát sư phạm, phương pháp thực nghiệm sư phạm, phương pháp toán học thống kê.

**III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**

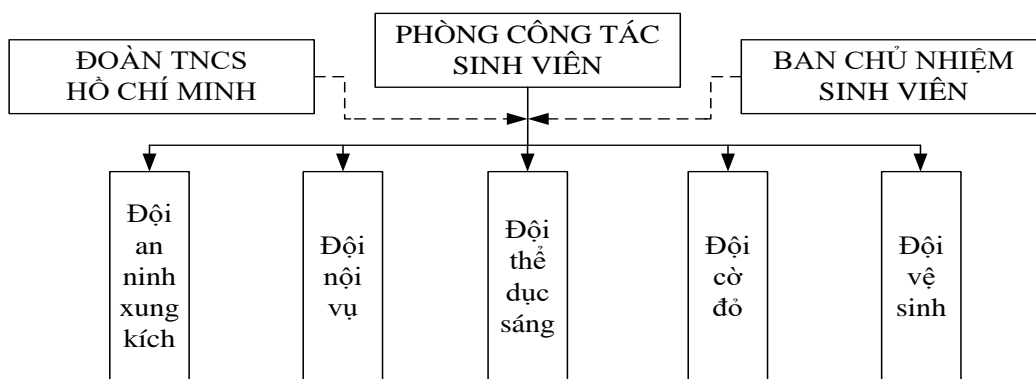
**1. Thực trạng công tác tổ chức quản lý giáo dục của sinh viên thông qua mô hình tự quản tại Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội.**

**1.1. Khái quát về mô hình tự quản của sinh viên trong công tác quản lý giáo dục sinh viên**

Với đặc thù trên 90% sinh viên nội trú, công tác quản lý hoạt động học tập và rèn luyện của sinh viên được nhà trường thực hiện theo Thông tư 27/TT-BGDĐT ngày 27/06/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế công tác học sinh sinh viên nội trú tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, và thực hiện theo Thông tư số 04/TT-BGDĐT ngày 28/02/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa.

Mô hình tự quản của sinh viên Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội được hoạt động dưới sự chỉ đạo trực tiếp của phòng công tác sinh viên, cùng với sự phối hợp chỉ đạo của Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và Ban chủ nhiệm sinh viên. Nội dung công tác tổ chức, quản lý hoạt động học tập và rèn luyện của sinh viên bao gồm theo dõi, đánh giá ý thức học tập, rèn luyện của sinh viên; phân loại, xếp loại điểm rèn luyện của sinh viên; khen thưởng, kỷ luật sinh viên; tổ chức triển khai công tác giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống cho sinh viên; tổ chức cho sinh viên tham gia các hoạt động văn hoá, văn nghệ và các hoạt động ngoài giờ lên lớp khác...

Tại Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội, công tác quản lý hoạt động học tập và rèn luyện của sinh viên được thực hiện với sự phối hợp giữa các đơn vị chức năng thông qua mô hình tự quản của sinh viên. Hàng năm, phòng công tác sinh viên tham mưu cho Ban Giám hiệu nhà trường ban hành Quyết định thành lập các đội tự quản bao gồm: đội Nội vụ, đội Thể dục sáng, đội An ninh xung kích, đội Cờ đỏ, đội Vệ sinh môi trường với mô hình (sơ đồ 3.1) với các chức năng, nhiệm vụ sau:



Sơ đồ 3.1. Mô hình tổ chức, quản lý đội tự quản SV trường ĐHSPTDTT Hà Nội

**Đội An ninh xung kích:** Đảm bảo an ninh trong khu nội trú, trực an ninh hàng ngày, phối hợp với tổ bảo vệ đảm nhiệm tuần tra an ninh trong khu vực trường.

## THÔNG TIN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

**Đội Nội vụ:** Đảm bảo quy định giờ giấc sinh hoạt trong phòng ở (giờ học tập, giờ ngủ, sắp xếp phòng ở, gấp chăn màn...).

**Đội Thể dục sáng:** Đảm bảo nội quy thể dục sáng cho của sinh viên toàn trường, đôn đốc, nhắc nhở sinh viên dậy thể dục sáng.

**Đội Cờ đỏ:** Đảm bảo tác phong su phạm của sinh viên khi tham gia học tập (thực hiện nội quy lên xuống lớp, trang phục, đeo thẻ sinh viên khi lên lớp...).

**Đội Vệ sinh:** Đảm bảo công tác vệ sinh môi trường trong khuôn viên trường, thực hiện sự chỉ đạo của phòng Công tác sinh viên nhắc nhở, đốc thúc công tác vệ sinh trong khuôn viên nhà trường.

### 1.2. Kết quả đánh giá về nội dung và cơ chế hoạt động của mô hình tự quản sinh viên

Đề tài tiến hành khảo sát đánh giá về nội dung và cơ chế hoạt động của mô hình tự quản sinh viên thông qua các nội dung và thang điểm 5 (Rất tốt: 5 điểm; Tốt: 4 điểm; Khá: 3 điểm; Trung bình: 2 điểm; Yếu: 1 điểm; Kém: 0 điểm). Đối tượng khảo sát, đánh giá là các cán bộ quản lý (gồm cán bộ, giảng viên, Ban chấp hành Đoàn Thanh niên, Ban chủ nhiệm sinh viên), các sinh viên thuộc các đội tự quản. Kết quả thu được ở bảng 1 cho thấy:

Bảng 1. Kết quả đánh giá hiệu quả hoạt động của đội tự quản

TT	Nội dung đánh giá	Điểm đánh giá trung bình	
		Cán bộ quản lý (n = 10)	Đội tự quản (n = 65)
1	Số lượng, chất lượng thành viên đội tự quản	4.40	4.20
2	Công tác thông tin, tuyên truyền	3.50	3.30
3	Trang thiết bị dụng cụ phục vụ công việc	2.60	2.50
4	Chế độ đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật	2.40	2.60
5	Công tác phối hợp xử lý vi phạm	3.10	3.40
6	Chế độ họp giao ban tuần, tháng, quý	2.50	2.70
7	Chất lượng các hoạt động kiểm tra, giám sát	2.20	2.10

Kết quả của bảng 1 cho thấy: Việc tuyển chọn sinh viên vào các đội tự quản do phòng Công tác sinh viên tham mưu là đảm bảo về số lượng và chất lượng, tuy nhiên các cơ chế hoạt động (như chế độ đãi ngộ, cơ chế họp giao ban trao đổi thông tin và xử lý thông tin, trang thiết bị dụng cụ được trang bị phục vụ công tác của các đội tự quản) còn nhiều hạn chế nhất định, hầu hết các ý kiến đánh giá đều thống nhất ở mức trung bình. Điều đó phần nào ảnh hưởng đến chất lượng các công tác kiểm tra, giám sát của đội tự

quản; công tác phối hợp xử lý các vi phạm nội quy, quy chế đối với các sinh viên (các ý kiến đánh giá thống nhất ở mức trung bình đến mức khá: từ 2.10 điểm đến 3.40 điểm).

### 1.3. Thực trạng về ý thức và kết quả rèn luyện của sinh viên

Thông qua mô hình tự quản hoạt động học tập và rèn luyện của sinh viên nhà trường trong những năm qua đã đạt được một số thành tựu như: không có sinh viên nghiện ma túy, thái độ ý thức học tập và rèn luyện của sinh viên được nâng cao góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý giáo dục sinh viên của nhà trường, tạo cho

## THÔNG TIN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

sinh viên nề nếp tác phong sư phạm. Tuy nhiên, thực tế qua khảo sát hiện nay hoạt động học tập và rèn luyện của sinh viên bộc lộ một số hạn chế ảnh hưởng tới hoạt động học tập và rèn luyện của sinh viên như:

- Về ý thức rèn luyện: Kết quả khảo sát số lượng sinh viên vi phạm nội quy, quy chế của nhà trường được trình bày tại bảng 2.

*Bảng 2. Thực trạng số lượt sinh viên vi phạm nội quy năm 2016*

TT	Nội dung	Số lượt sinh viên vi phạm nội quy
1	Bỏ giờ học	3672
2	Vi phạm về trang phục, đeo thẻ	870
3	Đi học muộn	832
4	Vi phạm quy định về nội vụ	1217
5	Thiếu vệ sinh, vệ sinh	1320

Kết quả tại bảng 2 cho thấy, số sinh viên bỏ giờ học không lý do năm 2016 là 3672 lượt; vi phạm nội quy trang phục, đeo thẻ khi lên lớp 870 lượt sinh viên; đi học muộn 832 lượt, thiếu vệ sinh công cộng, vi phạm tác phong sư phạm 1320 lượt có thể thấy đây là còn số đáng báo động về ý thức tham gia học tập và rèn luyện.

- Kết quả đánh giá điểm rèn luyện của

sinh viên (bảng 3.3): Việc đánh giá rèn luyện của sinh viên được tổ chức thường xuyên, liên tục theo Quy chế đánh giá điểm rèn luyện được ban hành kèm theo Quyết định số 428/QĐ-ĐHSPTDTHN ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội. Các nội dung và các mặt của hai đơn vị quản lý, tổ chức trực tiếp sinh viên là Ban Chủ nhiệm sinh viên và Đoàn Thanh niên.

*Bảng 3. Đánh giá xếp loại kết quả rèn luyện của sinh viên.*

Năm	Kết quả xếp loại (%)				
	Xuất sắc	Tốt	Khá	Trung bình	Yếu, kém
2015	10.13	29.31	36.14	24.43	0.00
2016	11.47	41.22	32.56	14.75	0.00

*(Nguồn báo cáo P.CTSV Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội)*

Từ kết quả tại bảng 3 cho thấy kết quả đánh giá điểm rèn luyện của sinh viên khá tốt với tỷ lệ sinh viên được đánh giá xuất sắc và tốt chiếm đa số, vẫn còn sinh viên được đánh giá ở mức trung bình chiếm tỷ lệ từ 14.75% đến 24.43%.

- Việc chấp hành Điều lệ Đoàn: công tác đánh giá sinh viên thông qua việc đánh giá chất lượng Đoàn viên căn cứ vào Điều

lệ Đoàn và Hướng dẫn số 57 HD/TWĐTN, ngày 12 tháng 5 năm 2011 của Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh về đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đoàn và đoàn viên.

Xếp loại chất lượng: Chất lượng đoàn viên được xếp thành 4 mức: Đoàn viên xuất sắc, Đoàn viên khá, Đoàn viên trung bình, Đoàn viên yếu (bảng 3.4).

*Bảng 4. Kết quả đánh giá xếp loại đoàn viên thanh niên*

Năm	Kết quả xếp loại (%)			
	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Yếu
2015	53.23	45.18	1.59	0.00
2016	52.11	44.21	3.68	0.00

*(Nguồn báo cáo Đoàn Thanh niên Trường ĐHSPTDĐT Hà Nội)*

Từ kết quả tại bảng 4 cho thấy chất lượng đoàn viên phân loại theo Điều lệ Đoàn và hướng dẫn của Trung ương Đoàn đối với đoàn viên sinh viên Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội là khá tốt, với tỷ lệ sinh viên đạt loại xuất sắc và khá chiếm đa số, số đoàn viên xếp loại yếu không có, chứng tỏ đoàn viên sinh viên chấp hành tốt nội quy, quy định và Điều lệ Đoàn.

Tóm lại: Mặc dù mô hình tự quản của sinh viên hoạt động bước đầu đã đem lại một số hiệu quả nhất định trong công tác quản lý giáo dục sinh viên, tuy nhiên vẫn còn tồn tại một số hạn chế nhất định. Nguyên nhân được xác định như sau:

- Ý thức của một bộ phận sinh viên trong học tập và rèn luyện còn kém, chưa xác định được động cơ học tập cũng như nhận thức còn hạn chế.

- Cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động của đội tự quản còn thiếu và chưa được trang bị đầy đủ cho các đội phục vụ cho hoạt động của các đội như: đèn pin, gậy, trang phục... ảnh hưởng tới hiệu quả hoạt động của các đội.

- Chế độ đãi ngộ cho sinh viên của các đội còn thấp, còn chưa kích thích được sinh viên tham gia nhiệt tình và gắn trách nhiệm trong hoạt động đội.

- Công tác xử lý vụ việc vi phạm nội quy, quy chế của sinh viên đôi lúc còn chưa kịp thời, thiếu tính khách quan ở một số trường hợp, việc giải quyết kiến nghị của các đội còn chưa triệt để.

- Việc duy trì chế độ họp giao ban của các đội còn chưa thường xuyên, liên tục đôi lúc còn lỏng lẻo.

## **2. Đề xuất, ứng dụng một số biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý giáo dục sinh viên thông qua mô hình tự quản của Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội**

### **2.1. Những nguyên tắc đề xuất biện pháp**

Từ cơ sở lý luận và thực tiễn công tác quản lý giáo dục, cũng như công tác quản lý học tập và rèn luyện của sinh viên tại Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội, để lựa chọn các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý giáo dục sinh viên thông qua mô hình tự quản của Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội cho thấy, khi xây dựng các biện pháp cần căn cứ vào những nguyên tắc sau: Đảm bảo tính mục đích, đảm bảo tính thực tiễn, đảm bảo tính hệ thống, đảm bảo tính khả thi.

### **2.2. Đề xuất một số biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý giáo dục sinh viên thông qua mô hình tự quản**

#### **Biện pháp 1: Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng nhằm nâng cao nhận thức cho sinh viên**

*Mục tiêu biện pháp:* Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho sinh viên, giáo dục tư tưởng, nhân cách, đạo đức lối sống lành mạnh làm phong phú đời sống văn hóa tinh thần, nâng cao hiệu quả học tập và rèn luyện.

*Nội dung biện pháp:*



## THÔNG TIN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Thông qua các hoạt động tuyên truyền phổ biến chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước, các quy định, quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo, nội quy quy định của nhà trường, từ đó tác động vào nhận thức của sinh viên để có thái độ ứng xử và thực hiện nghiêm túc các quy định.

Thông qua các hoạt động chủ điểm chào mừng các ngày lễ của nhà trường, của thủ đô và đất nước nhằm khơi gợi truyền thống và tổ chức hoạt động lành mạnh bổ ích cho sinh viên qua đó tác động tới nhận thức của sinh viên.

### *Cách thức thực hiện biện pháp:*

Phòng chức năng, Ban chủ nhiệm sinh viên cần làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục đạo đức, tác phong sư phạm cho sinh viên thông qua các hoạt động, các buổi nói chuyện chuyên đề về học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, qua các buổi học chính trị đầu năm và thông qua các hoạt động chủ điểm, các ngày lễ lớn như 26/3, 27/3, 20/11...

Sinh viên là cán bộ lớp, cán bộ khóa cần tuyên truyền kịp thời các chủ trương, quy định của nhà trường cho sinh viên khóa mình, lớp mình để sinh viên nắm được và làm theo.

Thành viên các đội tự quản cần có nhận thức đúng đắn thực hiện nhiệm vụ theo chức năng có thái độ giáo dục đối với bạn để cùng nhau phát triển.

### *Điều kiện thực hiện:*

Các đơn vị chức năng đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục cho sinh viên trong các hoạt động.

Các đội tự quản phát huy vai trò chủ động, tích cực tuyên truyền giáo dục thông qua các hoạt động của đội.

### **Biện pháp 2: Đổi mới hoạt động họp giao ban của các đội tự quản**

#### *Mục tiêu biện pháp:*

Nâng cao hiệu quả công tác thông tin giữa các đội và thông tin của Ban chủ nhiệm, phòng chức năng với các đội tự quản. Để phòng chức năng và giáo viên chủ nhiệm nắm bắt thông tin thường xuyên, liên tục đối với các hoạt động của các đội tự quản.

#### *Nội dung biện pháp:*

Phòng chức năng và Ban chủ nhiệm sinh viên thường xuyên duy trì họp giao ban tuần, giao ban tháng để triển khai nhiệm vụ cho các đội, đồng thời trao đổi về các đề xuất, kiến nghị của các đội nâng cao chất lượng công tác giao ban.

#### *Cách thức thực hiện biện pháp:*

Phòng công tác sinh viên, Ban chủ nhiệm sinh viên xây dựng kế hoạch và thường xuyên duy trì họp giao ban để triển khai nhiệm vụ cho các đội, đồng thời nắm bắt thông tin về tình hình chính trị, tư tưởng trong sinh viên và hoạt động của đội. Các đội chủ động báo cáo thông tin cho Ban chủ nhiệm để cùng giao đội và giải quyết.

*Điều kiện thực hiện:* Ban chủ nhiệm sinh viên xây dựng kế hoạch giao ban và triển khai nhiệm vụ cho các đội.

### **Biện pháp 3: Nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, giám sát ý thức chấp hành nội quy, quy định**

#### *Mục tiêu biện pháp:*

Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động kiểm tra, giám sát để đảm bảo tính công khai minh bạch trong giải quyết vụ việc. Xác định rõ vai trò của đội ngũ giáo viên chủ nhiệm và các phòng chức năng trong công tác giáo dục, xử lý vi phạm của sinh viên kịp thời, công bằng đảm bảo tính giáo dục cao.

#### *Nội dung biện pháp:*

Phòng công tác sinh viên, Ban chủ nhiệm sinh viên rà soát công tác xử lý các sự vụ do các đội và sinh viên đề xuất và

## THÔNG TIN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

thực hiện xử lý triệt để các sự vụ do các đội đề xuất để đảm bảo tính công bằng.

Các đội trong quá trình triển khai nhiệm vụ cần nghiêm túc báo cáo các vụ việc và đề nghị Ban chủ nhiệm có phương án xử lý dứt điểm, kịp thời theo yêu cầu của đội

### *Cách thức thực hiện biện pháp:*

Phòng Công tác sinh viên, Ban chủ nhiệm sinh viên cần rà soát bổ sung quy định về xử phạt trong công tác quản lý, giáo dục sinh viên.

Ban chủ nhiệm sinh viên cần giải quyết ngay các đề xuất, kiến nghị của các đội trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Công khai các hình thức kỷ luật để sinh viên và các đội tự quản được biết.

*Điều kiện thực hiện:* Có sự phối hợp chặt chẽ giữa phòng chức năng và Ban chủ nhiệm sinh viên cũng như các đội tự quản.

### **Biện pháp 4: Có chế độ đãi ngộ, khen thưởng kịp thời các đội tự quản**

#### *Mục tiêu biện pháp:*

Động viên, khích lệ tinh thần làm việc, nâng cao tinh thần trách nhiệm của các thành viên trong các đội tự quản của sinh viên. Tạo tấm gương tiêu biểu trong các hoạt động chuyên môn của đội tự quản, cũng như các gương người tốt, việc tốt trong sinh viên, nhằm tạo động cơ phấn đấu noi theo.

#### *Nội dung biện pháp*

Phòng Công tác sinh viên, Ban chủ nhiệm sinh viên theo dõi phát hiện những nhân tố tích cực, những đội có nhiều đóng góp cho công tác quản lý giáo dục sinh viên đề nghị lãnh đạo phòng và Hiệu trưởng biểu dương, khen thưởng. Thông qua hoạt động cũng tạo nguồn, bồi dưỡng quần chúng tích cực cho công tác phát triển đảng viên mới.

Xây dựng chế độ đãi ngộ hợp lý cho đội để các thành viên tham gia đội tự quản có động lực tích cực hoạt động nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý, giáo dục sinh viên.

### *Cách thức thực hiện biện pháp:*

Hàng năm, phòng Công tác sinh viên giao cho các đội tự bình bầu thành viên tích cực trong đội để đề nghị Hiệu trưởng, Đoàn thanh niên các cấp khen thưởng. Bên cạnh đó phòng chức năng cần có theo dõi thành viên tích cực để đề nghị biểu dương, khen thưởng, bình bầu giới thiệu quần chúng tích cực cho Đảng.

Phòng công tác sinh viên có kế hoạch dự trù kinh phí đề nghị hỗ trợ cho đội trong hoạt động như chế độ trực đêm, chế độ cho các ngày nghỉ lễ tết để động viên khích lệ các thành viên trong đội tham gia tích cực.

### *Điều kiện thực hiện:*

Ban Giám hiệu quan tâm và tạo điều kiện đối với hoạt động quản lý giáo dục sinh viên đặc biệt có chính sách hỗ trợ cho các đội tự quản trong hoạt động.

Phòng công tác sinh viên căn cứ nhu cầu thực tế xây dựng dự trù kinh phí trình phòng chức năng và Ban Giám hiệu phê duyệt.

### **Biện pháp 5: Tăng cường cơ sở vật chất nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các đội tự quản**

#### *Mục tiêu biện pháp:*

Trang bị đầy đủ các phương tiện, trang thiết bị dụng cụ phục vụ công tác chuyên môn nhằm nâng cao chất lượng hoạt động chuyên môn của các đội tự quản.

#### *Nội dung biện pháp:*

Hàng năm phòng Công tác sinh viên cần lập kế hoạch bổ sung kinh phí và mua sắm thêm dụng cụ, trang thiết bị cho các đội tự quản khi trang thiết bị, dụng cụ bị hỏng và thiếu trong quá trình sử dụng.

Tăng cường giáo dục ý thức bảo quản, giữ gìn các dụng cụ, trang thiết bị của các đội tự quản, đồng thời xây dựng nội quy sử dụng trang thiết bị.

### *Cách thức thực hiện biện pháp:*

Tổ chức rà soát, đánh giá tình trạng trang thiết bị hiện có của các đội tự quản, từ đó

## THÔNG TIN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

xây dựng kế hoạch mua sắm, bổ sung kinh phí hoạt động cho các đội. Căn cứ quy định của nhà trường về sử dụng kinh phí hỗ trợ đội tự quản để lập kế hoạch xin kinh phí mua sắm trang thiết bị phục vụ cho hoạt động của các đội.

Việc tăng cường trang thiết bị phục vụ hoạt động của các đội tự quản trong nhà trường cần phải đảm bảo đúng các quy định, đúng các nguyên tắc về quản lý tài chính, quản lý tài sản công.

*Điều kiện thực hiện:*

Phòng Công tác sinh viên có kế hoạch xin kinh phí và mua sắm trang thiết bị vào

đầu năm học để trình Ban Giám hiệu và phòng chức năng duyệt.

Các đội tự quản trong quá trình hoạt động cần chủ động rà soát và có kế hoạch đề xuất với phòng chức năng để đề nghị xin kinh phí mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động của các đội tự quản.

Sau khi đề xuất nội dung biện pháp, đề tài tiến hành phỏng vấn 40 cán bộ quản lý, giảng viên về mức độ cần thiết của các biện pháp. Kết quả được trình bày tại bảng 5.

*Bảng 5. Kết quả phỏng vấn lựa chọn biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý giáo dục sinh viên thông qua mô hình tự quản (n = 40)*

TT	Biện pháp	Kết quả phỏng vấn					
		Rất cần thiết		Cần thiết		Không cần thiết	
		n	Tỷ lệ %	n	Tỷ lệ %	n	Tỷ lệ %
1	Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng nhằm nâng cao nhận thức cho sinh viên	32	80.00	5	12.50	3	7.50
2	Tăng cường cơ sở vật chất nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các đội tự quản	30	75.00	5	12.50	5	12.50
3	Có chế độ đãi ngộ, khen thưởng kịp thời các đội tự quản	29	72.50	10	25.00	1	2.50
4	Nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, giám sát ý thức chấp hành nội quy, quy định	30	75.00	10	25.00	0	0.00
5	Đổi mới hoạt động họp giao ban đội tự quản	28	70.00	10	25.00	2	5.00

Từ kết quả tại bảng 5 cho thấy, đa số các giáo viên và cán bộ quản lý đều cho rằng các biện pháp trên đây là cần thiết cho đến rất cần thiết trong việc nâng cao hiệu quả công tác quản lý giáo dục sinh viên Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội thông qua mô hình tự quản sinh viên (với số ý kiến chiếm tỷ lệ từ 70.00% trở lên xếp ở mức độ rất cần thiết).

**2.3. Đánh giá hiệu quả các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý giáo dục sinh**

*viên thông qua mô hình tự quản của Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội*

### **2.3.1. Tổ chức thực nghiệm**

Sau khi lựa chọn và xây dựng được nội dung các biện pháp, đề tài tiến hành ứng dụng trong công tác quản lý, giáo dục sinh viên tại Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội. Thời gian thực nghiệm trong một năm học, từ tháng 01/2017 đến tháng 12/2018. Trong quá trình thực nghiệm, mỗi biện pháp tùy vào mục tiêu và nội

## THÔNG TIN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

dung của biện pháp được áp dụng trong công tác quản lý, giáo dục sinh viên có biện pháp được áp dụng trong suốt quá trình nghiên cứu như các biện pháp sau: “Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng nhằm nâng cao nhận thức cho sinh viên”, “Đổi mới hoạt động họp giao ban đội”..., đồng thời có biện pháp chỉ mang tính kiến nghị đề xuất với nhà trường.

### 2.3.2. Đánh giá hiệu quả ứng dụng các biện pháp

Bảng 6. So sánh số lượng sinh viên kỷ luật trước và sau thực nghiệm

TT	Nội dung	Số lượng		W%
		Trước TN	Sau TN	
1	Khiển trách	199	72	93.72
2	Cảnh cáo	55	21	89.47
3	Đình chỉ	12	7	52.63
4	Buộc thôi học	57	26	74.70

Từ kết quả tại bảng 6 cho thấy, sau thực nghiệm số sinh viên bị kỷ luật ở các hình thức khiển trách, cảnh cáo, đình chỉ và buộc thôi học đã giảm rõ rệt so với trước khi áp dụng các biện pháp (mức tăng trưởng đạt từ 52.632% đến 93.72%). Điều đó chứng tỏ các biện pháp lựa chọn đã đem lại hiệu quả rõ rệt trong công tác

Đề đánh giá hiệu quả ứng dụng các biện pháp đã lựa chọn, đề tài tiến hành đánh giá trên các mặt:

#### a) Ý thức tham gia học tập và rèn luyện của sinh viên

Ý thức tham gia học tập và rèn luyện của sinh viên được đánh giá trên các nội dung số lượng sinh viên bị kỷ luật ở các mức khiển trách, cảnh cáo, đình chỉ, buộc thôi học. Kết quả được trình bày tại bảng 6.

quản lý giáo dục sinh viên thông qua mô hình tự quản của sinh viên (thể hiện qua ý thức và kết quả chấp hành nội quy, quy chế của sinh viên đã tốt lên rõ rệt)

#### b) Kết quả học tập:

Kết quả học tập của sinh viên phản ánh công tác rèn luyện của sinh viên. Kết quả được trình bày tại bảng 7 và 8.

Bảng 7. So sánh kết quả học tập của sinh viên.

Năm	Kết quả xếp loại (%)				So sánh	
	Xuất sắc	Giỏi - khá	Trung bình	Yếu	$\chi^2$	P
2016	14.80	66.43	18.32	0.45	9.827	<0.05
2017	15.35	68.48	15.67	0.50		

Bảng 8. Số lượng sinh viên được các cấp khen thưởng

TT	Nội dung	Số lượng sinh viên		
		Trước TN	Sau TN	W%
1	Nhà trường khen thưởng	79	118	39.60
2	Ban chấp hành Đoàn cấp trên khen thưởng	29	36	21.50

(Nguồn phòng Công tác HSSV và ĐTN)

Từ kết quả tại bảng cho thấy tỷ lệ sinh viên đạt loại giỏi - khá chiếm tỷ lệ cao, tỷ lệ sinh viên xếp loại trung bình giảm đáng kể so với trước thực nghiệm, không có sinh viên có học lực yếu. Điều đó chứng tỏ các biện pháp mà đề tài đề xuất đã có tác dụng góp phần nâng cao ý thức học tập, rèn luyện của sinh viên, nâng cao kết quả học tập cho sinh viên.

**c) Kết quả đánh giá, xếp loại rèn luyện của sinh viên:**

Điểm rèn luyện của sinh viên trong

năm học phản ánh các mặt: ý thức học tập; ý thức và kết quả chấp hành nội quy, quy chế trong nhà trường; ý thức và kết quả tham gia các hoạt động chính trị - xã hội, văn hoá, văn nghệ, thể thao, phòng chống tệ nạn xã hội; phẩm chất công dân và quan hệ với cộng đồng; ý thức, kết quả tham gia các hoạt động của lớp, các đoàn thể, tổ chức khác trong nhà trường hoặc các thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện của sinh viên. Kết quả thực nghiệm được trình bày tại bảng 9.

*Bảng 9. So sánh kết quả rèn luyện của sinh viên*

Năm	Kết quả xếp loại (%)				So sánh	
	Xuất sắc	Tốt	Khá	Trung bình	$\chi^2$	P
2016	41.22	32.56	14.75	11.47	<b>10.647</b>	<0.05
2017	45.57	32.11	15.12	7.20		

Từ kết quả tại bảng 9 cho thấy, kết quả rèn luyện của sinh viên năm 2017 đã có sự khác biệt đáng kể so với năm học 2016 (với  $\chi^2_{\text{tính}} > \chi^2_{\text{bảng}} = 7.815$  ở ngưỡng xác suất  $P < 0.05$ ) chứng tỏ các biện pháp mà đề tài lựa chọn đã mang lại hiệu quả trong việc quản lý giáo dục sinh viên. Hay nói cách khác, các biện pháp mà đề tài lựa chọn đã nâng cao chất lượng công tác quản lý giáo dục sinh viên trong nhà trường, thể hiện qua kết quả rèn luyện của sinh viên năm 2017 cao hơn so với năm 2016.

**IV. KẾT LUẬN**

1. Đánh giá thực trạng mô hình tự quản sinh viên trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội nhiều năm qua đã đem lại hiệu quả nhất định trong công tác quản lý giáo dục sinh viên. Tuy nhiên, trong quá trình tổ chức, triển khai thực hiện, hiệu quả của mô hình này vẫn còn tồn tại một số hạn chế nhất định như nhận thức của cán bộ,

giảng viên, sinh viên, sự quan tâm, phương pháp tổ chức, giải quyết vụ việc của giáo viên chủ nhiệm còn chưa kịp thời..., vì vậy số lượt sinh viên vi phạm nội quy, quy định của nhà trường còn khá cao; có tới 14.75% đến 24.43% số sinh viên còn xếp loại điểm rèn luyện ở mức trung bình.

2. Kết quả nghiên cứu của đề tài đã lựa chọn và xây dựng được 05 biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý giáo dục sinh viên thông qua mô hình tự quản của sinh viên gồm:

- 1) Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng nhằm nâng cao nhận thức cho sinh viên
- 2) Đổi mới hoạt động họp giao ban đội tự quản
- 3) Nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, giám sát ý thức chấp hành nội quy, quy định
- 4) Có chế độ đãi ngộ, khen thưởng kịp thời các đội tự quản

## THÔNG TIN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

---

5) Tăng cường cơ sở vật chất nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các đội tự quản.

Các biện pháp lựa chọn đã được sự thừa nhận của các chuyên gia. Đồng thời qua kiểm nghiệm thực tiễn đã khẳng định

được tính ưu việt trong việc nâng cao hiệu quả quản lý giáo dục sinh viên thông qua mô hình tự quản của trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội, thể hiện qua những mặt kết quả học tập, rèn luyện và ý thức chấp hành nội quy, quy chế của sinh viên.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2011), Thông tư số 27/2011/TT-BGDĐT, ngày 27/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế công tác học sinh, sinh viên nội trú trong các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), Quy chế học sinh, sinh viên trong các trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy, Vụ Công tác HSSV Hà Nội.
4. Đảng cộng sản Việt Nam (2012), Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI, Nxb Chính trị Quốc gia Hà Nội
5. Đăng Quốc Bảo (1997), Những vấn đề cơ bản về quản lý giáo dục, Trường cán bộ quản lý và giáo dục.
6. Nguyễn Đồng Linh (2005), Thiết chế và mô hình hoạt động thanh niên, bài tham luận TW Đoàn.

# BIÊN SOẠN TỔ HỢP CÁC ĐỘNG TÁC DỰA TRÊN 7 BƯỚC CƠ BẢN THỂ DỤC AEROBIC NÂNG CAO KHẢ NĂNG PHỐI HỢP VẬN ĐỘNG CHO NỮ SINH VIÊN CHUYÊN SÂU NĂM THỨ NHẤT TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TDTT HÀ NỘI

ThS. Phạm Mai Vương - Trưởng Bộ môn Thể dục  
ThS. Nguyễn Thị Mai Thoan và ThS. Ngô Thị Thu  
Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội

**Tóm tắt:** Biên soạn tổ hợp các động tác thể dục Aerobic phù hợp sẽ nâng cao khả năng phối hợp vận động cho nữ sinh viên chuyên sâu năm thứ nhất Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội.

**Từ khóa:** Biên soạn, Thể dục Aerobic, khả năng phối hợp vận động, nữ sinh viên chuyên sâu Thể dục năm thứ nhất.

**Abstract:** Compilation of appropriate aerobic gymnastic exercises will enhance coordination skills for female students in the first year of Hanoi University of Physical Education and Sports.

**Keywords:** Compilation, Aerobic Exercise, Mobility coordination, female student fitness first year.

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong quá trình học tập và hoạt động TDTT (TDTT), cùng với sự củng cố và phát triển các tố chất thể lực (TCTL), những phẩm chất ý trí, lòng dũng cảm, tính kiên trì tự tin quyết đoán ... cũng được hình thành và hoàn thiện.

Theo Tiến sĩ D. Harre cho rằng: Trong các tố chất thể lực cần thiết nói chung thì năng lực phối hợp vận động cần phải được xếp lên hàng đầu. Tác giả cho rằng, năng lực phối hợp vận động bao gồm, khả năng liên kết, khả năng định hướng, khả năng phân biệt, khả năng thăng bằng, khả năng phản ứng, khả năng thay đổi hoạt động và khả năng nhịp điệu. Năng lực phối hợp vận động là năng lực rất cần thiết cho việc học kỹ thuật động tác. Nó không những biểu hiện trong việc làm cho sự phối hợp động tác của các bộ phận cơ thể được thích hợp mà còn thể hiện ở năng lực cải tạo, hoàn thiện động tác đã nắm vững. Chính vì vậy năng lực vận động này cần phải được phát triển thường xuyên và liên tục.

Để huấn luyện các khả năng phối hợp có nhiều hình thức khác nhau, trong đó phương pháp chính là tập luyện, phương tiện chính là các bài tập thể chất. Gần đây, việc đưa các dạng bài tập Aerobic vào giảng dạy trong các

trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp là một xu thế mới nhằm nâng cao sức khoẻ và phát triển thể chất toàn diện cho sinh viên. Tuy nhiên, việc sử dụng bài tập Aerobic như một phương tiện chuyên môn nhằm phát triển năng lực phối hợp vận động cho nữ sinh viên trong trường và ở các tỉnh vẫn còn hết sức mới mẻ và cần được nghiên cứu sao cho phù hợp với từng lứa tuổi và đòi hỏi cụ thể.

## 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- Phương pháp đọc phân tích và tổng hợp tài liệu.

- Phương pháp phỏng vấn toạ đàm.

- Phương pháp quan sát sư phạm.

- Phương pháp kiểm tra sư phạm.

- Phương pháp thực nghiệm sư phạm.

- Phương pháp toán học thống kê.

## 3. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

Biên soạn tổ hợp các động tác dựa trên 7 bước cơ bản thể dục Aerobic nhằm nâng cao khả năng phối hợp vận động cho nữ sinh viên chuyên sâu năm thứ nhất Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội, từ đó giúp giảng viên xác định một cách chính xác hiệu quả của các tổ hợp động tác thể dục Aerobic đã được biên soạn đến việc phát triển khả năng phối hợp vận động cho nữ sinh viên chuyên sâu năm thứ

nhất Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội. Từ đó, sinh viên có tư liệu trong tập luyện nội khóa, ngoại khóa tạo tiền đề tốt cho sự phát triển khả năng phối hợp vận động ở giai đoạn đầu khi vào học chuyên sâu, từ đó góp phần nâng cao thành tích thể thao của sinh viên cũng như thành tích các môn thể thao khác khi học ở trường.

Thông qua tổng hợp các tài liệu có liên quan đến việc nâng cao khả năng phối hợp vận động, đồng thời tham khảo nội dung kiểm tra khả năng phối hợp vận động. Trong quá trình nghiên cứu đề tài đã thu thập được 7 test đánh giá khả năng phối hợp vận động. Từ 7 test đánh giá đã được lựa chọn sơ bộ ở trên đề tài đã tiến hành phỏng vấn các nhà khoa học, các giảng viên, huấn luyện viên có kinh nghiệm giảng dạy ở bộ môn Thể dục Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội, Trường Đại học TĐTT Bắc Ninh. Đề tài lựa chọn được 4 Test có tỷ lệ % ý kiến lựa chọn cao và đạt độ tin cậy đó là các Test:

1. Test phối hợp vận động 8 cử động (điểm)
2. Test phối hợp dùng sức (Bật xa tại chỗ) (m)
3. Test phân biệt dùng sức (kg)
4. Test thăng bằng.(s)

Quá trình thu thập các tài liệu tham khảo, quan sát sư phạm và tọa đàm với giáo viên và chuyên gia thể dục đề tài đã biên soạn được kết cấu các tổ hợp và cách thức tiến hành các tổ hợp nhằm nâng cao khả năng phối hợp vận động cho nữ sinh viên chuyên sâu TD năm I Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội gồm các tổ hợp và cách thức sau:

1. Tổ hợp các động tác điều hành, chạy bộ khởi động
2. Tổ hợp các động tác hoạt động có phạm vi hẹp

3. Tổ hợp các bước cơ bản số 1-7 thực hiện 4 lần x 8 nhịp một bước với vũ đạo, tay, thân, mình.

4. Tổ hợp các bước cơ bản số 1-7 thực hiện 2 lần x 8 nhịp một bước cơ bản với vũ đạo, tay, thân, mình.

5. Tổ hợp các bước cơ bản số 1-7 thực hiện 1 lần x 8 nhịp một bước cơ bản với vũ đạo, tay, thân, mình.

6. Tổ hợp các động tác phối hợp 2 bước cơ bản (1 lần x 8 nhịp) chân kết hợp với tay, thân mình.

7. Liên hoàn các tổ hợp động tác được biên soạn

8. Tổ hợp các động tác 1-3 thả lỏng hồi tĩnh

Cách thức: - Phối hợp đồng bộ các cử động của tay, chân, thân mình

- Đa dạng về không gian, mặt phẳng thực hiện động tác

- Có sự biến đổi về nhịp điệu, tốc độ thực hiện bài tập

- Nên tổ chức tập luyện Aerobic vào giờ ngoại khóa tự chọn.

- Thời gian tối đa của một tổ hợp động tác từ 2 - 3 phút.

- Số buổi tập trong một tuần là: 2 buổi/tuần

- Một số bài hát được sử dụng làm nhạc nền khi tập là. Tuổi hồng, vui đến trường, mùa hè xanh...

- Thời gian toàn buổi tập từ 45 - 50 phút.

Kết quả việc áp dụng các tổ hợp động tác được đề tài biên soạn dựa trên 7 bước cơ bản thể dục Aerobic nhằm nâng cao khả năng phối hợp vận động cho nữ sinh viên chuyên sâu năm thứ nhất Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội thu được kết quả trình bày tại bảng 1.2:



## THÔNG TIN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

*Bảng 1. So sánh kết quả kiểm tra 4 test đánh giá khả năng phối hợp vận động của 2 nhóm thực nghiệm và nhóm đối chiếu (trước thực nghiệm)*

TT	Các test	Nhóm thực nghiệm (n=13)	Nhóm đối chiếu (n=13)	So sánh	
				t	P
1	Phân biệt dùng sức (lực kế bóp tay) (kg)	3.1 ± 0.76	3.0 ± 0.53	1.05	>0.05
2	Phối hợp dùng sức (m)	2.04 ± 0.3	2.03 ± 0.4	1.25	>0.05
3	Thăng bằng (Rômbergơ) (s)	40 ± 9	41 ± 11.3	1.20	>0.05
4	Phối hợp vận động 8 động tác (điểm)	6.3 ± 1.1	6.2 ± 1.45	1.33	>0.05

*Bảng 2: So sánh kết quả kiểm tra khả năng phối hợp vận động của 2 nhóm thực nghiệm và đối chiếu sau thực nghiệm ( $n_m = n_{dc} = 13$ )*

TT	Nội dung kiểm tra (Test)	Nhóm TN (n = 13)	Nhóm ĐC (n = 13)	So sánh	
				T	P
1	Phân biệt dùng sức (lực kế bóp tay) (kg)	1.1 ± 0.76	2.0 ± 0.33	3.05	<0.01
2	Phối hợp dùng sức (m)	2.20 ± 0.3	2.08 ± 0.3	3.25	<0.01
3	Thăng bằng (Rômbergơ) (s)	60 ± 8	50 ± 12.3	3.20	<0.01
4	Phối hợp vận động 8 động tác (điểm)	8.5 ± 1.10	6.5 ± 1.25	3.33	<0.01

Từ kết quả bảng 1.2 có thể thấy: Cả 4 nội dung của nhóm thực nghiệm hơn hẳn nhóm đối chứng và đạt sự khác biệt với độ tin cậy ở ngưỡng xác suất  $p < 0,01$ . Điều này, chứng tỏ bài tập Aerobic gồm 8 tổ hợp động tác do đề tài biên soạn đã có tác dụng phát triển khả năng phối hợp vận động hơn hẳn so với các bài tập phát triển khả năng phối hợp vận động thông thường khác đang áp dụng như bài tập phát triển chung.

#### 4. KẾT LUẬN

Từ những kết quả nghiên cứu trên của đề tài, cho phép rút ra một số kết luận sau: Dựa trên

cơ sở khoa học, các nguyên tắc biên soạn và phỏng vấn các giáo viên và chuyên gia thể dục đề tài đã biên soạn được một bài tập Aerobic gồm 8 tổ hợp động tác phù hợp với mục đích phát triển khả năng phối hợp vận động cho nữ sinh viên chuyên sâu thể dục năm thứ nhất (K50) Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội. Thực nghiệm sư phạm đã chứng minh, bài tập Aerobic do đề tài biên soạn hoàn toàn có khả năng nâng cao khả năng phối hợp vận động cho nữ sinh viên chuyên sâu thể dục năm thứ nhất (K50) Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội. Sự khác biệt hai số trung bình có ý nghĩa ở ngưỡng xác suất  $P < 0,01$ .

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. John Atkinson (2001), tiêu chuẩn chấm điểm Sport Aerobic.
2. D.hare (1996), học thuyết huấn luyện, NXBTDTT, Hà Nội dịch Trương Anh Tuấn, Bùi Thế Hiến.
3. Nguyễn Thu Hạnh (1995), luận văn tốt nghiệp trường đại học TDTT Bắc Ninh, "Nghiên cứu một số biện pháp phát triển khả năng phối hợp vận động của nữ VĐV thể dục dụng cụ trẻ từ 6 - 8 tuổi"
4. Trịnh Trung Hiếu (1999) phương pháp giảng dạy TDTT trong trường THPT, NXBTDTT.
5. Nguyễn Kim Xuân, Nguyễn Thanh Mai (2003), bài giảng thể dục nhịp điệu Aerobic.

## ĐỀ XUẤT HƯỚNG QUY HOẠCH TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TĐTT HÀ NỘI LÀ TRƯỜNG TRỌNG ĐIỂM NHẪM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN GIÁO DỤC THỂ CHẤT

TS. Hương Xuân Nguyễn -P.Bí thư ĐU, Trưởng phòng TCCB  
Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội

**Tóm tắt:** Một trong những nội dung trọng tâm được Bộ Giáo dục và Đào tạo xác định từ năm học 2016-2017 là quy hoạch lại mạng lưới các trường sư phạm. Đây không chỉ là sự định hướng mang tính chiến lược cho nền giáo dục nước nhà phấn đấu hoàn thành sứ mạng của mình, mà còn khẳng định con đường để nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo. Đối với hệ thống các trường sư phạm (TĐTT), việc quy hoạch ngày càng cho thấy tính cấp thiết.

**Từ khóa:** Hệ thống sư phạm TĐTT; giáo dục quốc dân; đào tạo; chất lượng

**Abstract:** One of the key contents identified by the Ministry of Education and Training from 2016-2017 is the redevelopment of the normal university network. This is not only a strategic orientation for the education of the country to strive to accomplish its mission, but also affirms the way to improve the quality of education and training. With regard to the system University of Physical Education and Sports, the planning has increasingly shown the urgency.

**Keywords:** the system University of Physical Education and Sports, national education, training, quality

### 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hệ thống sư phạm TĐTT là một bộ phận trong hệ thống giáo dục quốc dân thống nhất có vai trò quan trọng trong việc thực hiện chức năng và nhiệm vụ đào tạo ra những giảng viên, giáo viên dạy môn giáo dục thể chất (GDTC) cho các cấp bậc học trong hệ thống giáo dục của Việt Nam. Nói đó là một hệ thống giáo dục về sư phạm TĐTT vì có đối tượng đào tạo rõ ràng, có loại hình đào tạo với nhiệm vụ cụ thể, trong đó có những thành tố liên kết với nhau theo chiều dọc và chiều ngang trên cơ sở phân cấp trình độ đào tạo liên thông với nhau và vận hành theo cơ chế quản lý thống nhất với mối liên hệ chặt chẽ với hệ thống giáo dục phổ thông, hệ thống giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học trong cả hệ thống giáo dục quốc dân thống nhất.

Hệ thống sư phạm TĐTT mới được hình thành chính thức từ năm 1961, trường đầu tiên có tên gọi là trường Trung cấp TĐTT (nay là Trường Đại học sư phạm TĐTT Hà Nội), sau đó là Trường Đại học Sư phạm TĐTT Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là 2 trường thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo được giao đào tạo giáo

viên giáo dục thể chất có quy mô lớn nhất về lĩnh vực này, tuy nhiên so với các ngành khác còn khiêm tốn. Thực tế nhiều năm gần đây, cùng với xu thế phát triển chung của các trường đại học, nhiều trường đã được đào tạo về sư phạm TĐTT. Theo thống kê hiện cả nước có trên 20 cơ sở đào tạo giáo viên Giáo dục thể chất, ngoài ra còn có một số lớp đào tạo sư phạm TĐTT, được mở ở các tỉnh, thành phố để đáp ứng nhu cầu nguồn giáo viên GDTC. Có thể nói bên cạnh những mặt tích cực, thực tế cũng cho thấy, hệ thống cơ sở đào tạo giáo viên TĐTT đang bộc lộ những hạn chế cơ bản, như việc phát triển mạng lưới cơ sở đào tạo giáo viên giáo dục thể chất chưa thực sự xuất phát từ nhu cầu phát triển giáo viên còn thiếu.

Mạng lưới cơ sở đào tạo giáo viên giáo dục thể chất phát triển trong tình trạng thiếu ổn định do nhiều trường yếu và thiếu cả về cơ sở vật chất và đội ngũ giảng viên trong quá trình đào tạo, hoặc đổi tên để mở rộng tuyển sinh đào tạo trình độ đại học các ngành sư phạm và ngoài sư phạm. Chất lượng đào tạo giáo viên không đồng đều giữa các cơ sở, xuất phát từ thực tế, bài viết phân tích một số yếu tố về việc cấp

## DIỄN ĐÀN - TRAO ĐỔI

thiết quy hoạch hệ thống giáo viên TĐTT để nâng cao chất lượng đào tạo.

### 2. BỐI CẢNH MỚI VÀ YÊU CẦU QUY HOẠCH HỆ THỐNG SPTĐTT

#### 2.1. Phát triển kinh tế - xã hội và nguồn nhân lực đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

Đề án phát triển Giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1076/QĐ-TTg, ngày 17/6/2016 và Quyết định số 2160/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Quy hoạch phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030” đã đặt ra mục tiêu tổng quát là: Nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục thể chất và thể thao trường học nhằm tăng cường sức khỏe, phát triển thể lực toàn diện, trang bị kiến thức, kỹ năng vận động cơ bản và hình thành thói quen tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên cho trẻ em, học sinh, sinh viên; gắn giáo dục thể chất, thể thao trường học với giáo dục ý chí, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống; đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí, lành mạnh cho trẻ em, học sinh, sinh viên, đồng thời góp phần phát hiện, đào tạo năng khiếu và tài năng thể thao cho đất nước. Đồng thời xác định mục tiêu cụ thể cho giáo dục thể chất giai đoạn 2016 - 2020 đó là:

+ Phần đầu 100% trường mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học thực hiện đầy đủ nội dung, chương trình môn học giáo dục thể chất trong chương trình giáo dục của từng cấp học;

+ Phần đầu 100% cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học thực hiện đổi mới phương pháp dạy và học, đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả môn học giáo dục thể chất.

- Về hoạt động thể thao trường học:

+ Phần đầu 100% cơ sở giáo dục phổ thông duy trì thường xuyên tập thể dục buổi sáng, tập

thể dục giữa giờ, trong đó có ít nhất 50% cơ sở tổ chức dạy bơi cho học sinh; 50% trường mầm non, 70% cơ sở giáo dục phổ thông, 80% cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục đại học tổ chức dạy hoặc phổ biến các môn võ thuật cổ truyền Việt Nam;

+ Có ít nhất 85% số học sinh, sinh viên thường xuyên tham gia hoạt động thể thao ngoại khóa, trong đó 80% đạt tiêu chuẩn đánh giá, xếp loại thể lực theo độ tuổi;

+ Phần đầu 100% cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học có câu lạc bộ các môn thể thao dành cho học sinh, sinh viên và được duy trì hoạt động thường xuyên.

- Về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ phục vụ giáo dục thể chất và thể thao trường học:

+ Có ít nhất 80% trường mầm non có sân chơi, phòng học giáo dục thể chất được trang bị đủ thiết bị, đồ chơi vận động tối thiểu cho trẻ em theo quy định;

+ Có ít nhất 85% trường tiểu học, trường trung học cơ sở và 95% trường trung học phổ thông có sân tập; có ít nhất 60% trường tiểu học, 70% trường trung học cơ sở, 80% trường trung học phổ thông có nhà tập (nhà đa năng) được trang bị đạt tiêu chuẩn quy định;

+ Có ít nhất 90% cơ sở giáo dục nghề nghiệp, 95% cơ sở giáo dục đại học có sân tập; có ít nhất 85% trường trung cấp, 90% trường cao đẳng, 95% cơ sở giáo dục đại học có nhà tập (nhà đa năng) được trang bị đạt tiêu chuẩn quy định;

+ Phần đầu 100% cơ sở giáo dục đại học đào tạo giáo viên thể dục, thể thao bảo đảm cơ sở vật chất (nhà tập, sân tập), trang thiết bị đạt tiêu chuẩn quy định;

+ Phần đầu 100% công trình thể thao trên địa bàn được ngành giáo dục và ngành TĐTT phối hợp khai thác, sử dụng hiệu quả.

- Về giáo viên, giảng viên thể dục, thể thao theo từng cấp học và trình độ đào tạo:

## DIỄN ĐÀN - TRAO ĐỔI

+ Phần đầu 100% trường (lớp) mầm non có đủ giáo viên theo quy định và được bồi dưỡng, nâng cao kiến thức, kỹ năng về giáo dục phát triển thể chất cho trẻ em;

+ Có ít nhất 95% trường tiểu học có đủ giáo viên bảo đảm tiêu chuẩn, trình độ đào tạo theo quy định, được bồi dưỡng, nâng cao kiến thức, kỹ năng về giáo dục thể chất và tổ chức hoạt động thể thao ngoại khóa;

+ Phần đầu 100% trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có đủ giáo viên thể dục, thể thao, trong đó có ít nhất 95% số giáo viên đạt tiêu chuẩn và trình độ đào tạo theo quy định, được bồi dưỡng, nâng cao kiến thức, kỹ năng về giáo dục thể chất và tổ chức hoạt động thể thao ngoại khóa;

+ Có ít nhất 90% cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học có đủ giáo viên, giảng viên thể dục, thể thao và bảo đảm tiêu chuẩn, trình độ đào tạo theo quy định.

Đồng thời định hướng đến năm 2025 đó là:

- Về giáo dục thể chất:

Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục thể chất trong các nhà trường, bảo đảm 100% trường mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học thực hiện đầy đủ, có hiệu quả nội dung, chương trình môn học giáo dục thể chất.

- Về hoạt động thể thao trường học:

+ Bảo đảm 100% học sinh, sinh viên thường xuyên tham gia tập luyện thể dục, thể thao và đạt tiêu chuẩn đánh giá, xếp loại thể lực theo độ tuổi;

+ Tiếp tục đa dạng hóa các hình thức tổ chức hoạt động thể thao trường học, phát triển câu lạc bộ các môn thể thao; tăng nhanh tỷ lệ cơ sở giáo dục phổ thông tổ chức dạy bơi, trường mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học tổ chức dạy võ thuật cổ truyền Việt Nam cho học sinh, sinh viên so với năm 2020.

+ Tiếp tục hoàn thiện hệ thống thi đấu thể thao, trong đó chú trọng ở cấp cơ sở, thu hút đông đảo học sinh, sinh viên tham gia.

- Về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ phục vụ giáo dục thể chất và thể thao trường học:

+ Tiếp tục tăng cường và chuẩn hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ phục vụ giáo dục thể chất và thể thao trường học;

+ Tăng cường phối hợp để khai thác, sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ tập luyện thể dục, thể thao do ngành thể dục, thể thao và ngành giáo dục quản lý.

- Về giáo viên, giảng viên thể dục, thể thao:

Phát triển đội ngũ giáo viên, giảng viên thể dục, thể thao đạt tiêu chuẩn và trình độ đào tạo để bảo đảm 100% các cơ sở giáo dục phổ thông có đủ giáo viên, giảng viên thể dục, thể thao theo quy định.

Đây là những định hướng chiến lược đặt nền tảng cho sự phát triển của lĩnh vực phát triển giáo dục thể chất, đặc biệt trong lĩnh vực đào tạo đội ngũ giáo viên giáo dục thể chất. Mũi nhọn cho sự phát triển bền vững TDTT quốc gia chính là phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao hợp lý về cơ cấu trình độ, cơ cấu ngành nghề, cơ cấu vùng miền và cơ cấu xã hội về đội ngũ giảng viên, giáo viên, huấn luyện viên TDTT. Nhất là trong điều kiện phát triển của khoa học và công nghệ mới, trong xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, việc phát triển nguồn nhân lực được coi là chính sách chiến lược hàng đầu của Quốc gia. Nguồn nhân lực mới cần được đào tạo đáp ứng những yêu cầu mới của thực tiễn cả về trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn, năng lực thực hành, tư duy sáng tạo và năng lực di chuyển thích nghi nhanh với công nghệ mới, ngành nghề mới, đặc biệt coi trọng cả năng lực quản lý và marketing. Chương trình đào tạo trong lĩnh vực giáo dục thể chất trong thời gian tới sẽ có sự thay đổi cơ bản để tiếp cận, tiếp thu và chọn lọc với các chương trình đào tạo tiên tiến trong khu

## DIỄN ĐÀN - TRAO ĐỔI

vực và trên thế giới. Đặc biệt là chương trình sách giáo khoa phổ thông tới đây, trong đó có xây dựng chương trình môn giáo dục thể chất và thể thao trường học cho toàn quốc.

### **2.2. Tăng cường đội ngũ giáo viên Giáo dục thể chất cho quá trình đổi mới giáo dục**

Một trong bảy giải pháp thực hiện chiến lược giáo dục thể chất giai đoạn được xác định đó là: Đổi mới mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy và học, kiểm tra và đánh giá chất lượng giáo dục thể chất. Lòng ghép việc thực hiện Đề án này với quá trình triển khai Đề án đổi mới chương trình và sách giáo khoa giáo dục phổ thông, trong đó chú trọng những nội dung sau:

a) Về mục tiêu, nội dung giáo dục phát triển thể chất và chương trình môn học giáo dục thể chất:

- Thực hiện và đổi mới mục tiêu, chương trình giáo dục phát triển thể chất, bảo đảm cân đối, thống nhất, linh hoạt, có tính kế thừa và phát triển giữa các cấp học; cung cấp đầy đủ kiến thức, kỹ năng cho người học; hình thành và duy trì thói quen tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên, gắn với giáo dục đạo đức, xây dựng lối sống lành mạnh, rèn luyện ý chí, phẩm chất phù hợp với đặc điểm thể chất, tâm sinh lý, lứa tuổi và điều kiện cụ thể của người học.

- Hoàn thiện chương trình môn học giáo dục thể chất trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học, bảo đảm hài hòa giữa kiến thức cơ bản và nội dung tự chọn, khuyến khích các môn thể thao truyền thống như võ cổ truyền, trò chơi dân gian, đáp ứng nhu cầu đa dạng và tạo động lực cho học sinh, sinh viên tự rèn luyện thân thể.

b) Về phương pháp dạy và học, hình thức tổ chức hoạt động giáo dục thể chất:

- Tổ chức giáo dục phát triển thể chất cho trẻ em dưới nhiều hình thức đa dạng, tích hợp nhiều hoạt động, nhằm tạo cho trẻ em sự hứng thú tham gia.

- Tổ chức nhiều hoạt động vận động, tập luyện và thi đấu thể dục, thể thao phù hợp trên

cơ sở sự hứng thú, phát huy tính tự giác, khả năng tự học, tự rèn luyện của học sinh, sinh viên.

- Đưa việc tổ chức tập thể dục buổi sáng và thể dục giữa giờ thành hoạt động bắt buộc trong nội dung giáo dục thể chất, hoạt động thể thao trong các cơ sở giáo dục phổ thông.

c) Về công tác kiểm tra, đánh giá nội dung giáo dục phát triển thể chất, chương trình môn học giáo dục thể chất:

Thực hiện kiểm tra, đánh giá toàn diện công tác giáo dục thể chất đối với từng cấp học và trình độ đào tạo, trong đó chú trọng đánh giá về kỹ năng, năng lực vận động, thái độ, thói quen tập luyện thể dục, thể thao ở trong và ngoài nhà trường của học sinh, sinh viên.

Như vậy, từ thực tế đó đòi hỏi vấn đề phát triển đội ngũ giáo viên giáo dục thể chất cho theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa. Trong bối cảnh mới của đất nước, việc đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ giáo viên phải xuất phát từ yêu cầu thực tiễn cũng như theo dự báo phát triển kinh tế và khoa học công nghệ. Do đó hệ thống đào tạo về sư phạm TDTT cần được đầu tư kịp thời, thích đáng về cơ sở vật chất, trang thiết bị dùng cho đào tạo nghề nghiệp cũng như kinh phí cho đào tạo.

### **2.3. Yêu cầu cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho phong trào TDTT**

TDTT Việt Nam đang phát triển đa dạng và phong phú, bám sát yêu cầu, nhu cầu xã hội. Mặt khác, lĩnh vực TDTT còn cần phải đáp ứng đòi hỏi của thời kỳ đổi mới hội nhập về các loại lao động sư phạm được đào tạo. Những đòi hỏi trên cho thấy hệ thống các trường sư phạm TDTT đóng góp không nhỏ các sản phẩm đào tạo của mình (đội ngũ giảng viên, giáo viên TDTT trong hệ thống giáo dục quốc dân). Vì vậy cần nghiên cứu tổng thể trong việc quy hoạch đào tạo trong hệ thống đơn vị đào tạo sư phạm TDTT là nhiệm vụ cấp bách trong thời gian tới.

### **2.4. Mục tiêu quy hoạch hệ thống sư phạm TDTT trong thời gian tới**

Quy hoạch để phát triển hệ thống sư phạm TDTT trong điều kiện mới của nền giáo dục mở theo định hướng thị trường lao động, đặt ra những mục tiêu rộng hơn so với trước đây. Đó là mục tiêu góp phần đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu sự nghiệp đổi mới giáo dục. Đồng thời cung cấp cho ngành TDTT những VĐV, nhân tài thể thao giỏi.

Với những mục tiêu trên cần thiết việc quy hoạch hệ thống sư phạm TDTT trung tâm đảm bảo về cơ cấu ngành nghề. Hiện các trường tham gia đào tạo sư phạm TDTT phát triển khá ồ ạt. Nhiều cơ sở đào tạo không đáp ứng những tiêu chí cơ bản của ngành nghề đặc thù, dẫn tới chất lượng hiệu quả đào tạo không cao, bên cạnh đó còn làm ảnh hưởng chung tới sự nhìn nhận của xã hội đối với ngành nghề sư phạm TDTT. Vì vậy, việc hướng tới xây dựng đội ngũ giảng viên, giáo viên dạy sư phạm TDTT trong hệ thống giáo dục quốc dân đều được đào tạo cả về năng lực chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm theo tiêu chuẩn nghề nghiệp quy định là vô cùng cần thiết.

### **3. ĐỀ XUẤT QUY HOẠCH TRƯỜNG TRỌNG ĐIỂM ĐỂ PHÁT TRIỂN SƯ PHẠM TDTT**

Trong thời gian tới, việc tập trung hình thành hệ thống đào tạo về sư phạm TDTT trung tâm là đòi hỏi cấp thiết trong quá trình đổi mới nền giáo dục Việt Nam. Định hướng cho sự phát triển hệ thống đào tạo sư phạm TDTT thời gian tới theo chúng tôi đó là:

- Đa dạng hóa loại hình đào tạo sư phạm TDTT cả chính quy và không chính quy nhằm phát triển quy mô và chất lượng giảng viên, giáo viên TDTT trong hệ thống SPTDTT.

- Phân cấp, xây dựng các cơ sở đào tạo về sư phạm TDTT theo hướng ưu tiên, chuẩn hóa, đồng bộ, hiện đại hóa có thể hội nhập với khu vực và thế giới.

- Mở rộng liên kết đào tạo sư phạm TDTT theo hướng cập nhật yêu cầu của nhu cầu thị trường trong nước và với nước ngoài.

- Đổi mới mục tiêu và thống nhất chương trình đào tạo sư phạm TDTT trong hệ thống giáo dục quốc dân.

- Quy hoạch lại các cơ sở đào tạo về 2 đầu mối chính để làm “máy cái”- trường trọng tâm, trọng điểm (hay nói cách khác là trường chính) đào tạo giáo viên Giáo dục thể chất đó là: Khu vực miền Trung, miền Bắc do Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội đảm nhiệm; khu vực miền Nam do Trường Đại học Sư phạm TDTT Thành phố Hồ Chí Minh đảm nhiệm. Bởi đây là 2 trường được thành lập sớm nhất và có chức năng chính về đào tạo giáo viên giáo dục thể chất, đến nay đang kiên trì mục tiêu duy nhất đào tạo đơn ngành về lĩnh vực này nên ngoài những điều kiện về cơ sở vật chất, đội ngũ... hai trường còn có mô hình, chương trình đào tạo được xã hội đánh giá cao, hiện được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao chủ trì xây dựng chương trình đào tạo môn giáo dục thể chất trong toàn quốc. Có thể nói đây là điều kiện quan trọng, cơ bản, là nơi được xem là “máy cái” trong các trường sư phạm TDTT của cả nước.

### **4. MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐỂ TRƯỜNG ĐHSPTDTT HÀ NỘI LÀ TRƯỜNG TRỌNG ĐIỂM TRONG THỜI GIAN TỚI**

#### **4.1. Đổi mới tư duy và xây dựng chiến lược đào tạo sư phạm TDTT trong điều kiện mới.**

Hệ thống đào tạo sư phạm TDTT cần tiếp tục được phát triển theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa và xã hội hóa, hội nhập quốc tế một cách đồng bộ và có ưu tiên. Do đó tư duy làm giáo dục của các đơn vị trong Nhà trường phải đổi mới theo hướng phục vụ thị trường lao động kịp thời và có thể đón trước sự phát triển của thị trường để mở rộng quy mô và chất lượng đào tạo. Xây dựng kế hoạch chiến lược, kinh phí trong hoạt động khoa học, công nghệ đảm bảo nghiên cứu cơ bản, ứng dụng và triển khai trong từng cơ sở đào tạo sư phạm TDTT.

## DIỄN ĐÀN - TRAO ĐỔI

Nhất thiết phải điều chỉnh và hoàn thiện hệ thống các đơn vị trong nhà trường để đảm bảo sự gắn bó liên thông, liên kết thống nhất trong hệ thống theo quy định Điều lệ trường đại học cũng như đảm bảo đầu ra có việc làm cho người học.

### **4.2. Hoàn chỉnh và bổ sung chính sách và đầu tư cơ sở vật chất trang thiết bị theo hướng đồng bộ, hiện đại**

Trong cơ chế vận hành mới theo định hướng thị trường đòi hỏi tính tự chủ cao linh hoạt mở rộng giao lưu liên kết. Do đó bên cạnh việc tích cực xây dựng các đề án, dự án để nhà nước đầu tư thì chính các đơn vị chức năng trong Nhà trường cần tham mưu cho Đảng ủy - BGH điều chỉnh cho phù hợp và tạo thông thoáng cho quá trình thực hiện như: Chính sách học phí đối với trường đặc thù, chính sách đầu tư cơ sở vật chất dạy học,... Đồng thời chú trọng xây dựng cơ chế vận hành và quản lý theo chuẩn thống nhất từ BGH đến các đơn vị phòng, khoa, trung tâm, bộ môn dần dần đi đến tự chủ; đẩy mạnh việc huy động các nguồn lực vào xã hội hóa. Đây là một nhiệm vụ rất quan trọng, nhất là trong điều kiện nguồn kinh phí, tài chính đối với Nhà trường trong giai đoạn trước mắt, cũng như lâu dài.

### **4.3. Tăng cường năng lực nghiên cứu khoa học.**

Năng lực nghiên cứu khoa học của phụ thuộc vào nhiều yếu tố như đảm bảo tối thiểu về cơ sở vật chất, trang thiết bị máy móc... phục vụ công tác thực tập, thực hành, nghiên cứu; kinh phí dành cho nghiên cứu; mối quan hệ và hợp tác giữa Nhà trường và bên ngoài, nhất là với các viện, trung tâm nghiên cứu kỹ thuật và sư phạm; tổ chức bộ máy và cán bộ quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học..., trong đó năng lực nghiên cứu của đội ngũ các nhà khoa học, các giảng viên giữ vai trò quyết định. Vì lẽ đó, muốn đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học trong Nhà trường phải có cơ chế đặc thù, huy động được nhiệt tình trách nhiệm và lòng say mê vì sự nghiệp giáo dục thể chất và thể thao trường học của toàn thể đội

ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên. Đồng thời có kế hoạch dài hạn và ngắn hạn bồi dưỡng năng lực nghiên cứu khoa học cho đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên với nhiều phương thức ở trong nước và nước ngoài.

### **4.4. Tăng cường đội ngũ giảng viên về số lượng, chất lượng theo hướng chuẩn hóa và trẻ hóa**

Đội ngũ giảng viên trong Trường có vai trò quyết định đến chất lượng đào tạo và sự phát triển chiến lược của quốc gia nói chung, của Nhà trường nói riêng. Bởi vậy cần đồng thời vừa bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn giảng dạy và nghiên cứu khoa học của đội ngũ cán bộ, giảng viên hiện có, vừa phải có kế hoạch đào tạo đội ngũ trẻ kế thừa theo chuẩn nhằm bổ sung và tăng cường số lượng giảng viên, giáo viên cho các trường học, cơ sở đào tạo trong hệ thống giáo dục nói chung và ngành TĐTT nói riêng. Nguồn đào tạo mới không chỉ ở trong nước mà còn coi trọng đào tạo ở nước ngoài cũng như liên kết đối với những nhà khoa học và giảng viên giỏi ở nước ngoài. Trong phát triển đội ngũ giảng viên tương lai cần hết sức coi trọng sự cân đối, phù hợp về cơ cấu nghề trong hệ thống sư phạm TĐTT, nhất là các chuyên ngành nghề mới, công nghệ mới mang lại.

### **4.5. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế**

Đây là điều kiện hết sức quan trọng được coi là một trong những nước đột phá cơ bản để nâng cao chất lượng, uy tín và vị thế của trường trọng điểm quốc gia. Vì thế, bên cạnh việc tiếp tục thường xuyên giữ mối quan hệ hợp tác quốc tế trong việc đào tạo CB, GV trình độ tiến sĩ, thạc sĩ chuyên ngành TĐTT với các trường có mối quan hệ truyền thống, nhiệm vụ cần được đặt ra là đẩy mạnh hơn nữa việc hợp tác với các trường khu vực Châu Âu, Châu Mỹ. Trong thời gian gần đây việc hợp tác quốc tế của Nhà trường không chỉ dừng lại ở một số hoạt động mang tính ngoại giao, mà đã đi vào chiều sâu rất rõ rệt như: Ký kết thỏa thuận hợp

## DIỄN ĐÀN - TRAO ĐỔI

tác về đào tạo trong lĩnh vực TĐTT với Học viện Thể thao Vũ Hán - Trung Quốc; ký kết bản ghi nhớ hợp tác giữa Trường Đại học TĐTT Gdansk (Ba Lan); ký kết hợp tác với Trường Cao Đẳng TĐTT Quảng Tây (Trung Quốc) về lĩnh vực đẩy mạnh y học vận động; bước đầu thỏa thuận hợp tác với Trường Đại học Kỹ thuật Ngô Phụng - Đài Loan; tiếp tục ký thỏa thuận với Trường Đại học Sư phạm Quảng Tây - Trung Quốc. Ngoài ra tổ chức buổi giao lưu học tập chuyên môn giữa sinh viên Nhà trường với sinh viên Trường Khoa học Thể thao và Dinh dưỡng - Đại học Công nghệ Bang Queensland (QUT) - Australia; cử đội bóng đá nam tham dự Tuần lễ giao lưu thể thao, văn hóa các trường đại học Đông Nam Á và Nam Á tổ chức tại Trường ĐH Bách khoa - Côn Minh (Trung Quốc). Đặc biệt là đàm phán với Trường Cao đẳng GDTC Quốc gia Lào sang trao đổi về nội dung liên kết đào tạo song phương cử sinh viên, học viên sang học tập dài hạn với kết quả đã tiếp nhận 08 lưu học sinh viên Lào sang học ở trình độ cao học và đại học. Đây có thể nói là tiền đề, nền tảng cho việc đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong thời gian tới.

### 5. KẾT LUẬN

Việc đầu tư và quy hoạch lại mạng lưới các trường sư phạm nói chung, quy hoạch các

trường sư phạm TĐTT nói riêng, không chỉ là sự định hướng mang tính chiến lược cho nền giáo dục nước nhà phấn đấu hoàn thành sứ mạng của mình mà còn khẳng định con đường để nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, bởi hệ thống sư phạm TĐTT gắn bó chặt chẽ và liên thông với các phân hệ giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân. Đây là tư tưởng chỉ đạo và định hướng trong phát triển hệ thống trong bối cảnh mới của nước ta đang trong thời kỳ thực hiện CNH, HĐH đất nước. Mặt khác còn phải đáp ứng được yêu cầu của hội nhập quốc tế trong xu thế toàn cầu hóa nên việc phát triển hệ thống sư phạm TĐTT cần theo định hướng chuyên nghiệp, hiện đại hóa và chuẩn hóa quốc gia và quốc tế. Việc quy hoạch các trường sư phạm TĐTT, lấy Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội làm trường trọng điểm, trọng tâm sẽ giúp cho việc hệ thống các trường sư phạm TĐTT tăng cường gắn kết, tạo mọi điều kiện để gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học, nâng cao chất lượng đào tạo cho đội ngũ giảng viên, giáo viên mà còn là nhân tố quan trọng và là động lực mạnh mẽ cho quá trình nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo của mô hình giáo dục hiện đại.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật Giáo dục 2005
2. Quyết định số 1076/QĐ-TTg, ngày 17/6/2016 phê duyệt Đề án phát triển Giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025
3. Quyết định số 2160/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Quy hoạch phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030”
4. PGS. TS Nguyễn Việt Sự. Giáo dục nghề nghiệp – Những vấn đề và giải pháp. NXB Giáo dục. Hà Nội 2005.
5. Kỹ yếu hội thảo quốc gia “Nghiên cứu khoa học gắn với đào tạo trong hệ thống Sư phạm kỹ thuật”. Viện Chiến lược và Chương trình giáo dục. Hà Nội, 2004.



## VĂN HÓA CHẤT LƯỢNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI - 15 NĂM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN

ThS.Lê Học Liêm - Trưởng phòng ĐBCL&TT  
ThS.Trần Thị Thanh Bình - P.Trưởng phòng ĐBCL&TT  
CN. Đinh Thị Thảo  
Trường ĐHSP TDTT Hà Nội

**Tóm tắt:** Nghiên cứu văn hóa nhà trường nói chung các tác giả đều bàn về các giá trị cốt lõi như: Truyền thống, đoàn kết, hợp tác...Để xây dựng và phát triển văn hóa nói chung văn hóa chất lượng nói riêng yếu tố quyết định đến thành công này chính là quá trình phát triển năng lực văn hóa của mỗi cá nhân. Đó là yếu tố giúp nhà trường giữ vững ổn định hướng đến hội nhập sâu rộng với khu vực và thế giới. Bài viết tập chung phân tích các bước tiến hành xây dựng văn hóa chất lượng và trách nhiệm các bên liên quan

**Từ khóa:** Văn hóa nhà trường, văn hóa cá nhân, văn hóa chất lượng, xây dựng văn hóa chất lượng

**Abstract:** Studying the school culture in general, the authors discuss the core values such as tradition, solidarity, cooperation To build and develop culture in general culture quality in particular factors The decision to succeed is the process of developing the individual's cultural capacity. This is the factor that helps the university to maintain stability towards integration into the region and the world. The paper analyzes the steps to build quality culture and the responsibilities of stakeholders.

**Keywords:** School culture. Personal culture. quality building culture. quality culture

### 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sứ mệnh của Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội là đào tạo nguồn nhân lực giáo viên giáo dục thể chất phục vụ trong ngành giáo dục của đất nước. Chất lượng còn là một trong các giá trị cốt lõi của Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội. Chính vì vậy, tạo dựng và phát triển văn hóa chất lượng để duy trì và không ngừng nâng cao chất lượng các hoạt động và chất lượng các sản phẩm đầu ra. Đây vừa là mục tiêu vừa là yêu cầu xuyên suốt trong lộ trình thực hiện kế hoạch chiến lược của Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội

Văn hóa chất lượng trong Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội phải được thấm nhuần trong những quy tắc hành động, những thói quen của tất cả cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và người học thực hiện tốt nhiệm vụ của mình nhằm tạo ra cho xã hội những sản phẩm đào tạo và nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu cao nhất.

Từ năm 2003, Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Tây được thành lập (nay là Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội), lãnh đạo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động Nhà trường luôn coi xây dựng văn hóa là yếu tố quyết định đến sự tồn tại và phát triển của Nhà trường. Các đơn vị thuộc Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội tổ chức các đợt tuyên truyền về giá trị, ý nghĩa và lợi ích của chất lượng và việc thực hiện văn hóa chất lượng; xây dựng và ban hành các quy định về đảm bảo chất lượng giáo dục; xây dựng và thực hiện Sổ tay hướng dẫn đảm bảo chất lượng của đơn vị; xây dựng và hoàn chỉnh cơ cấu tổ chức, nhân sự, chức năng, nhiệm vụ; kế hoạch tổ chức bồi dưỡng chuyên môn về đảm bảo chất lượng; xây dựng hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ giảng viên, nhân viên, người học, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng. Kết quả đánh giá từ hệ thống này được sử dụng để cải tiến chất lượng giáo dục của đơn vị trong đó cần phát huy vai trò lãnh đạo của tổ

chức Đảng, sự phối hợp của đoàn thanh niên, hội sinh viên và công đoàn trong việc thực hiện xây dựng và phát triển văn hóa chất lượng.

Trong 15 năm xây dựng và phát triển, văn hóa chất lượng Nhà trường đã được cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và người học tiếp tục thực hiện và đẩy mạnh phong trào thực hiện cuộc vận động xây dựng và phát triển văn hóa chất lượng trong đơn vị, trong đó nêu cao vai trò tiên phong gương mẫu của cán bộ Đảng viên.

## 2. MỘT SỐ KHÁI NIỆM CƠ BẢN

### 2.1. Chất lượng giáo dục

Chất lượng luôn là vấn đề sống còn đối với tất cả các trường đại học và việc phấn đấu nâng cao chất lượng đào tạo luôn được xem là nhiệm vụ quan trọng nhất của bất kỳ cơ sở đào tạo đại học nào. Mặc dù có tầm quan trọng như vậy nhưng chất lượng vẫn là một khái niệm khó định nghĩa, khó xác định, khó đo lường, và có nhiều cách hiểu khó thống nhất. Có nhiều định nghĩa khác nhau (thậm chí trái ngược nhau) về chất lượng mà nguyên nhân là do thiếu một cách hiểu thống nhất về bản chất của vấn đề.

Green và Harvey (1993) đã đưa ra 5 quan niệm về chất lượng giáo dục đại học. Theo đó, chất lượng được hiểu là:

- Sự xuất sắc (vượt một tiêu chuẩn bắt buộc và đạt tiêu chuẩn cao hơn);
- Sự hoàn hảo (thể hiện qua việc “không mắc lỗi” và “đúng ngay lần đầu tiên” tạo thành văn hóa chất lượng);
- Chất lượng là sự phù hợp với mục tiêu;
- Giá trị đồng tiền (thông qua năng suất và hiệu quả);
- Sự thay đổi (sự thay đổi định lượng).

Quan niệm “Sự phù hợp với mục tiêu” là định nghĩa về “chất lượng” phổ biến nhất được chấp nhận và sử dụng trong giáo dục nói chung hiện nay.

Hiện nay, có nhiều cách hiểu khác nhau về chất lượng giáo dục. Trong đó, định nghĩa phù hợp nhất để xây dựng nền tảng và mục tiêu của

văn hóa chất lượng trong Đại học Quốc gia Hà Nội xem chất lượng giáo dục “là sự hài lòng của người sử dụng, là sự đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội”. [5]

### 2.2. Văn hóa chất lượng

“Văn hóa chất lượng là một hệ thống các giá trị của tổ chức để tạo ra môi trường thuận lợi cho việc thiết lập và cải tiến liên tục.” (Ahmed, 2008) [4].

Theo Nguyễn Kim Dung: “Văn hóa chất lượng là sự hợp nhất/vận dụng/áp dụng chất lượng vào toàn bộ các hoạt động của hệ thống/tổ chức nhằm tạo ra môi trường tích cực bên trong tổ chức và dẫn đến sự hài lòng của những người hưởng lợi từ tổ chức.” [3]

Văn hóa chất lượng của một cơ sở đào tạo được hiểu là mọi thành viên (từ người học đến cán bộ quản lý), mọi tổ chức (từ các phòng ban đến các tổ chức đoàn thể) đều biết công việc của mình thế nào là có chất lượng và đều làm theo yêu cầu chất lượng.

Có thể định nghĩa văn hóa chất lượng là hệ thống các giá trị, chuẩn mực và thói quen làm việc có chất lượng đã định hình của mọi thành viên trong đơn vị nhằm thực hiện công việc được giao một cách tốt nhất.

## 3. QUY TRÌNH TRIỂN KHAI XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA CHẤT LƯỢNG

### Bước 1: Xác lập chuẩn chất lượng

Căn cứ vào sứ mạng, mục tiêu và trên cơ sở tham khảo yêu cầu của các bên liên quan, Nhà trường xây dựng các chuẩn chất lượng (chuẩn đầu ra, chuẩn giảng viên), bộ công cụ đánh giá (đánh giá giảng viên, đánh giá môn học, đánh giá dịch vụ), nội quy, quy chế.

Những chuẩn mực chất lượng, công cụ đánh giá, nội quy phải được sự đồng thuận của những bên liên quan và được cụ thể hóa thành nhiệm vụ của mỗi thành viên, của Nhà trường.

### Bước 2: Phổ biến, tuyên truyền

## DIỄN ĐÀN - TRAO ĐỔI

Những chủ trương, chính sách về đảm bảo chất lượng của Nhà trường (sau khi đã thống nhất) cần phổ biến và tuyên truyền một cách sâu rộng, cụ thể đến mọi thành viên và tổ chức của Nhà trường, bằng nhiều hình thức (website, bảng tin, trong các cuộc họp).

Bước 3: Triển khai thực hiện

Triển khai thực hiện các hoạt động đảm bảo chất lượng đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên và người học; cần triển khai đồng bộ giữa các đơn vị, tổ chức, đoàn thể, cá nhân.

Để triển khai thực hiện văn hóa chất lượng trong Nhà trường có hiệu quả, cán bộ cốt cán phải làm gương và công việc phải được duy trì thường xuyên, liên tục.

Bước 4: Kiểm tra, đánh giá

Kiểm tra, đánh giá cần tuân thủ nguyên tắc là giúp cá nhân, tổ chức nhận ra ưu điểm, tồn tại, từ đó có biện pháp kịp thời và phù hợp để phát huy ưu điểm, khắc phục tồn tại, tiếp tục hành động để đạt kết quả cao hơn.

Kiểm tra, đánh giá chỉ có hiệu quả khi giúp người thực hiện biết những tồn tại; cần động viên, khuyến khích mọi người có ý thức trách nhiệm để làm tốt hơn chứ không phải là xử lý kỷ luật, trừng phạt.

Bước 5: Công khai thông tin

Một trong những yêu cầu của đảm bảo chất lượng là công khai thông tin.

Nhà trường cần quy định rõ phạm vi, mức độ và cá nhân/tổ chức chịu trách nhiệm về những thông tin công khai.

Thông tin công khai cần được cập nhật định kỳ, cần cân nhắc đối tượng được công khai thông tin.

Bước 6: Điều chỉnh, bổ sung

Các tiêu chuẩn chất lượng, bộ công cụ đánh giá, quy định chỉ có giá trị trong khoảng thời gian nhất định.

Trong quá trình triển khai thực hiện cần định kỳ rà soát để có cơ sở điều chỉnh, bổ sung để hoàn thiện.

## 4. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC THÀNH VIÊN ĐỂ XÂY DỰNG VĂN HÓA CHẤT LƯỢNG

### 4.1. Đảng ủy, Ban Giám hiệu

Đưa ra kế hoạch chiến lược xây dựng văn hóa chất lượng; thiết lập mạng lưới đảm bảo chất lượng trong; phân cấp trách nhiệm cho các đơn vị, bộ phận; đầu tư và điều phối các nguồn lực phù hợp để triển khai lộ trình văn hóa chất lượng; thiết lập hệ thống thông tin để trao đổi với cán bộ quản lý và giám sát lộ trình triển khai văn hóa chất lượng; sử dụng các kết quả giám sát và đánh giá lộ trình văn hóa chất lượng vào quá trình ra các quyết định liên quan; là đầu mối để cung cấp các thông tin và khai thác các nguồn tài trợ, ủng hộ của các đối tác bên ngoài.

### 4.2. Cán bộ quản lý

- Triển khai các hoạt động theo đúng lộ trình, đảm bảo các bộ máy và nguồn nhân lực của mình cùng tham gia thực hiện các hoạt động theo chuẩn mực để đạt chất lượng cam kết.

- Tuyên truyền trong mạng lưới tới tất cả cán bộ nhân viên, người học để hiểu và nắm chắc được chiến lược của đơn vị và chiến lược của Trường, thấm nhuần về vai trò của từng bộ phận và từng cá nhân trong lộ trình xây dựng và phát triển văn hóa chất lượng.

- Điều phối và giám sát để mọi hoạt động hướng tới đạt được chất lượng cam kết, đảm bảo tất cả các nguồn nhân lực trong đơn vị mình quản lý phát huy hết năng lực và được cung cấp đủ các điều kiện để có thể phát huy năng lực tối đa.

### 4.3. Cán bộ, giảng viên và nhân viên

- Huy động mọi nguồn nhân lực vào quá trình tham gia ra các quyết định liên quan. Cán bộ, giảng viên và nhân viên là những người tham gia xây dựng và phát triển văn hóa chất lượng.

- Từng thành viên được phân cấp trách nhiệm rõ ràng; tạo dựng được nhận thức về

trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm chung trong Trường.

- Được đào tạo, bồi dưỡng để phát triển năng lực chuyên môn và động cơ làm việc đúng đắn; vai trò giới được quan tâm, đặc biệt là nữ trong công tác quản lý; chế độ thưởng phạt về tài chính và tinh thần được thực hiện minh bạch.

#### 4.4. Người học

- Người học có trách nhiệm và quyền được tham gia vào lộ trình xây dựng và phát triển văn hóa chất lượng của Trường.

- Đóng góp ý kiến và trả lời phiếu khảo sát đánh giá việc giảng dạy và đào tạo trong Trường.

#### 4.5. Các đối tác bên ngoài

Các đối tác bên ngoài bao gồm: Các nhà tuyển dụng, các Sở Giáo dục và Đào tạo, các tổ chức xã hội, tổ chức chính trị, các cơ quan nhà nước, cộng đồng xã hội và đặc biệt là cựu sinh viên. Sự tham gia của các nguồn lực này tạo thêm sức mạnh và cũng để xã hội biết đến nền tảng văn hóa chất lượng và thương hiệu của Trường.

## 5. KẾT LUẬN

Trong 15 năm từ khi được nâng cấp lên thành trường đại học, tiếp nối truyền thống trước đó, lãnh đạo, cán bộ viên chức, người lao động Nhà trường luôn xác định:

Đảm bảo chất lượng giáo dục muốn được bền vững cần phải xây dựng văn hóa chất lượng.

Xây dựng và phát triển văn hóa chất lượng là tạo ra những giá trị và những đặc điểm, ưu thế riêng và làm lan tỏa khái niệm chất lượng và những tác dụng của nó để tác động vào việc thực hiện công việc của các cá nhân, tập thể.

Khi văn hóa chất lượng được đặt đúng vị trí, mọi hoạt động của các thành viên, tổ chức đều hướng đến chất lượng thì chắc chắn uy tín và thương hiệu của cơ sở giáo dục đại học sẽ được khẳng định.

Phát triển văn hóa chất lượng là một quá trình dài lâu. Do đó, cần phải duy trì việc triển khai thực hiện để đạt các chuẩn mực chất lượng trong suốt quá trình đào tạo.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Đức Chính (2002), *Kiểm định chất lượng trong giáo dục đại học*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội
2. Nguyễn Kim Dung, Phạm Xuân Thanh (2003), “Về một số khái niệm thường dùng trong đảm bảo chất lượng giáo dục đại học”, *Tạp chí Giáo dục số 66*
3. Nguyễn Kim Dung (2009), “Các khái niệm cơ bản trong đảm bảo chất lượng giáo dục đại học”, *Hội nghị tập huấn xây dựng văn hóa chất lượng trong giáo dục đại học*.
4. Richard Lewis (2012), “Văn hóa chất lượng và kiểm định chất lượng; Đảm bảo chất lượng giáo dục đại học, Báo cáo hội thảo của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Trà Vinh

## THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN BÓNG RỔ TẠI CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG HÀ NỘI

TS. Vũ Quốc Huy - Trưởng BM Bóng rổ, Bóng ném  
Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội

**Tóm tắt:** Bóng rổ đang ngày càng phát triển và là môn thể thao được nhiều bạn trẻ yêu thích nhất là các em học sinh trung học phổ thông. Tại Hà Nội rất nhiều trường phổ thông các cấp đã đưa bóng rổ vào trong chương trình học để các em có nhiều điều kiện hơn tham gia tập luyện. Tuy nhiên vẫn còn đó những hạn chế, bài viết bước đầu khảo sát thực trạng và đưa ra một số giải pháp nhằm phát triển môn bóng rổ tại các trường học nói chung, tại các trường trung học Hà Nội nói riêng.

**Từ khóa:** Thực trạng Bóng rổ phổ thông Hà Nội; Giải pháp phát triển Bóng rổ trung học phổ thông

**Abstract:** Basketball is growing, and is a favorite sport many young people are high school students. In Hanoi, many schools at all levels have put basketball into the curriculum so that they have more opportunities to practice. However is still yet the referenced referenced on the header and given one of the solution for the basketball development in general general languages, at the school of old school

**Keywords:** The status of basketball in Hanoi, The solution to develop high school basketbal

### 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Theo Tổ chức Y tế thế giới (WHO) “Sức khỏe là một trạng thái hoàn toàn thoải mái về thể chất, tinh thần và xã hội chứ không phải chỉ là tình trạng không có bệnh hoặc tật nguyền”. Như vậy, một cơ thể khỏe mạnh trước hết phải có thể chất tốt, sức khỏe về mặt thể chất phản ánh một phần thực trạng sức khỏe nói chung và đặc biệt liên quan chặt chẽ đến khả năng lao động và thẩm mỹ của con người. Do đó vấn đề phát triển thể chất ở lứa tuổi học sinh là một trong những vấn đề được quan tâm trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực con người của mỗi quốc gia.

Trong hơn một thập kỷ trở lại đây, đời sống vật chất của người dân Việt Nam đã cải thiện rất nhiều nhưng vẫn còn đó những vấn đề bất cập trong việc phát triển và nâng cao thể trạng của người Việt. Một chỉ số quan trọng đó là chiều cao trung bình thanh niên Việt Nam rất khiêm tốn. Tính đến năm 2014 nam thanh niên Việt Nam có chiều cao trung bình đạt 164,4 cm, và nữ chỉ đạt 153,4 cm; thấp hơn 8 cm so với Nhật Bản và 10 cm so với Hàn Quốc. Nếu so với chuẩn của Tổ chức Y tế thế giới (WHO), thì thấp hơn 13,1 cm đối với nam và 10,7 cm đối với nữ. Trong 3 thập kỷ qua, chiều cao

trung bình của người Việt chỉ tăng 4 cm. Tình trạng luyện tập TDTT thường xuyên của thanh niên nước ta cũng đạt tỷ lệ rất thấp và có sự chênh lệch lớn giữa các khu vực.

Để cải thiện tầm vóc cần có chế độ dinh dưỡng và hoạt động TDTT hợp lý, tuy nhiên theo đánh giá của tạp chí y khoa The Lancet (Anh), Việt Nam chỉ có 15,3% người dân tập thể dục nhiều hơn ba mươi phút mỗi ngày. Tức là trong một trăm người thì chỉ có hơn mười lăm người bỏ ra nửa tiếng đồng hồ mỗi ngày để vận động. Tỷ lệ này thật đáng báo động so với dân số gần chín mươi triệu người của nước ta hiện nay. Các số liệu được báo cáo này dẫn ra cũng cho thấy tố chất thể lực, đặc biệt là sức bền và sức mạnh của thanh niên Việt Nam được xếp vào mức kém và rất kém so với chuẩn.

Vậy nguyên nhân do đâu mà người Việt Nam chúng ta lại là một trong những Quốc gia lười vận động nhất thế giới? Dẫn đến thực trạng nói trên, có phần tác động không nhỏ của giáo dục thể chất trong nhà trường. Hiện giáo dục thể chất chưa nhận được sự quan tâm đúng mức từ phía gia đình, nhà trường và xã hội. Chính việc xem nhẹ môn học thể dục trong suốt các cấp học đã ảnh hưởng rất lớn đến việc phát triển thể trạng, sức khỏe của trẻ, gây mất

## DIỄN ĐÀN - TRAO ĐỔI

cân đối, hài hòa giữa phát triển trí tuệ, thể chất và nhân cách học sinh.

Môn học nào là quan trọng đối với học sinh, nhất là ở độ tuổi 11 đến 15, độ tuổi vàng của đời người để phát triển tâm vóc và thể lực? Không nhiều phụ huynh đề cao môn thể dục. Rất ít người có ý thức dành cho con một quỹ thời để chơi thể thao. Dù nhiều người vẫn nhận thức được rằng một trong các yếu tố quyết định tâm vóc và thể lực chính là chế độ tập luyện tốt. Giáo dục thể chất hoàn toàn không được coi trọng và đầu tư xứng đáng, cũng như hoàn toàn không có cơ hội và điều kiện để làm đúng, làm tốt vai trò của nó góp phần cải thiện và nâng cao tâm vóc, thể trạng của học sinh. Đây là sự thật tồn tại ở toàn bộ hệ thống trường công tại Việt Nam. Nhận thức được những vấn đề này, trong những năm trở lại đây, các trường phổ thông cũng dần chú trọng và đầu tư vào việc giáo dục thể chất cho học sinh trong trường nhiều hơn. Thời gian dành cho những môn học thể chất cũng được kéo dài thêm để nâng cao sức khỏe cho học sinh.

TDTT giúp nâng cao sức khỏe thể lực. Đây cũng là một cách để xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, nâng cao tinh thần đồng đội của mọi người. Có rất nhiều môn thể thao các em có thể lựa chọn và bóng rổ cũng nằm trong số đó. Tập luyện và thi đấu bóng rổ giúp con người phát triển toàn diện các tố chất thể lực cũng như tinh thần đoàn kết. Với môn này, người chơi cần phải có sự kết hợp ăn ý giữa các thành viên trong đội để có thể vượt qua những chướng ngại mà đối phương tạo ra.

### **2. THỰC TRẠNG MÔN BÓNG RỔ TẠI CÁC TRƯỜNG PHỔ THÔNG HÀ NỘI**

Tại các trường phổ thông Hà Nội, môn bóng rổ đang được học sinh tham gia ngày một nhiều hơn, thể hiện rõ nét là ở các giải đấu thường niên do Sở GD&ĐT phối hợp với sở VH&TT Hà Nội tổ chức với sự tham gia của các trường

trung học cơ sở, trung học phổ thông (gồm các trường công lập, ngoài công lập) trên địa bàn TP Hà Nội.

Điển hình tiêu biểu nhất cho mô hình phát triển môn bóng rổ trong học đường là Hà Nội Amsterdam. Trường Trung học phổ thông Amsterdam được công nhận như một trong những ngôi trường có chất lượng giáo dục tốt nhất tại Thủ đô, đảm bảo cho tố chất của các học sinh thuộc hàng đặc biệt. Nhưng không chỉ xét về tố chất, mô hình của Trường Amsterdam còn được xây dựng giống các nước phương Tây với sự cân bằng nơi giáo dục thể chất và văn hóa. Trong sơ đồ của trường vào năm 1985, họ đã có sân bóng rổ và bắt đầu giảng dạy bộ môn này từ năm 1995. Với điều kiện có một không hai, đội bóng rổ Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Amsterdam với màu áo xanh, đã thống trị bóng rổ học đường Hà Nội quá lâu trong khoảng thời gian kéo dài hơn 15 năm. Đội bóng trung học phổ thông của họ có 18 lần vô địch tính cả nam nữ, trong khi giải trung học cơ sở cũng chứng kiến họ lên ngôi 8 lần. Năm 1998, đội bóng rổ trung học phổ thông Amsterdam được làm khách mời tham dự giải đấu cấp đại học nhưng họ đã thi đấu ngoài sự mong đợi của rất nhiều người khi liên tiếp đánh bại các đàn anh để đăng quang. Tài không đợi tuổi, điều này có thể nhận xét về các tài năng thuở đó của trường.

Trong 10 năm trở lại đây, với sự đầu tư mạnh mẽ của nhiều trường trung học phổ thông thì Hà Nội Amsterdam không còn giữ thế độc tôn trong làng bóng rổ học đường, sự xuất hiện của các trường Việt Đức, Kim Liên, Chu Văn An... đã làm cho giải bóng rổ càng ngày càng hấp dẫn và khó dự đoán hơn.

Ở khối trung học cơ sở và trung học phổ thông, nhiều học sinh cũng chọn lựa tập luyện bóng rổ. Đến năm 2016, giải bóng rổ học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông thành phố Cúp Milo mới đạt con số kỷ lục là 105 đội bóng tham dự trong đó khối trung học cơ sở có

## DIỄN ĐÀN - TRAO ĐỔI

32 đội nam và 15 đội nữ, khối trung học phổ thông có 43 đội nam và 15 đội nữ. Số đội nam tham dự quá đông nên Ban tổ chức đã phải chọn thể thức đấu loại trực tiếp. Dù vậy, giải đấu cũng có tới 124 trận và kéo dài 13 ngày.

Còn đối với lứa tuổi tiểu học thì đến năm 2007 giải bóng rổ học sinh tiểu học Hà Nội lần thứ nhất mới được tổ chức. Năm đó, số đội tham gia dự giải chỉ có 16 đội của 8 trường dự giải (8 đội nam, 8 đội nữ). Giải đấu vẫn chưa gây tiếng vang cho đến khi nhiều trường tiểu học tại Hà Nội (chủ yếu ở nội thành) được lắp đặt bảng rổ. Từ đây, số lượng trường và đội dự giải tăng nhanh chóng. Năm 2012 có 65 đội dự giải, năm 2013 có 69 đội dự giải, năm 2014 có 78 đội dự giải. Đến năm 2015 ở kỳ giải thứ IX, giải có tới 96 đội bóng từ 56 trường tham dự. Đến năm 2016 giải đạt cột mốc mới khi số đội tham dự vượt qua con số 100. Theo đó, có tới 115 đội bóng của 69 trường góp mặt tại giải.

Tuy nhiên đó chỉ là bề nổi của phong trào bóng rổ trong các trường phổ thông Hà Nội. Thực tế, môn này chỉ đang phát triển mạnh ở các trường nội thành, trong khi đó ở các trường ngoại thành thì rất ít các trường để ý đến. Đơn cử như các vùng Hà Đông, Thường Tín, Sóc Sơn, Đông Anh, Mai Lĩnh, Phú Xuyên, Xuân Mai, Ba Vì... rất nhiều trường ở các vùng này học sinh còn chưa được nhìn thấy thực tế quả bóng rổ như thế nào chứ chưa nói đến là được chơi, hoặc có những trường cũng có sân bóng rổ nhưng vì thiếu giáo viên có chuyên môn để hướng dẫn nên cũng không được sử dụng có hiệu quả. Đây là vấn đề cần giải quyết ngay khi muốn đưa bóng rổ "phủ sóng" rộng khắp hơn trong các trường học ở Hà Nội.

Hiện nay môn bóng rổ vẫn là môn chỉ mới bước đầu được chơi và thi đấu ở một số trường lớn trong nội thành mà chưa phải là một môn trở thành phong trào như những môn thể thao truyền thống (như bóng đá, bóng bàn, cầu lông...). Các phương tiện thông tin đại chúng ở trong và ngoài các trường học chưa tuyên

truyền sâu rộng tầm quan trọng của môn bóng rổ cho học sinh. Lứa tuổi học sinh đang ở độ tuổi phát triển mạnh về chiều cao, học sinh cũng rất thích học bóng rổ để phát triển chiều cao và nâng cao thể chất nhưng nếu không được người lớn tuyên truyền sâu rộng, cũng như không có một sân chơi thì việc thích thú đó của học sinh sẽ không thể thực hiện được. Vấn đề học môn bóng rổ là việc rất cần thiết hiện nay để người Việt Nam phát triển chiều cao, thể chất và tinh thần ngang bằng với các nước trong khu vực.

### 3. GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN MÔN BÓNG RỔ TRONG CÁC TRƯỜNG PHỔ THÔNG TẠI HÀ NỘI

Sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói: "Không có thầy giáo thì không có giáo dục, không có giáo dục thì không có cán bộ, không có cán bộ thì không nói gì đến kinh tế - văn hoá". Như vậy có thể nhận thấy rằng điều kiện đầu tiên của giáo dục chính là người thầy. Những người thầy giáo, cô giáo sẽ định hướng sự phát triển của học sinh. Vì vậy muốn bóng rổ trong trường học thực sự phát triển hơn cần những người thầy giáo, cô giáo có chuyên môn tốt để hướng dẫn các em tập luyện một cách bài bản và hiệu quả nhất. Muốn làm được điều này thì Sở GD&ĐT Hà Nội cần tổ chức các lớp tập huấn môn bóng rổ cho giáo viên Giáo dục thể chất trong trường học và tổ chức các giải thi đấu cho các trường theo từng quận; tăng cường số lượng giáo viên lên lớp trong một giờ học, nâng cao ý thức, trách nhiệm của mỗi giáo viên trong các giờ học, nếu giờ học có đông học sinh, cần phải có 2 giáo viên phụ trách và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng giáo viên.

Về cơ sở vật chất, các trường nên xây nhà thi đấu để các em có thể tập luyện khi trời mưa gió hoặc khi mùa đông giá rét, không có đủ điều kiện để xây nhà thi đấu thì có thể xây sân bóng rổ ở một khoảng sân trường. Sân bóng rổ không tốn quá nhiều diện tích, nó có chiều dài 28m và rộng 15m nên rất dễ để làm. Ngoài ra lắp đặt một bộ bảng rổ đúng quy chuẩn, gắn

## DIỄN ĐÀN - TRAO ĐỔI

thêm các bảng rõ phụ lên tường, thân cây để đáp ứng nhu cầu tập luyện của học sinh. Đối với các trường có sân bãi, nhà tập thì tiến hành cải tạo, sửa chữa nâng cấp cơ sở tập luyện định kỳ để có thể tận dụng tối đa điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường phục vụ giảng dạy chính khoá và hoạt động tập luyện ngoại khoá. Xây dựng phương án sử dụng sân bãi, nhà tập theo từng đối tượng tập luyện, quy chế sử dụng trang thiết bị.

Đối với giáo viên cần nắm vững các phương pháp giảng dạy môn bóng rổ, am hiểu luật, luôn tìm tòi và cải tiến phương pháp tổ chức giờ học thể dục theo xu hướng tích cực hoá, lấy người học làm trung tâm. Có nội dung bài tập phong phú, tăng tính hấp dẫn của giờ học. Tránh các hình thức gò ép, bắt buộc học sinh tập luyện, tăng cường các hình thức động viên, kích thích cho học sinh. Áp dụng những phương tiện kỹ thuật trong quá trình tập luyện và thi đấu là một biện pháp rất cần thiết để thu nhận những tài liệu khách quan về số lượng và chất lượng động tác. Nhờ phương tiện kỹ thuật, thầy cô giáo có thể phát hiện và sửa chữa được

những sai sót kỹ thuật động tác trong tập luyện và thi đấu một cách dễ dàng hơn.

Các phương tiện thông tin đại chúng cần tuyên truyền sâu rộng hơn nữa về lợi ích của môn bóng rổ để các em học sinh sẽ hiểu được ý nghĩa thật sự của việc tập luyện và thi đấu bóng rổ, từ đó sẽ xây dựng được lòng đam mê và hứng thú của các em với môn bóng rổ.

### 4. KẾT LUẬN

Từ việc xác định môn thể dục trong trường THPT là môn học quan trọng. Môn học chính khoá góp phần giáo dục thể hệ trẻ phát triển toàn diện. Vì vậy việc nghiên cứu để tìm ra những giải pháp thích hợp nhằm nâng cao hiệu quả tiết học là điều hết sức cần thiết Tập luyện và thi đấu bóng rổ thường xuyên sẽ giúp cho trẻ có một sức khỏe dẻo dai và nhanh nhẹn hơn, tạo được tinh thần hăng say trong học tập cũng như trong cuộc sống của các em, ngoài ra bóng rổ còn giúp tăng cường chiều cao, nêu cao tinh thần đoàn kết và làm việc theo nhóm. Việc đưa môn bóng rổ vào trong trường phổ thông là hết sức thiết thực, môn học này rất phù hợp với điều kiện phát triển chung của các trường trong cả nước.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Đông Lâm (2001), *Tuyển tập nghiên cứu khoa học giáo dục sức khỏe thể chất trong nhà trường các cấp, lần thứ III, Nxb TDTT, Hà Nội.*
2. Nguyễn Xuân Sinh (1999) - *Phương pháp nghiên cứu khoa học TDTT - NXB TDTT - Hà Nội, tr.5-371*
3. *Quy chế tổ chức và hoạt động của CLB TDTT cơ sở (2003), Ban hành theo quyết định số 1589/2003/QĐ - UB TDTT ngày 19/09/2003*



## CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC QUẢN LÝ SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TĐTT HÀ NỘI GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

TS. Phùng Xuân Dũng - Trưởng phòng QLĐT&CTSV  
Trường ĐH Sư phạm TĐTT Hà Nội

**Tóm tắt:** Trước yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước hiện nay, việc đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực đang trở thành vấn đề cấp bách. Xác định nhiệm vụ quan trọng đó, cùng với đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp giảng dạy, đào tạo, Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội có nhiều mới phương thức và nội dung công tác quản lý sinh viên (SV) được Nhà trường xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm.

**Từ khóa:** công tác quản lý sinh viên, đào tạo nguồn nhân lực, nhiệm vụ quan trọng, chương trình, phương pháp

**Abstract:** At the request of the current industrialization and modernization of the country, the renovation and improvement of the quality of human resource training is becoming an urgent issue. Together with the renewal of contents, programs, teaching methods and training, Hanoi University of Physical Education and Sports has many new methods and contents of student management that is identified as one of the key tasks.

**Keywords:** student manager, training power source, task weight, program, method

### 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trước yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước hiện nay, việc đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực đang trở thành vấn đề cấp bách. Trong những năm gần đây, Bộ Giáo dục và Đào tạo, các tổ chức quản lý giáo dục đặc biệt quan tâm tới công tác học sinh sinh viên (HSSV), hàng loạt những quy định, quy chế trong công tác HSSV được sửa đổi và ban hành nhằm nâng cao chất lượng quản lý, giáo dục HSSV đáp ứng yêu cầu của việc cung cấp nguồn nhân lực trong thời kỳ mới.

Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội là cơ sở đào tạo đại học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, là cơ sở giáo dục đại học góp phần đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước hiện nay. Trong những năm gần đây, cùng với đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp giảng dạy - giáo dục, việc đổi mới phương thức và nội

dung công tác quản lý SV được Nhà trường xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm.

### 2. CƠ SỞ KHOA HỌC CỦA CÔNG TÁC QUẢN LÝ SINH VIÊN

Công tác SV là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, chủ yếu trong toàn bộ quá trình tổ chức đào tạo ở các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp. Xác định rõ tầm quan trọng, ý nghĩa của công tác SV, Đảng và Nhà nước rất quan tâm tới công tác này. Cùng với sự chỉ đạo thay đổi Luật giáo dục cho phù hợp với thực tiễn giáo dục và sự phát triển của kinh tế xã hội, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 85/2003/NĐ-CP ngày 18/7/2003 quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục - Đào tạo và Bộ trưởng Bộ Giáo dục - Đào tạo đã ra quyết định số 4778/QĐ - BGD&ĐT - TCCB ngày 8/9/2003 về việc quy định chức năng nhiệm vụ của các tổ chức giúp Bộ trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước thuộc Bộ Giáo dục - Đào tạo,

## DIỄN ĐÀN - TRAO ĐỔI

theo quy định tại Nghị định trên của Chính phủ, trong đó có Vụ Công tác HSSV.

Sau khi có quyết định của Chính phủ, các trường đã chủ động kiện toàn bộ máy phụ trách công tác HSSV theo hướng tập trung vào một đầu mối trên cơ sở sáp nhập các bộ phận làm công tác chính trị, công tác SV thành Phòng Công tác chính trị - sinh viên, Phòng Quản lý sinh viên hoặc Phòng Công tác HSSV. Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng đã ban hành hàng loạt các văn bản quy định và hướng dẫn công tác HSSV làm căn cứ pháp lý cho các trường tổ chức quản lý và triển khai công tác HSSV một cách thống nhất và có hiệu quả như: Quy chế HSSV các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy (kèm theo Quyết định số 42/2007/QĐ-BGDĐT ngày 13/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo); Quy định về công tác giáo dục phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống cho HSSV trong các đại học, học viện, trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp (kèm theo Quyết định số 50/2007/QĐ-BGDĐT ngày 29/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo); Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của học HSSV các cơ sở giáo dục đại học và trường trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy (kèm theo Quyết định số 60/2007/QĐ-BGDĐT ngày 16/10/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) và rất nhiều các quy định, hướng dẫn về chế độ miễn giảm học phí, trợ cấp ưu đãi, vay vốn tín dụng...

### 3. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ SV Ở TRƯỜNG ĐHSP TDTT HÀ NỘI

#### 3.1. Một số nét về Phòng Quản lý Đào tạo và Công tác SV Trường ĐHSP TDTT Hà Nội

Phòng Quản lý Đào tạo và Công tác sinh viên tiền thân gồm 02 phòng là Phòng Đào tạo và Phòng Công tác sinh viên. Hiện tại, phòng

có 17 cán bộ. Trong đó: Nam: 06 đồng chí (đ/c); Nữ: 11 đ/c; chuyên môn: tiến sỹ: 01 đ/c, thạc sỹ: 02 đ/c; cử nhân: 07 đ/c; trình độ khác: 07 đ/c. Phòng có chức năng, nhiệm vụ:

Công tác Đào tạo: Quản lý thống nhất toàn bộ kế hoạch đào tạo, nội dung, chương trình, kế hoạch học tập, nội dung các môn học của tất cả các chuyên ngành, các hệ và các loại hình đào tạo; xây dựng kế hoạch năm học, thời khóa biểu học tập cho các khoá, các lớp; rà soát, xây dựng kế hoạch xuất bản giáo trình, tài liệu nghiên cứu học tập của các bộ môn thông qua Hội đồng khoa học và đào tạo, tổ chức định kỳ việc đánh giá chất lượng dạy và học; trên cơ sở các văn bản pháp quy của Nhà nước, nghiên cứu đề xuất các quy định bổ sung cho phù hợp với điều kiện của Trường nhằm nâng cao chất lượng đào tạo; kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội quy, quy chế về giảng dạy, học tập, thi và kiểm tra; quản lý giờ giấc học tập của SV trên lớp, tổ chức kiểm tra định kỳ và đột xuất tình hình học tập trên lớp; quản lý kết quả học tập của SV, xử lý về mặt học tập của SV theo quy chế hiện hành; chủ trì và phối hợp bảo lưu kết quả học tập của SV theo quy chế;

Công tác SV: Tổ chức tiếp nhận thí sinh trúng tuyển vào học theo quy định của Bộ GD&ĐT và Nhà trường; thống kê, tổng hợp dữ liệu và quản lý hồ sơ của SV; đánh giá, tổng hợp kết quả rèn luyện, khen thưởng của SV; tổ chức "Tuần sinh hoạt công dân SV"; tổ chức công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống cho HSSV; tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ, các hoạt động ngoài giờ lên lớp khác cho SV; tổ chức thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước quy định đối với SV về học bổng, trợ cấp xã hội, tín dụng đào tạo và các chế độ khác có liên quan đến SV; quản lý SV nội, ngoại trú; tuyên truyền, phổ biến, giáo

## DIỄN ĐÀN - TRAO ĐỔI

dục pháp luật về an toàn giao thông, phòng chống tội phạm ma túy, mại dâm, HIV/AIDS và các hoạt động khác có liên quan đến SV.

### **3.2. Thực trạng công tác quản lý SV Trường ĐHSP TDTT Hà Nội**

#### **3.2.1. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống**

Trong những năm qua, thực hiện "Quy chế HSSV các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy" do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, với sự nỗ lực, cố gắng toàn diện của Nhà trường, công tác giáo dục tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống cho SV của Nhà trường đã thu được những kết quả tốt đẹp. Đa số SV có nhận thức đúng đắn về mục tiêu đào tạo, có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, có ý thức kỷ luật, có đạo đức, lối sống lành mạnh. Nhà trường đã triển khai tốt các hình thức và biện pháp giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống đối với SV như: tổ chức "Tuần sinh hoạt công dân cho SV" đầu năm; tổ chức các hoạt động phong trào như: Phong trào tình nguyện của thanh niên; tiếp sức mùa thi và tham gia đảm bảo an toàn giao thông; giữ gìn an ninh, trật tự trên địa bàn Trường đóng, phong trào hiến máu nhân đạo, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, TDTT v.v...

#### **3.2.2. Phong trào học tập, nghiên cứu khoa học của SV**

Đa số sinh viên có ý thức và động cơ học tập đúng đắn, cần cù, chịu khó khắc phục khó khăn vươn lên trong học tập, việc học tập, thi cử đã có nhiều chuyển biến tích cực, kết quả đào tạo, bồi dưỡng của Nhà trường ngày càng đi vào chiều sâu, thực chất, đánh giá đúng chất lượng dạy học và giáo dục.

Nhà trường đã sáp nhập các khoa chuyên ngành để nâng cao hiệu quả công tác quản lý, giảng dạy và huấn luyện đội tuyển. Ngoài ra đã

thành lập Trung tâm Bồi dưỡng nghiệp vụ và Tổ chức sự kiện, trong đó có bộ môn Nghệ thuật Đoàn đội nhằm đáp ứng nhu cầu học tập, bồi dưỡng, trang bị kỹ năng mềm và cấp chứng chỉ Công tác Đoàn đội cho SV. Do vậy, SV khi ra trường đã đáp ứng được yêu cầu về công tác giảng dạy, huấn luyện, nghiệp vụ Công tác Đoàn đội góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường nói chung, đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của xã hội.

Định kỳ hằng năm Nhà trường tổ chức Hội nghị sinh viên nghiên cứu khoa học có sự tham gia đông đảo SV các khóa chất lượng các công trình nghiên cứu ngày càng cao. Trên cơ sở hạt nhân của Hội nghị cấp trường, Nhà trường đã cử đoàn SV tham dự hội nghị SV nghiên cứu khoa học toàn quốc và đều đạt thứ hạng cao. Trong ba năm trở lại đây, Nhà trường đã tổ chức cho sinh viên tham gia thi Olympic Tiếng Anh, Mác - Lênin đã thu hút được đông đảo SV tham gia. Các đội tuyển của Nhà trường tham dự các giải thi đấu thể thao khu vực và toàn quốc nhiều năm liền đạt cúp vô địch.

#### **3.2.3. Tổ chức thực hiện các chế độ, chính sách đối với HSSV**

Đầu năm học, Nhà trường giao cho phòng Quản lý Đào tạo và Công tác SV chủ trì, phối hợp với các đơn vị, đoàn thể tổ chức cho sinh viên học tập các nội dung cơ bản của "Tuần sinh hoạt công dân", trong đó hướng dẫn SV khóa mới các văn bản thực hiện chế độ chính sách. Việc thực hiện chế độ chính sách đối với SV như trợ cấp xã hội, học bổng khuyến khích học tập, trợ cấp ưu đãi, vay vốn tín dụng đào tạo,... đảm bảo đúng và đủ mọi quyền lợi của SV.

#### **3.2.4. Công tác quản lý HSSV nội, ngoại trú**

Khu nội trú của Nhà trường có khoảng trên 3000 chỗ ở. Nhà trường có bộ phận quản lý KTX nội trú chuyên trách và có 1 Ban chủ

## DIỄN ĐÀN - TRAO ĐỔI

nhiệm SV trực thuộc phòng Quản lý Đào tạo và Công tác SV, ngoài ra còn có sự phối hợp chặt chẽ với Đoàn Thanh niên để tham gia quản lý SV nội trú. Công tác quản lý SV nội trú của Nhà trường được thực hiện đúng Quy chế quản lý SV nội trú của Bộ GD&ĐT. Tại khu nội trú, SV được phục vụ ăn uống tại Nhà ăn tập thể (căng tin). Ngoài giờ học, SV có thể tham gia các hoạt động thể thao như bóng đá, bóng bàn, cầu lông, bóng chuyền, bơi, tập thể hình... tại các sân chuyên ngành và nhà thi đấu đa năng của Nhà trường với đầy đủ các phương tiện kỹ thuật. Công tác tự quản được quản lý từ 5h30' đến 23h00', với mô hình hoạt động của 05 đội tự quản, Đội An ninh xung kích đảm bảo về công tác an ninh trật tự, Đội Vệ sinh môi trường đảm bảo về công tác vệ sinh toàn bộ khuôn viên trong Trường, Đội Nội vụ đảm bảo công tác nội vụ phòng ở trong KTX, Đội Tác phong sư phạm đảm bảo nề nếp ý thức, trang phục đi học của SV, Đội Phát thanh đảm bảo việc tuyên truyền, phát thanh và thông báo các nội dung, hoạt động của Nhà trường. Hàng ngày bộ phận KTX đều tiến hành trực từ 5h30' đến 23h00', đối với ban chủ nhiệm có lịch trực cụ thể từng ngày trong tuần từ 19h30' đến 23h00' để đảm bảo an ninh, nề nếp giải quyết các công việc phát sinh. Ngoài ra, Phòng Quản lý Đào tạo và Công tác SV thường xuyên phối hợp với lực lượng an ninh khu vực kiểm tra việc SV tự ý bỏ ra ngoài KTX. Định kỳ tiến hành họp giao ban cán bộ lớp, khóa với giảng viên chủ nhiệm một tuần một lần, tập trung sinh hoạt toàn khóa 2 tuần một lần và họp toàn trường để sơ kết 1 tháng một lần.

Để quản lý SV ngoại trú, Nhà trường đã phối kết hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng, các đoàn thể, chính quyền, nhân dân địa phương nơi Trường đóng, giảng viên chủ

nhiệm và ban cán sự các lớp. Đối với các SV ở ngoại trú khi gia đình cách Trường 10km, các em phải làm đơn đăng ký thông qua giảng viên chủ nhiệm, có ý kiến của phụ huynh và chính quyền địa phương để phối hợp quản lý. Định kỳ tổ chức đối thoại với SV để nắm bắt diễn biến tư tưởng, những khó khăn, thuận lợi trong học tập cũng như trong cuộc sống của SV, qua đó kịp thời đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý SV.

### ***3.2.5. Việc tổ chức các hoạt động phong trào cho HSSV***

Trường ĐHSP TDTT Hà Nội luôn nhận thức sâu sắc: Muốn nâng cao chất lượng đào tạo toàn diện cần đặc biệt chú trọng và quan tâm đến việc tổ chức các hoạt động phong trào của SV. Từ nhận thức đó, trong những năm qua, Nhà trường đã có nhiều hình thức và biện pháp sáng tạo, phù hợp, hiệu quả để đẩy mạnh các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể thao và các hoạt động xã hội trong Nhà trường, cụ thể như: tổ chức tốt hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể thao nhân kỷ niệm các ngày lễ lớn, tham gia đầy đủ, tích cực với tinh thần trách nhiệm cao các hoạt động xã hội, phong trào thanh niên tình nguyện, hiến máu nhân đạo, đền ơn đáp nghĩa... do Nhà trường, Thành đoàn TW đoàn, của Ngành phát động. Từ những hoạt động trên Đoàn Thanh niên Trường đã được đánh giá và ghi nhận với nhiều Bằng khen của Trung ương đoàn và Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

### ***3.2.6. Công tác phát triển Đảng trong SV***

Trong nhiều năm qua, công tác phát triển Đảng trong SV luôn được Đảng uỷ Nhà trường quan tâm, chăm lo. Trong từng nhiệm kỳ, từng năm học, Đảng uỷ đều có những nghị quyết chuyên đề về công tác phát triển Đảng trong SV và đã có nhiều biện pháp tổ chức thực hiện phù hợp với tình hình thực tế của Nhà trường

## **DIỄN ĐÀN - TRAO ĐỔI**

để kết nạp được những SV tiêu biểu. Từ năm 2015 đến nay, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh bồi dưỡng, giới thiệu cho Đảng bộ được trên 150 Đoàn viên ưu tú để bồi dưỡng phát triển Đảng, giới thiệu học nhận thức về Đảng cho hơn 500 Đoàn viên ưu tú.

### **3.3. Một số tồn tại trong quản lý SV**

Trong những năm qua Nhà trường đã tích cực triển khai thực hiện các văn bản quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo về công tác SV, tuy nhiên trong quá trình công tác quản lý sinh viên thực hiện vẫn còn hạn chế. Cụ thể, số SV đạt điểm rèn luyện từ loại tốt trở lên chiếm tỷ lệ chưa cao, nhiều tiêu chí đặt ra trong phiếu đánh giá kết quả rèn luyện SV chưa phù hợp, việc theo dõi kiểm tra của hệ thống ban cán sự lớp, giảng viên chủ nhiệm chưa chặt chẽ; việc tổ chức các hoạt động nhằm tập hợp SV ngoại trú thực hiện chưa tốt, cơ sở vật chất trong khu nội trú đã được cải thiện tuy nhiên chưa đảm bảo nhu cầu sinh hoạt đầy đủ của SV, số lượng đầu sách tại thư viện chưa đáp ứng đủ nhu cầu của việc học tập, nghiên cứu, chưa thu hút được nhiều SV tham gia NCKH. SV chưa phát huy được tính sáng tạo trong học tập theo phương pháp giảng dạy mới, việc học tập vẫn còn trong tình trạng thụ động.

Phòng Quản lý Đào tạo và Công tác SV Đoàn Thanh niên chưa xây dựng được nhiều câu lạc bộ, các mô hình học thuật để tạo điều kiện giúp đỡ SV trong học tập, rèn luyện; sự phối hợp giữa các phòng, khoa, giảng viên chủ nhiệm lớp với Phòng Quản lý Đào tạo và Công tác SV chưa thật nhịp nhàng.

## **4. MỘT SỐ GIẢI PHÁP KIẾN NGHỊ NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC QUẢN LÝ SV Ở TRƯỜNG ĐHSPTDTT HÀ NỘI**

### **4.1. Giải pháp**

Để thực hiện mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao thì việc nâng cao hiệu quả công tác quản lý SV được Nhà trường xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm. Muốn vậy Nhà trường cần tập trung thực hiện những giải pháp sau:

- Giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, nhân cách, lối sống cho SV. Nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập các môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong Nhà trường. Tổ chức thi Olympic các môn học, NCKH, hội thi nghiệp vụ sư phạm giỏi; kịp thời tuyên dương, khen thưởng SV đạt thành tích cao trong học tập và NCKH. Tiếp tục triển khai có hiệu quả Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của SV; xây dựng phiếu đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV sát với tình hình cụ thể của Nhà trường. Để quản lý SV chặt chẽ, đánh giá chính xác, công bằng và khách quan, cán bộ Quản lý Đào tạo và Công tác sinh viên phối hợp chặt chẽ với nhiều bộ phận để nắm bắt các thông tin về việc chấp hành của SV. Tổ chức tốt hệ thống cán bộ lớp, cán bộ khóa ngay từ đầu năm học, thường xuyên tập huấn bồi dưỡng nâng cao ý thức trách nhiệm của cán bộ lớp. Xây dựng quy định về việc sử dụng thẻ SV, đeo thẻ trong Nhà trường và giảng đường, xuất trình thẻ khi thi.

- Thực hiện tốt công tác quản lý SV nội, ngoại trú. Nhà trường cần huy động mọi nguồn lực để nâng cấp, sửa chữa KTX SV đáp ứng nhu cầu nhà ở của các em. Nâng cao điều kiện phục vụ sinh hoạt về điện nước, đảm bảo an ninh trật tự nhằm thu hút SV vào ở trong khu nội trú. Đổi mới hình thức tổ chức các phong trào tự quản trong SV, hướng các hoạt động tự quản của SV vào phong trào thi đua làm xanh, sạch đẹp Nhà trường, khu KTX, xây dựng phòng ở kiểu mẫu. Xây dựng quỹ khen thưởng trong khu KTX, đưa nội dung xây dựng phòng

## DIỄN ĐÀN - TRAO ĐỔI

ở sạch đẹp vào nội dung đánh giá kết quả rèn luyện. Đẩy mạnh các hoạt động văn hoá, văn nghệ, TDTT, lấy phong trào TDTT để tập hợp SV nội trú, hướng SV nội trú vào các hoạt động lành mạnh. Đổi mới hoạt động dịch vụ tại khu nội trú. Phòng Quản lý Đào tạo và Công tác sinh viên cần phân công cán bộ phụ trách về công tác SV ngoại trú, phối hợp chặt chẽ với chính quyền và công an địa phương, các gia đình phụ huynh để cùng quản lý SV. Định kỳ tổ chức Hội nghị giao ban với chính quyền, địa phương nơi Trường đóng. Thực hiện thống nhất việc lấy ý kiến nhận xét về SV ngoại trú theo học kỳ, năm học của công an tại địa phương SV ở ngoại trú. Triển khai các hoạt động nhằm tập hợp SV ngoại trú, giáo dục, tuyên truyền SV có biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn các tệ nạn xã hội, xây dựng các tiêu chí cụ thể để phân loại SV ngoại trú.

- Xây dựng và triển khai hoạt động an ninh trật tự, an toàn và phòng chống các vấn đề tệ nạn xã hội. Xây dựng tiêu chí nhà trường đảm bảo an ninh trật tự và an toàn, nhà trường văn hoá theo tiêu chuẩn quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tăng cường tuyên truyền giáo dục pháp luật cho SV bằng nhiều hình thức; tiếp tục làm tốt công tác kiểm tra, xây dựng các phong trào giúp bạn, hòm thư tố giác các tệ nạn xã hội trong học đường.

- Tạo điều kiện, giúp đỡ SV tham gia NCKH, phát huy tính chủ động sáng tạo của tuổi trẻ; tổ chức các phong trào học thuật nhằm thu hút SV tích cực học tập, NCKH góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường. Từ ý tưởng trên, trong công tác quản lý SV; xây dựng các mô hình đội tuyển, câu lạc bộ học thuật theo các chuyên sâu cho SV phù hợp với thực tế Nhà trường.

### 4.2. Kiến nghị

Nhà trường cần có văn bản đề xuất với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ nghiên cứu ban hành quy định về tuyển dụng công chức, viên chức là SV, cần quan tâm đến kết quả rèn luyện của SV bởi đây là kết quả phấn đấu trưởng thành của SV trên rất nhiều lĩnh vực hoạt động. Cần có sự điều chỉnh nội dung và khung điểm trong phiếu điểm rèn luyện SV cho phù hợp điều kiện từng trường. Các công văn về chế độ của SV cũng như các văn bản chỉ đạo hiện nay cần được hệ thống hoá thành cuốn sổ tay công tác SV để thuận tiện cho việc đối chiếu kiểm tra, thực hiện. Nhà trường cần đầu tư thêm kinh phí cho các hoạt động của SV; nâng cấp, sửa chữa khu nội trú đáp ứng yêu cầu sinh hoạt của SV. Phòng Quản lý Đào tạo và Công tác SV cần chủ động phối hợp với đoàn thanh niên thành lập các câu lạc bộ học thuật, câu lạc bộ văn nghệ, thể thao...

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quy chế học sinh, sinh viên các trường Đại học, Cao đẳng và Trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy (Ban hành kèm theo Quyết định số 42/2007/QĐ-BGDĐT ngày 13/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).
2. Quy định về công tác giáo dục phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên trong các đại học, học viện, trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp (Ban hành kèm theo Quyết định số 50/2007/QĐ-BGDĐT ngày 29/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).
3. Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của người học được đào tạo trình độ Đại học hệ chính quy (Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BGDĐT Ngày 12 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).